

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 530/UBND-NCKTGS

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2024

V/v xử lý các công trình thụ hưởng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy

Kính gửi:

- Các Sở, ngành thành phố;
- Bảo hiểm xã hội thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

**HỎA TỐC**

Thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc đánh giá kết quả 10 tháng thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023 về tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy trong tình hình mới và chỉ đạo của Bộ Công an về công tác phòng cháy chữa cháy; xét đề nghị của Công an thành phố tại Văn bản số 551/CAHP-PC07 ngày 05/3/2024 (gửi kèm theo).

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện nghiêm các nội dung, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Kiến An, Dương Kinh, An Dương, An Lão, Cát Hải, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo; Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng; các trường: Đại học Hải Phòng, Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Bắc Bộ, Trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch Hải Phòng; Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng, Công ty TNHH Một thành viên xô số Hải Phòng:

- Hiện đang sử dụng, hoạt động các công trình nhưng chưa thực hiện thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy và chưa nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy (Danh sách tại Phụ lục I kèm theo): Tập trung hoàn thiện hồ sơ để thẩm duyệt thiết kế, bổ sung, khắc phục những yêu cầu về phòng cháy chữa cháy để tổ chức nghiệm thu theo quy định; nếu vượt quá thẩm quyền phải đề xuất cơ quan cấp trên giải quyết dứt điểm; hoàn thành xong trước ngày 30/6/2024.

- Đối với các cơ sở, công trình không thuộc đối tượng quy định phải thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy và nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy (Danh sách tại Phụ lục II kèm theo) hiện đang hoạt động nhưng không đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy theo quy định, phải cải tạo, lắp đặt, bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy để khắc phục và đảm bảo phòng cháy chữa cháy

theo quy định. Nếu vượt quá thẩm quyền phải đề xuất cơ quan cấp trên giải quyết dứt điểm.

- Tổ chức họp kiểm điểm, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý theo quy định.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Công an thành phố) kết quả thực hiện trước ngày 30/6/2024.

2. Giao Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp với các đơn vị nêu trên thực hiện ngay việc khắc phục, phương án bố trí nguồn kinh phí để thực hiện, xác định rõ cấp thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư thực hiện để khắc phục các vi phạm về phòng cháy chữa cháy nêu trên; nếu vượt quá thẩm quyền kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Công an thành phố) kết quả thực hiện trước ngày 30/6/2024.

### 3. Giao Công an thành phố:

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các đơn vị; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 01/7/2024.

- Xử lý vi phạm về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở, ngành, địa phương, đơn vị nêu trên thực hiện. /.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- C07 - Bộ Công an;
- CT, các PCT UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Tr. Đại học HP Tr. CĐKT-KT Bắc Bộ,  
Tr. Trung cấp VHNT&DL HP;
- Cty TNHH MTV Điện lực HP;
- Cty TNHH MTV XS HP;
- Các phòng: NCKTGS, XDGTC, TCNS, VX, NNTNMT, TCHC;
- Lưu: VT, NCKTGS2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

**PHỤ LỤC I**

**DANH SÁCH CÔNG TRÌNH THỤ HƯỞNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG NHƯNG CHƯA ĐƯỢC NGHIỆM THU VỀ PCCC**  
(Kèm theo Văn bản số: 530/UBND-NCKTGS ngày 15/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên dự án, công trình	Tên chủ đầu tư/ Đơn vị vận hành, sử dụng	Địa điểm xây dựng công trình	Quy mô, tính chất hoạt động công trình thuộc diện thẩm duyệt	Năm công trình đi vào hoạt động/Năm cải tạo, xây mới của hạng mục thuộc diện thẩm duyệt	Tình trạng hoạt động				Nội dung không đảm bảo an toàn PCCC (lỗi thoát nạn, chống sét, giải pháp ngăn cháy, ngăn khói, trang bị phương tiện PCCC)
						Tạm đình chỉ	Đình chỉ hoạt động	Đang hoạt động	Dừng hoạt động	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>Huyện Cát Hải (11 cơ sở)</b>										
1	Trung tâm Văn hóa- Thể thao huyện Cát Hải	UBND huyện Cát Hải	Số Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	Quy mô: Tổng diện tích 7000m2, Cao 3 tầng, sân thi đấu thể thao trong nhà có khán đài 832 chỗ ngồi. Có 04 cầu thang thoát nạn	2022			x		Công trình đã được thẩm duyệt về PCCC năm 2018; Đã thi công xong hệ thống PCCC, tuy nhiên chưa tổ chức nghiệm thu về PCCC. * Chưa mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc công trình (nhà thi đấu thể thao trên 500 chỗ là cơ sở nguy hiểm cháy nổ theo phụ lục II Nghị định 136/2020/NĐ-CP), Căn cứ Nghị định 97/2021/NĐ-CP.
2	Trường Mầm non thị trấn Cát Hải	UBND huyện Cát Hải	Tổ dân phố Đôn Lương, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải	Tổng diện tích mặt bằng là 2370 m2, gồm 01 dãy nhà 02 tầng có diện tích khoảng 233,8 m2 và 01 dãy nhà 03 tầng có diện tích khoảng 467 m2 được xây dựng liền kề; Mỗi nhà có 01 lối thoát nạn. - Tính chất hoạt động: Trường Mầm non có 270 cháu đang theo học.	Hoạt động năm 2001, đến năm 2012 tiến hành cải tạo, xây mới các phòng học.			x		* Cơ sở đã có giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 88/TĐ-PCCC ngày 06/6/2012, đã thi công hệ thống PCCC, hệ thống hỏng, chưa tiến hành nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng. * Tầng 3 dãy nhà 03 tầng không đủ lối thoát nạn (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
3	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Cát Hải	UBND thành phố/Bảo hiểm Xã hội huyện Cát Hải	Số 10 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	Quy mô: Diện tích 126m2, xây dựng 7 tầng, hoạt động văn phòng 4 tầng, 3 tầng trên sử dụng làm nhà khách, phòng nghỉ cho CBNV. Có 01 cầu thang bộ dạng hờ trong nhà từ tầng 1 lên tầng 7. Tính chất hoạt động: Hoạt động văn phòng và nhà khách	Hoạt động từ 2008			x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Thiếu 01 lối thoát nạn từ tầng 2 đến tầng 7, mỗi tầng hơn 20 người (căn cứ theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); * Chưa trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy (căn cứ theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
4	Trường Mầm non 3/2 thị trấn Cát Bà	UBND huyện Cát Hải	Số 69 Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	- Quy mô: tổng diện tích mặt bằng khoảng 1060 m2 được xây dựng 03 tầng trên diện tích khoảng 600m2, cơ sở có 02 cầu thang thoát nạn - Tính chất hoạt động: Trường Mầm non có 240 cháu đang theo học.	Hoạt động từ năm 1982, đến năm 2010 tiến hành cải tạo, xây mới các phòng học.			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Hệ thống cấp nước trong nhà đã lắp đặt nhưng đang bị hỏng không sử dụng được.

5	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND huyện Cát Hải	Tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	- Quy mô: tổng diện tích mặt bằng khoảng 2536 m <sup>2</sup> ; được xây dựng 03 tầng trên diện tích 700m <sup>2</sup> . Cơ sở có 02 cầu thang thoát nạn. Công trình gồm có 02 đơn nguyên được kết nối với nhau qua hành lang chung. - Tình chất hoạt động: Trường Mầm non có 350 cháu đang theo học.	Xây dựng và đi vào hoạt động năm 2006			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (theo TCVN 2622:1995, 3890:2009, TCVN 3890:2023).
6	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND huyện Cát Hải	Tổ dân phố 3, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	- Quy mô: tổng diện tích 6154m <sup>2</sup> , diện tích xây dựng khoảng 1500 m <sup>2</sup> được xây dựng với 02 nguyên đơn chính bao gồm: Nguyên đơn 01: Có diện tích xây dựng khoảng 150m <sup>2</sup> xây dựng với kiến trúc 02 tầng, có 01 cầu thang thoát nạn; Nguyên đơn 02 có diện tích xây dựng khoảng 1350 m <sup>2</sup> , xây dựng với kiến trúc 02 tầng, có 03 cầu thang thoát nạn. 2 đơn nguyên nối thông nhau tại tầng 2. - Tình chất hoạt động: Trường Tiểu học có khối tích trên 5000m <sup>3</sup>	Xây dựng năm 2003 và đi vào hoạt động năm 2004			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP; phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);
7	Trường Tiểu học Chu Văn An	UBND huyện Cát Hải	Tổ dân phố 18, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	- Quy mô: tổng diện tích mặt bằng 2221 m <sup>2</sup> , diện tích xây dựng 1224m <sup>2</sup> gồm 03 dãy nhà 02 tầng, 01 dãy nhà 03 tầng được kết nối với nhau qua hành lang chung, cơ sở có tổng cộng 03 cầu thang thoát nạn. - Tình chất hoạt động: Trường Tiểu học có khối tích trên 5000m <sup>3</sup>	Đi vào hoạt động năm 2000, tiến hành cải tạo và xây dựng dãy nhà 03 tầng năm 2019.			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
8	Trường THCS thị trấn Cát Bà	UBND huyện Cát Hải	Số 101 Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	- Quy mô: tổng diện tích mặt bằng khoảng 9000m <sup>2</sup> , diện tích xây dựng 2975m <sup>2</sup> gồm 03 dãy nhà 3 tầng nối thông với nhau, có 03 cầu thang thoát nạn, được sử dụng làm các phòng làm việc, phòng chức năng và các phòng học. Ngoài ra còn có 01 khu nhà đa năng có diện tích khoảng 595m <sup>2</sup> được xây dựng 02 tầng, có 02 cầu thang bộ. - Tình chất hoạt động: Trường THCS có khối tích trên 5000m <sup>3</sup> .	Xây dựng và đi vào hoạt động năm 2006, đến năm 2015 xây dựng khu nhà đa năng.			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (căn cứ theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
9	Trường THPT Cát Bà	Sở Giáo dục và Đào tạo	Số 79 Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	- Quy mô: diện tích mặt bằng khoảng 4443 m <sup>2</sup> , diện tích xây dựng khoảng 1800m <sup>2</sup> gồm 03 dãy nhà 03 tầng (dãy nhà A, dãy nhà B, dãy nhà C) được kết nối với nhau qua hành lang chung, cơ sở có 03 cầu thang bộ. - Tình chất hoạt động: Trường THPT có khối tích trên 5000m <sup>3</sup>	Đi vào hoạt động năm 1971. Từ năm 2019 đến năm 2020 cải tạo và xây dựng mới dãy nhà A. Từ năm 2020 đến năm 2021 cải tạo và xây dựng mới dãy nhà B. Từ năm 2021 đến năm 2022 cải tạo và xây dựng mới dãy nhà C			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

10	Trường mầm non xã Phù Long	UBND huyện Cát Hải	Thôn Ngoại, xã Phù Long, huyện Cát Hải	- Quy mô: diện tích đất khoảng 2800m <sup>2</sup> , diện tích xây dựng khoảng 360m <sup>2</sup> , khoảng 2160m <sup>3</sup> gồm 02 khối nhà xây dựng 2 tầng liền kề thông nhau, có 02 cầu thang thoát nạn kiểu hờ thông ra hành lang bên. - Tình chất hoạt động: Trường mầm non có 115 cháu.	Hoạt động từ năm 1999, cải tạo lại năm 2012				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
11	Trung tâm y tế huyện Cát Hải	Sở Y tế hải phòng	Số 123 đường Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	Quy mô: diện tích mặt bằng khoảng 7500m <sup>2</sup> gồm 09 khu: Khối hành chính cao 2 tầng diện tích 207m <sup>2</sup> ; Khối nhà dinh dưỡng 01 tầng diện tích 198m <sup>2</sup> ; Khối Nội, Nhi, Truyền nhiễm 2 tầng diện tích 492m <sup>2</sup> ; Khu nhà Chăm sóc sức khỏe sinh sản 2 tầng diện tích 273m <sup>2</sup> ; Khối Ngoại Tổng hợp 2 tầng diện tích 297m <sup>2</sup> ; Khu nhà Khám bệnh cao 3 tầng diện tích hợp 2 tầng diện tích 420 m <sup>2</sup> ; Khối Điều dưỡng - YHCT cao 2 tầng diện tích 208m <sup>2</sup> ; Khu Đại thể 1 tầng diện tích 50m <sup>2</sup> . Khối nhà Khoa Ngoại Tổng hợp kết nối với khối điều dưỡng -YHCT qua hành lang chung, các khối còn lại xây dựng độc lập - Tình chất hoạt động: Trung tâm y tế có tổng khối tích trên 5.000m <sup>3</sup>	Đưa vào hoạt động 1993, năm 2010 xây dựng thêm các dãy nhà hành chính, dinh dưỡng, khu nội - nhi- truyền nhiễm, khu nhà chăm sóc sức khỏe sinh sản, điều dưỡng- y học cổ truyền, khu nhà đại thể				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà khám chữa bệnh đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023), Khối khám bệnh 3 tầng chưa lắp đặt họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

**Huyện Kiến Thụy (18 cơ sở)**

12	Trường Mầm non Tú Sơn	UBND huyện Kiến Thụy	xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy	_ Tổng diện tích đất: 3500m <sup>3</sup> _ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: (Cơ sở 1) có 03 dãy nhà 2 tầng và 01 dãy nhà 1 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 650m <sup>2</sup> ; khối tích 3600m <sup>3</sup> ; Số tầng cao nhất 02 tầng; các dãy nhà 2 tầng có 2 cầu thang bộ. _ Tổng số cháu: 400 cháu	Năm hoạt động 2003/ Năm cải tạo, sửa chữa, xây mới 2009				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
13	Trường Mầm non Đoàn Xá	UBND huyện Kiến Thụy	xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	_ Tổng diện tích đất: 7300m <sup>3</sup> _ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: (Cơ sở 1) có 02 dãy nhà 2 tầng và 01 dãy nhà 1 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 800m <sup>2</sup> ; khối tích 4200m <sup>3</sup> ; Số tầng cao nhất trong cơ sở 02 tầng; dãy nhà 2 tầng diện tích 350m <sup>2</sup> có 01 cầu thang bộ. _ Tổng số cháu: 360 cháu	Năm hoạt động 2013				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
14	Trường Mầm non Đại Hợp	UBND huyện Kiến Thụy	xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy	_ Tổng diện tích đất: 4000m <sup>2</sup> (Cơ sở 1: 2500m <sup>2</sup> , Cơ sở 2: 1500m <sup>2</sup> ) _ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Cơ sở 1: gồm 02 dãy nhà 2 tầng và 01 dãy nhà 1 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 600m <sup>2</sup> ; khối tích 3360m <sup>3</sup> ; số tầng cao nhất trong cơ sở 02 tầng; có 01 cầu thang bộ mỗi nhà. Cơ sở 2: gồm 01 dãy nhà 2 tầng; diện tích 360m <sup>2</sup> ; khối tích 2160m <sup>3</sup> ; số tầng cao nhất 02 tầng; có 02 cầu thang bộ. _ Tổng số cháu: (Cơ sở 1: 255 cháu; Cơ sở 2: 150 cháu)	Năm hoạt động 2004, cải tạo năm 2010				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

15	Trường Mầm non Ngũ Đoan	UBND huyện Kiến Thụy	xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 5200m<sup>2</sup>.</li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 02 dãy nhà 2 tầng và 02 dãy nhà 1 tầng; tổng xây dựng khoảng 650m<sup>2</sup>; khối tích 3180m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; tại 2 dãy nhà 2 tầng có 2 cầu thang bộ</li> <li>_ Tổng số cháu: 380 cháu</li> </ul>	Năm hoạt động 2005				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> </ul>
16	Trường Mầm non Đông Phương	UBND huyện Kiến Thụy	xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 2700m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 01 dãy nhà 3 tầng, 02 dãy nhà 2 tầng, 01 dãy nhà 1 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 690m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 4200m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 03 tầng; có 02 cầu thang bộ, các dãy nhà nối thông các tầng.</li> <li>_ Tổng số cháu: 270 cháu</li> </ul>	Năm hoạt động 1996/ Năm cải tạo, sửa chữa, xây mới 2010				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
17	Trường Mầm non Đại Đồng	UBND huyện Kiến Thụy	xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 5700m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 03 dãy nhà 2 tầng lên kết với nhau; tổng diện tích xây dựng khoảng 600m<sup>2</sup>; khối tích 3600m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất trong trường 02 tầng; có 2 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu 418 cháu.</li> </ul>	Năm hoạt động 2000/ Năm cải tạo, xây dựng 2009				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
18	Trường Mầm non Minh Tân	UBND huyện Kiến Thụy	xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 7000m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: 02 dãy nhà 2 tầng và 02 dãy nhà 1 tầng; tổng diện tích xây dựng 1100m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 5400m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 02 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu: 275 cháu</li> </ul>	Năm hoạt động 2011				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
19	Trường Mầm non Liên Cơ	UBND huyện Kiến Thụy	Thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất 2800m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 01 dãy nhà 3 tầng và 02 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 1250m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 6000m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất trong trường 03 tầng; có 02 cầu thang bộ, hành lang các dãy nhà nối thông nhau.</li> <li>_ Tổng số cháu: 270 cháu.</li> </ul>	Năm hoạt động 1984/ Năm cải tạo, sửa chữa, xây mới 2016				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
20	Trường Mầm non Tân Phong	UBND huyện Kiến Thụy	xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 4128m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 02 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng 500m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 3000m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 02 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu: 289 cháu</li> </ul>	Năm hoạt động 2005				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> </ul>

21	Trường mầm non xã Du Lễ	UBND huyện Kiến Thụy	xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 6500m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 02 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 600m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 3600m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 2 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu: 278 cháu.</li> </ul>	Năm hoạt động năm 2019				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
22	Trường mầm non xã Ngũ Phúc	UBND huyện Kiến Thụy	xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 3868m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 03 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 650m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 3900m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 02 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu: 399 cháu</li> </ul>	Năm hoạt động 2015				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
23	Trường mầm non xã Kiến Quốc	UBND huyện Kiến Thụy	xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 4300m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 02 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 810m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 4800m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 01 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu 295 cháu.</li> </ul>	Năm hoạt động 2016				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
24	Trường mầm non xã Đại Hà	UBND huyện Kiến Thụy	xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 5555m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 02 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 800m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 4800m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 02 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu: 318 cháu.</li> </ul>	Năm hoạt động 2011				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
25	Trường mầm non xã Tân Trào	UBND huyện Kiến Thụy	xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 3536m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 3 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 1200m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 7200m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 02 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu: 387 cháu.</li> </ul>	Năm hoạt động 2015				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
26	Trường Mầm non Thụy Hương	UBND huyện Kiến Thụy	xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất 3050m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 01 dãy nhà 2 tầng và 02 dãy nhà 1 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 600m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 3600m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 02 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu: 134 cháu.</li> </ul>	Năm hoạt động 1997/ Năm cải tạo, sửa chữa, xây mới 2011				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
27	Trường Mầm non Hữu Bằng	UBND huyện Kiến Thụy	xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tổng diện tích đất: 4100m<sup>2</sup></li> <li>_ Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 01 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 500m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 3000m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 01 cầu thang bộ.</li> <li>_ Tổng số cháu: 450 cháu.</li> </ul>	Năm hoạt động 1998/ Năm cải tạo, sửa chữa, xây mới 2014				x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>

28	Trường Mầm non Thanh Sơn	UBND huyện Kiến Thụy	xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy	<p>Tổng diện tích đất: 1300m<sup>2</sup></p> <p>Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 02 dãy nhà 2 tầng và 02 dãy nhà 1 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 780m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 2340m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 02 cầu thang bộ.</p> <p>Tổng số cháu: 165 cháu.</p>	Năm hoạt động 1998/ Năm cải tạo, sửa chữa, xây mới 2013			x		<p>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
29	Trường Mầm non Thuận Thiên	UBND huyện Kiến Thụy	xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy	<p>Tổng diện tích đất: 5600m<sup>2</sup></p> <p>Hạng mục chưa được thẩm duyệt: gồm 02 dãy nhà 2 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 750m<sup>2</sup>; khối tích khoảng 4500m<sup>3</sup>; số tầng cao nhất 02 tầng; có 2 cầu thang bộ.</p> <p>Tổng số cháu: 261 cháu.</p>	Năm hoạt động 1998/ Năm cải tạo, sửa chữa, xây mới 2013			x		<p>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
<b>Huyện Tiên Lãng (30 cơ sở)</b>										
30	Trường mầm non Tiên Thắng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Tiên Thắng	xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng	<p>- Quy mô: Tổng diện tích đất là 5800m<sup>2</sup>, gồm 03 dãy nhà 2 tầng xây nối thông nhau.</p> <p>+ Dãy A có diện tích 350m<sup>2</sup>, 02 tầng.</p> <p>+ Dãy B có diện tích 350m<sup>2</sup>, 2 tầng.</p> <p>+ Dãy C có diện tích 350m<sup>2</sup>, 2 tầng.</p> <p>Tổng khối tích là 7350m<sup>3</sup>. Các dãy nhà xây liền khối thông nhau bằng hành lang, mỗi nhà 01 thang</p> <p>Tổng số học sinh: 470 cháu.</p>	Đưa vào hoạt động năm 2018			x		<p>Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (theo quy định tại TCVN 3890-2009, TCVN 3890:2023)</p>
31	Trường mầm non Nam Hưng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Nam Hưng	xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng	<p>- Quy mô: Tổng diện tích đất là 5000m<sup>2</sup>, gồm 03 dãy nhà 2 tầng xây nối thông nhau.</p> <p>+ Dãy A có diện tích 300m<sup>2</sup>, 02 tầng.</p> <p>+ Dãy B có diện tích 300m<sup>2</sup>, 2 tầng.</p> <p>+ Dãy C có diện tích 300m<sup>2</sup>, 2 tầng.</p> <p>Tổng khối tích là 6300m<sup>3</sup>. Các dãy đều có 02 lối thoát nạn.</p> <p>Tổng số học sinh: 283 cháu.</p>	Đưa vào hoạt động năm 2017			x		<p>Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (theo quy định tại TCVN 3890-2009, TCVN 3890:2023)</p>
32	Trường mầm non Đông Hưng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Đông Hưng	xã Đông Hưng, huyện Tiên Lãng	<p>Quy mô: Tổng diện tích đất là 1876m<sup>2</sup>. Gồm 01 dãy nhà 02 tầng có diện tích khoảng 430m<sup>2</sup>, có 01 cầu thang bộ. 01 dãy nhà cấp 4 có diện tích khoảng 250m<sup>2</sup>.</p> <p>Tổng khối tích là 3885m<sup>3</sup>.</p> <p>Tổng số học sinh: 372 cháu</p>	Đưa vào hoạt động năm 2017			x		<p>Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>Dãy nhà 02 tầng: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định tại (QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) (trên 20 người 1 tầng)</p> <p>Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (theo quy định tại TCVN 3890-2009, TCVN 3890:2023)</p>
33	Dãy nhà A (Hiệu bộ và chức năng); Dãy nhà B (Dãy lớp học) thuộc trường mầm non Hùng Thắng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Hùng Thắng	xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng	<p>Quy mô: Dãy nhà A (Hiệu bộ và chức năng) có diện tích 432m<sup>2</sup>, xây dựng 02 tầng; Dãy nhà B (Dãy lớp học) có diện tích 414m<sup>2</sup>, xây dựng 02 tầng.</p> <p>Tổng khối tích là 5922m<sup>3</sup></p> <p>Tổng số học sinh: 183 cháu</p>	Đưa vào hoạt động năm 2019			x		<p>Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (theo quy định tại TCVN 3890-2009, TCVN 3890:2023)</p>

34	Dãy nhà C thuộc Trường THPT Hùng Thắng	Sở GD&ĐT Hải Phòng/ Trường THPT Hùng Thắng	Hùng Thắng, Tiên Lãng	Quy mô: Dây nhà C có diện tích 462m <sup>2</sup> , xây dựng 03 tầng, có 01 cầu thang bộ Tổng khối tích 4851 m3. Dây nhà có 01 lối thoát nạn.	Đưa vào hoạt động năm 2007				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Không đủ số lượng lối thoát nạn theo quy định tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). (trên 20 người 1 tầng) Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà theo quy định tại TCVN 2622-1995, TCVN 3890:2009
35	Trường mầm non Tiên Thanh	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Tiên Thanh	xã Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng khoảng 3700m2. Dây nhà hiệu bộ có diện tích khoảng 325m2, xây dựng 02 tầng có 01 cầu thang bộ. Dây nhà A có diện tích khoảng 250m2 xây dựng 02 tầng có 01 cầu thang bộ. Dây nhà B có diện tích 650m2 xây dựng 02 tầng có 01 cầu thang bộ. Tổng khối tích là 11000 m3 Tổng số học sinh là 350.	Dãy hiệu bộ hoạt động năm 2020 Dãy A hoạt động năm 2012 Dãy B hoạt động năm 2019				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy A và dãy B: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định. (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
36	Trường mầm non Cấp Tiến	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Cấp Tiến	xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng khoảng 3200m2. Dây nhà hiệu bộ kết hợp phòng học có diện tích khoảng 250m2, xây dựng 02 tầng có 01 cầu thang bộ. Dây nhà hội trường có diện tích 100m, xây dựng 01 tầng. Nhà trường đang xây dựng dãy nhà 03 tầng, có diện tích khoảng 300m2. Tổng khối tích là 4000m3. Tổng số học sinh là 250.	Dãy hiệu bộ hoạt động năm 2010. Dãy hội trường hoạt động năm 2012. Dãy phòng học mới hoạt động năm 2023				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà hiệu bộ kết hợp phòng học: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định. (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
37	Trường mầm non Đoàn Lập	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Đoàn Lập	Đoàn Lập, Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng khoảng 3000m2. Dây nhà A có diện tích khoảng 450m2, xây dựng 02 tầng. Dây nhà B có diện tích khoảng 325m2, xây dựng 02 tầng. Các dãy nhà xây liền kề thông nhau bằng hành lang. Tổng khối tích là 5600m3. Tổng số học sinh là 280	Dãy A đưa vào hoạt động năm 2012 Dãy B đưa vào hoạt động năm 2019				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (theo quy định tại TCVN 3890-2009, TCVN 3890:2023)
38	Khu Đông Ninh - Trường mầm non Tiên Minh	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Tiên Minh	xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng khoảng 2000m2. Dây nhà A có diện tích khoảng 250m2, xây dựng 02 tầng. Dây nhà B có diện tích khoảng 150m2, xây dựng 01 tầng. Tổng khối tích là m3. Tổng số học sinh là 150	Đưa vào hoạt động năm năm 2015				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà A: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định. (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
39	Khu Xuân Lai - Trường mầm non Bạch Đằng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Bạch Đằng	xã Bạch Đằng, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng khoảng 1900m2. Dây nhà A có diện tích khoảng 350m2, xây dựng 02 tầng. Dây nhà B có diện tích khoảng 150m2, xây dựng 02 tầng. Các dãy nhà xây liền kề thông nhau bằng hành lang. Dây nhà C có diện tích khoảng 100m2, xây dựng 01 tầng. Tổng số học sinh là 260	Dãy A đưa vào hoạt động năm 2016. Dãy B đưa vào hoạt động 2020. Dãy C đưa vào hoạt động 2004.				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (theo quy định tại TCVN 3890-2009, TCVN 3890:2023)

40	Trường mầm non Vinh Quang (Điểm trường I)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Vinh Quang	Vinh Quang, Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích đất: 3806m <sup>2</sup> , gồm 03 dãy nhà xây dựng 02 tầng, mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 250m <sup>2</sup> . khối tích: 1750m <sup>3</sup> , có 01 thang thoát nạn. Các nhà độc lập. - Tổng số học sinh: 421 người	01 dãy nhà xây dựng năm 2023; 02 dãy nhà xây dựng năm 2017.			x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); 03 dãy nhà: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định. Theo QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023. Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
41	Trường mầm non Vinh Quang (Điểm trường II)	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Vinh Quang	xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích đất: 2406m <sup>2</sup> , gồm 01 dãy nhà xây dựng 02 tầng, và 02 dãy nhà 01 tầng mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 250m <sup>2</sup> . Tổng khối tích: 3500m <sup>3</sup> . - Tổng số học sinh: 182 người	01 dãy nhà 02 tầng đưa vào hoạt động 2017, 02 dãy nhà 01 tầng đi vào hoạt động 2015			x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà 02 tầng: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình(căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
42	03 dãy nhà 2 tầng thuộc Trường mầm non Tây Hưng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Tây Hưng	xã Tây Hưng, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích đất: 4734m <sup>2</sup> , - 02 dãy nhà xây dựng 02 tầng diện tích 350m <sup>2</sup> . - 01 dãy nhà có diện tích khoảng 350m <sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. - Tổng số học sinh: 247 người	02 dãy nhà đi vào hoạt động 2022; 01 dãy nhà đi vào hoạt động năm 2012			x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); 03 dãy nhà 02 tầng: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định (căn cứ QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình.(căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
43	Dãy nhà D thuộc Trường THPT Toàn Thắng	Sở GD&ĐT Hải Phòng/ Trường THPT Toàn Thắng	Toàn Thắng, Tiên Lãng	Quy mô: - Tổng diện tích mặt bằng khoảng 3000m <sup>2</sup> . - Khu nhà D xây dựng 03 tầng, diện tích 250m <sup>2</sup> ; Khối tích: 2625m <sup>3</sup> .	Đưa vào hoạt động năm 2007			x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà D: hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà. (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
44	Trường mầm non Khởi Nghĩa	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Khởi Nghĩa	xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích đất: 6930m <sup>2</sup> , - gồm 03 dãy nhà A,B,C xây dựng 02 tầng, mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 350m <sup>2</sup> . khối tích 7350m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu: 317 học sinh	Đưa vào hoạt động năm 2017			x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà C: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định. (căn cứ QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình.(căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
45	Trường mầm non Quyết Tiến (Cơ sở 01)	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Quyết Tiến	xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích đất 3700m <sup>2</sup> bao gồm 02 khu: - Khu A tổng diện tích đất: 1000m <sup>2</sup> . - gồm 02 dãy nhà xây dựng 02 tầng, mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 350m <sup>2</sup> . khối tích: 4790m <sup>3</sup> . Tổng số cháu: 120 người - Khu B tổng diện tích đất: 2700m <sup>2</sup> - gồm 01 dãy nhà xây dựng 02 tầng, mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 270m <sup>2</sup> . khối tích: 1890m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu: 140 người	Khu A đưa vào hoạt động 01 dãy nhà năm 2018, 01 dãy nhà năm 2023; Khu B: 01 dãy nhà năm 2018.			x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); 02 dãy nhà khu A: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định.(căn cứ QCVN 06:2010, QCVN 06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

46	Trường mầm non Quyết Tiến (Cơ sở 02)	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Quyết Tiến	Quyết Tiến, Tiên Lãng	<p><b>Quy mô:</b>          Tổng diện tích đất: 1776m<sup>2</sup>, gồm:          - 02 dãy nhà xây dựng 02 tầng, mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 300m<sup>2</sup>. Các dãy nhà xây liền kề thông nhau bằng hành lang . 01 nhà 01 tầng diện tích 130m<sup>2</sup>.          - Tổng số cháu: 180 người          Khối tích: 4655m<sup>3</sup></p>	Đưa vào hoạt động năm 2015				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình.(căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
47	03 dãy nhà 2 tầng thuộc Trường mầm non Tự Cường	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Tự Cường	xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng	<p><b>Quy mô:</b>          - Tổng diện tích đất: 3880m<sup>2</sup>, gồm:          - 03 dãy nhà xây dựng 02 tầng, mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 250m<sup>2</sup>;          - hiện đang trong quá trình xây dựng thêm 01 dãy nhà 03 tầng có diện tích khoảng 350m<sup>2</sup>.          - Tổng số cháu là: 412 người          Khối tích: 5250m<sup>3</sup></p>	03 dãy nhà 02 tầng hoạt động năm 2017;				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); 03 dãy nhà 02 tầng: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động. (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
48	Trường mầm non Đại Thắng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Đại Thắng	xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng	<p><b>Quy mô:</b>          - Tổng diện tích đất: 5056m<sup>2</sup>, gồm          - 02 dãy nhà xây dựng 02 tầng, mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 250m<sup>2</sup>. Các dãy nhà xây liền kề thông nhau bằng hành lang . khối tích: 3500m<sup>3</sup>          - 03 dãy nhà 01 tầng, mỗi dãy nhà có diện tích khoảng 230m<sup>2</sup>.          - Tổng số cháu: 360 người.          Khối tích: 2415m<sup>3</sup></p>	Đưa vào hoạt động năm 2014				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình.(căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
49	Dãy nhà học C và D tầng thuộc Trường mầm non Kiến Thiết cơ sở 2	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Kiến Thiết	xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng	<p><b>Quy mô:</b> Tổng diện tích đất 2600m<sup>2</sup>.          Dãy nhà C có diện tích khoảng 464m<sup>2</sup>, khối tích 3248m<sup>3</sup>, xây dựng 02 tầng, 02 lối thoát nạn.          Dãy nhà D có diện tích khoảng 244m<sup>2</sup>, khối tích 1708m<sup>3</sup>, xây dựng 02 tầng, 02 lối thoát nạn. Tổng số cháu 313.</p>	Đưa vào hoạt động năm 2014				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
50	Dãy nhà học 02 tầng thuộc Trường mầm non Kiến Thiết cơ sở 1	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Kiến Thiết	xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng	<p><b>Quy mô:</b> Tổng diện tích đất 3.236m<sup>2</sup>.          Dãy nhà C có diện tích 590m<sup>2</sup>, khối tích 4130m<sup>3</sup>, xây dựng 02 tầng, 02 lối thoát nạn. Tổng số cháu 313.</p>	Đưa vào hoạt động năm 2016				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
51	Dãy nhà A và B thuộc Trường mầm non Tiên Cường	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non Tiên Cường	xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng	<p><b>Quy mô:</b> Tổng diện tích đất 3.980m<sup>2</sup>.          Dãy nhà A có diện tích mặt bằng 400m<sup>2</sup>, khối tích 2800m<sup>3</sup>, xây dựng 02 tầng, 01 lối thoát nạn. Dãy nhà B có diện tích mặt bằng 300m<sup>2</sup>, khối tích 2100m<sup>3</sup>, xây dựng 02 tầng, 01 lối thoát nạn. Tổng số cháu 350.</p>	Dãy nhà A Đưa vào hoạt động năm 2012, nhà B Đưa vào hoạt động năm 2016				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà A và B: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định (Căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ công trình (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

52	Dãy nhà phòng học 2 tầng thuộc Trường mầm non Quang Phục	UBND huyện Tiên Lãng/Trường mầm non Quang Phục	Quang Phục, Tiên Lãng	<b>Quy mô:</b> Tổng diện tích đất 4500m <sup>2</sup> . Dãy nhà phòng học 02 tầng có diện tích 672m <sup>2</sup> , khối tích 4704m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn. Tổng số cháu 501.	Đưa vào hoạt động năm 2015				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà phòng học: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
53	Dãy nhà phòng học 2 tầng Trường mầm non Bắc Hưng	UBND huyện Tiên Lãng/Trường mầm non Bắc Hưng	xã Bắc Hưng, huyện Tiên Lãng	<b>Quy mô:</b> Tổng diện tích đất 5270m <sup>2</sup> . Dãy nhà phòng học 02 tầng có diện tích khoảng 560m <sup>2</sup> , khối tích 3920m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn. Số cháu 308.	Đưa vào hoạt động năm 2016				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà phòng học: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
54	Dãy nhà mẫu giáo của Trường mầm non thị trấn Tiên Lãng (cơ sở 1)	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường mầm non thị trấn Tiên Lãng	Khu 4, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	<b>Quy mô:</b> - Tổng diện tích đất: 2.000m <sup>2</sup> - Dãy nhà mẫu giáo có diện tích khoảng 220m <sup>2</sup> , xây 02 tầng. Khối tích: 1540m <sup>3</sup> - Tổng số cháu: 140 cháu. - Thiếu lối thoát nạn tầng 2. có hơn 20 cháu trên tầng 02.	Dãy nhà mẫu giáo: Đưa vào hoạt động năm 2019.				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà phòng học: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
55	Nhà thi đấu huyện Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Lãng/Trung tâm VH-TT huyện Tiên Lãng	Khu 8 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	<b>Quy mô:</b> - Tổng diện tích đất: 7.487m <sup>2</sup> - nhà thi đấu đa năng được xây dựng 02 tầng (thông tầng) với diện tích xây dựng khoảng 1498m <sup>2</sup> . Khối tích: 13482m <sup>3</sup>	Nâng cấp và đưa vào hoạt động năm 2021				x	Chưa thẩm duyệt TK về PCCC (căn cứ theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP) (trên 200 chỗ ngồi, trên 5000m <sup>3</sup> ); Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà cho toàn bộ công trình. (Căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
56	Dãy nhà 03 tầng thuộc Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng	Sở y tế TP Hải Phòng/ Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng	Khu 8 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	<b>Quy mô:</b> - Tổng diện tích đất: 16000m <sup>2</sup> -Dãy nhà 03 tầng diện tích 300m <sup>2</sup> . Khối tích: 3150m <sup>3</sup> - Thiếu lối thoát nạn tầng 2,3. có hơn 20 người trên tầng 2,3.	Dãy nhà 03 tầng: 2018;				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy 3 tầng: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định (trên 20 người 1 tầng). (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). - Đã trang bị hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy vách tường (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
57	Dãy nhà B thuộc Trường tiểu học thị trấn Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường tiểu học thị trấn Tiên Lãng	Khu 4 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	<b>Quy mô:</b> - Tổng diện tích đất: 5.375m <sup>2</sup> - Dãy nhà B có diện tích khoảng 300m <sup>2</sup> xây 03 tầng Các dãy nhà xây liền kề thông nhau bằng hành lang. Đủ số lối thoát nạn. Khối tích: 3150m <sup>3</sup>	Dãy nhà B: Đưa vào hoạt động năm 2011.				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà B: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
58	Dãy nhà B, C thuộc Trường THPT Nữ Văn Lan	Sở giáo dục và đào tạo Hải Phòng	Khu 4 thị trấn Tiên Lãng	<b>Quy mô:</b> - Tổng diện tích đất: 9.764m <sup>2</sup> - Dãy nhà B có diện tích khoảng 360m <sup>2</sup> , xây 02 tầng. Khối tích: 2520m <sup>3</sup> Khu nhà C có diện tích khoảng 700m <sup>2</sup> , xây 03 tầng. Khối tích: 7340m <sup>3</sup> . Đủ số lượng lối thoát nạn	Dãy nhà B: Đưa vào hoạt động năm 2005, Dãy nhà C: Đưa vào hoạt động năm 2006				x	Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); Dãy nhà B: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định (trên 20 người/tầng). (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); Dãy nhà C: Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà. (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

59	Hội trường thuộc Trung tâm chính trị huyện Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Lãng/Trung tâm chính trị huyện Tiên Lãng	Khu 8 thị trấn Tiên Lãng, Tiên Lãng	<p>Quy mô:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: 5.000m<sup>2</sup></li> <li>- Hội trường lớn có diện tích khoảng 500m<sup>2</sup> xây phía trước 02 tầng,</li> <li>Tại tầng 1 bố trí 01 hội trường lớn có sức chứa 288 chỗ ngồi, tầng 2 bố trí 01 hội trường nhỏ có sức chứa 88 chỗ ngồi. Khối tích: 4250m<sup>3</sup></li> </ul>	Hội trường: Đưa vào hoạt động năm 2015				x	<p>Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>Hội trường: Cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định (trên 20 người 1 tầng) (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động và hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà. (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
<b>Huyện Thủy Nguyên (37 cơ sở)</b>										
60	Trường mầm non An Sơn	UBND huyện Thủy Nguyên	xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: Khu A có tổng diện tích đất 4583m<sup>2</sup>, gồm:</li> <li>+ Nhà hiệu bộ 01 tầng diện tích 150m<sup>2</sup>, khối tích 450m<sup>3</sup></li> <li>+ Dãy phòng học 02 tầng diện tích 880m<sup>2</sup>, khối tích 5280m<sup>3</sup>, 02 lối</li> <li>+ Dãy 01 tầng 150m<sup>2</sup>, 900m<sup>3</sup>, 02 lối</li> <li>- Số cháu: 500 cháu</li> </ul>	Được xây dựng hoạt động năm 2014;				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
61	Trường mầm non Hợp Thành	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Hợp thành, huyện Thủy Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: Tổng diện tích đất 7199m<sup>2</sup>, gồm:</li> <li>+ 01 dãy nhà 01 tầng có diện tích mỗi dãy 150m<sup>2</sup>; 450m<sup>3</sup></li> <li>+ 01 dãy nhà 02 tầng diện tích xây dựng 330m<sup>2</sup>; 990m<sup>3</sup>, 02 lối</li> <li>+ 01 dãy nhà 02 tầng có diện tích xây dựng 4950m<sup>2</sup>; 02 lối</li> <li>- Số cháu: 450 cháu</li> </ul>	- Được xây dựng năm 2014				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
62	Trường mầm non Lại Xuân	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Lại xuân, huyện Thủy Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: Tổng diện tích đất 7108m<sup>2</sup>, gồm 03 dãy nhà 02 tầng hình chữ U:</li> <li>+ Nhà hiệu bộ 02 tầng có diện tích 380m<sup>2</sup>; 1140m<sup>3</sup></li> <li>+ 02 dãy nhà học tập 02 tầng, Dãy 1 có diện tích 380m<sup>2</sup>, khối tích 2280m<sup>3</sup>, 02 lối thoát nạn; Dãy 2: có diện tích 390m<sup>2</sup>, khối tích 2340m<sup>3</sup>, 02 lối thoát nạn)</li> <li>- Số cháu: 450 cháu</li> </ul>	- Được xây dựng năm 2014				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
63	Trường mầm non Phù Ninh	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: Khu A có tổng diện tích đất 2500m<sup>2</sup>, gồm</li> <li>+ 01 dãy nhà 02 tầng có diện tích 500m<sup>2</sup>, khối tích 4000m<sup>3</sup>, 02 lối thoát nạn</li> <li>+ 01 dãy nhà hiệu bộ 01 tầng có diện tích 250m<sup>2</sup>, khối tích 750m<sup>3</sup>,</li> <li>- Số cháu: 550 cháu</li> </ul>	- Khu A xây dựng lại năm 2018				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
64	Trường Mầm Non Hoàng Động	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: Tổng diện tích đất 5118m<sup>2</sup>, gồm:</li> <li>+ Nhà hiệu bộ 02 tầng có diện tích 230m<sup>2</sup>; khối tích 1840m<sup>3</sup></li> <li>+ Dãy nhà học tập 1 02 tầng có diện tích 669m<sup>2</sup>, khối tích 4020m<sup>3</sup>, 02 lối thoát nạn</li> <li>+ Dãy nhà học tập 2 02 tầng có diện tích 390m<sup>2</sup>, khối tích 2340m<sup>3</sup>, 02 lối thoát nạn</li> <li>- Số cháu: 550 cháu</li> </ul>	- Nhà hiệu bộ hoạt động năm 2003 - 02 dãy nhà học tập hoạt động năm 2017				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>

65	Trường Mầm Non Hoa Động	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 9437m <sup>2</sup> , gồm 03 dãy nhà 02 tầng: + Nhà hiệu bộ 02 tầng có diện tích 388m <sup>2</sup> ; khối tích 2328m <sup>3</sup> , 01 lối thoát nạn. + Dãy nhà học tập 02 tầng có diện tích 794m <sup>2</sup> , 4764m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn + Dãy nhà học tập 02 tầng có diện tích 387m <sup>2</sup> , 2322m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn. - Số cháu: 560 cháu	Xây dựng lại mới hoạt động năm 2015.				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
66	Trường mầm non Lâm Động	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Lâm Động, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 4525m <sup>2</sup> , gồm + 02 dãy nhà 02 tầng liên thông có diện tích xây dựng 1478m <sup>2</sup> , 02 tầng, 8868m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn + Đang xây dựng 01 dãy nhà 02 tầng có diện tích xây dựng 140m <sup>2</sup> - Số cháu: 404 cháu	- Dãy nhà hiệu bộ và học tập 1 xây dựng lại năm 2015 - 01 nhà 02 tầng đang xây dựng				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
67	Trường mầm non Cao Nhân	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Khu A có tổng diện tích đất 4412m <sup>2</sup> , gồm + 02 dãy nhà hình chữ L có diện tích 450m <sup>2</sup> , 3300m <sup>3</sup> , 02 tầng, 02 lối thoát nạn + 01 dãy nhà học tập 210m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1260m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn - Số cháu: 470 cháu	Các dãy nhà được xây dựng lại năm 2010				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
68	Trường Mầm non Lưu Kiếm	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 4860m <sup>2</sup> , gồm: + 03 dãy nhà 02 tầng hình chữ U thông nhau, có diện tích xây dựng 2070m <sup>2</sup> , 02 tầng, khối tích 12.000m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn + 01 dãy nhà hiệu bộ có diện tích xây dựng 450m <sup>2</sup> , 02 tầng, khối tích 2800m <sup>3</sup> - Số cháu: 824 cháu	Các dãy nhà được xây dựng cải tạo năm 2018				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
69	Trường mầm non Liên Khê	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 8038m <sup>2</sup> , gồm + Nhà hiệu bộ 02 tầng có diện tích 300m <sup>2</sup> ; 1800m <sup>3</sup> + Dãy học tập 1, 02 tầng có diện tích 350m <sup>2</sup> , 2100m <sup>3</sup> + Dãy học tập 2, 02 tầng có diện tích 439m <sup>2</sup> , Dãy 3: có diện tích 3000m <sup>2</sup> ) - Số cháu: 824 cháu	Các dãy nhà được xây dựng mới đi vào hoạt động năm 2016				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
70	Trường mầm non Lưu Kỳ	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Lưu Kỳ, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 3800m <sup>2</sup> , gồm 02 dãy nhà thông nhau tại tầng 2 + Dãy 1 02 tầng có diện tích 375m <sup>2</sup> , 2000m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn + Dãy 2: có diện tích 290m <sup>2</sup> , 02 tầng 1800m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn - Số cháu: 219 cháu	Các dãy nhà được xây dựng mới đi vào hoạt động năm 2014				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
71	Trường mầm non Minh Tân	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Khu A: Tổng diện tích đất 3815m <sup>2</sup> , gồm + Nhà hiệu bộ 02 tầng có diện tích 260m <sup>2</sup> ; 02 tầng, khối tích 1560m <sup>3</sup> + Dãy nhà học tập 1 02 tầng, 5760m <sup>3</sup> , có 02 lối thoát nạn. + Dãy nhà học tập 02 tầng, 5760m <sup>3</sup> , có 02 lối thoát nạn. - Số cháu: 824 cháu	Các dãy nhà được xây dựng mới đi vào hoạt động năm 2017				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

72	Trường Mầm non Gia Đức	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 3628m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 02 tầng có diện tích 466m <sup>2</sup> ; 2500m <sup>3</sup> . + Dãy nhà học tập 01 có diện tích 380m <sup>2</sup> , 02 tầng, 2000m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn. + Dãy nhà học tập 02 có diện tích 529m <sup>2</sup> , 02 tầng, 300m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn - Số cháu: 360 cháu	Nhà hiệu bộ năm 2021; dãy nhà 1 năm 2018; dãy nhà 2 năm 2018				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
73	Trường mầm non Kiên Bái	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 6966m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 02 tầng có diện tích 280m <sup>2</sup> ; 1500m <sup>3</sup> . + Dãy 1 có diện tích 375m <sup>2</sup> , 02 tầng, 2000m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn + Dãy 2: có diện tích 290m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1799m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn + Dãy 3: có diện tích 600m <sup>2</sup> , 02 tầng, 3600m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn + Đang xây dựng 01 dãy nhà 02 tầng làm phòng chức năng, hội trường. - Số cháu: 660 cháu	Các dãy nhà được xây dựng mới đi vào hoạt động năm 2014				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
74	Trường mầm non Mỹ Đông	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 7000m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 02 tầng có diện tích 700m <sup>2</sup> ; 4200m <sup>3</sup> + Dãy nhà học tập 1 02 tầng có diện tích 500m <sup>2</sup> , 3000m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn. + Dãy nhà học tập 2 02 tầng có diện tích 529m <sup>2</sup> , 3000m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn. + Dãy nhà học tập 3 02 tầng có diện tích 500m <sup>2</sup> , 3000m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn.02. - Số cháu: 824 cháu	Các dãy nhà được xây dựng mới đi vào hoạt động năm 2014				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
75	Trường tiểu học Quảng Thanh	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 3850m <sup>2</sup> , gồm 02 dãy nhà 03 tầng dãy nhà hình chữ L có diện tích 1240m <sup>2</sup> , 10100m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn - Tính chất hoạt động: giáo dục	- Dãy nhà hiệu bộ năm 2018; Dãy 1 năm 2019, dãy 2 năm 2019				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy, cấp nước chữa cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
76	Trường mầm non Hòa Bình	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên	"- Quy mô: Tổng diện tích đất 8900m <sup>2</sup> Khu A: - Dãy nhà dạy học C: số tầng 02, diện tích xây dựng 400m <sup>2</sup> , khối tích 2400m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 - Dãy nhà B: số tầng 02, diện tích xây dựng 480m <sup>2</sup> , khối tích 2880m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 - Dãy nhà A: số tầng 02, diện tích xây dựng 510m <sup>2</sup> , khối tích 3060m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Khu B: 01 dãy nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 800m <sup>2</sup> khối tích 4800m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 698 cháu, .	Dãy nhà học C: 2018; Dãy nhà B: Năm 2020; Dãy nhà A năm 2023; Khu B năm 2017				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy, nhà A chưa lắp hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

77	Trường mầm non Lập Lễ	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên	"- Quy mô: Tổng diện tích đất 5517m2 Dãy nhà số 01: số tầng 02, diện tích xây dựng 600m2, khối tích 1800m3, số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà số 2: số tầng 02, diện tích xây dựng 100m2, khối tích 300m3, số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 510 cháu,	Dãy nhà số 1 năm 2003; Dây nhà số 2 năm 2019				x		- Các nhà chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Nhà số 2 chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
78	Trường mầm non Phả Lễ	UBND huyện Thủy Nguyên	Xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích 5517m2 Dãy nhà Hiệu bộ: số tầng 02, diện tích xây dựng 253m2, khối tích 1518m3, số lối thoát nạn: 02 Dãy phòng học: số tầng 02, diện tích xây dựng 1045m2, khối tích 6270m3, số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 377 cháu,	Dãy nhà hiệu bộ năm 2017; Dây phòng học năm 2016				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
79	Trường mầm non Phục Lễ	UBND huyện Thủy Nguyên	Xã Phục Lễ, Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 4894,1m2 Dãy nhà khu 02 tầng cũ: diện tích xây dựng 550m2, khối tích 3300m3, số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà 02 tầng mới: diện tích xây dựng 400m2, khối tích 2400m3, số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 402 cháu,	Dãy nhà khu 02 tầng cũ năm 2004; Dây nhà 02 tầng mới năm 2021				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
80	Trường mầm non Ngũ Lão	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên	Khu A: Tổng diện tích mặt bằng 4804 m2 - Dây phòng chức năng: số tầng 02, diện tích xây dựng 300m2, khối tích 1800m3, số lối thoát nạn: 02. - Dây phòng học: số tầng 02, diện tích xây dựng 270m2, khối tích 1620m3, số lối thoát nạn: 02 - Dây Hiệu bộ: số tầng 01, diện tích xây dựng 315m2, khối tích 1890m3, số lối thoát nạn: 02 Khu B: Tổng diện tích 3100m2 - Dây phòng học 1: số tầng 03, diện tích xây dựng 315m2, khối tích 2835m3, số lối thoát nạn: 02 - Dây phòng học 2: số tầng 01, diện tích xây dựng 215m2, khối tích 1290m3, số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 698 cháu, .	Dãy phòng chức năng, dây phòng học, dây hiệu bộ năm 2012; Dây phòng học 1 năm 2016; Dây phòng học 2 năm 2004				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy, Dây phòng học số 1 chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
81	Trường Mầm non Kênh Giang	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 9812m2 Dãy nhà số 1: số tầng 02, diện tích xây dựng 700m2, khối tích 4200m3, số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà số 2: số tầng 02, diện tích xây dựng 270m2, khối tích 1620m3, số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 644 cháu, .	2015				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
82	Trường Mầm non Thị trấn Minh Đức	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Minh Đức, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích 2870m2 - Dây nhà học tập: số tầng 02, diện tích xây dựng 700m2, khối tích 4200m3, số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 505 cháu, .	2017				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
83	Trường Mầm non Thủy Sơn Khu A	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 5000m2 02 Dây nhà 02 tầng: diện tích xây dựng 1200m2, khối tích 7200m3, số lối thoát nạn: 02 - Nhà Bếp: số tầng 01, diện tích 100m2, khối tích 300m3, số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 530 cháu, .	2015				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

84	Trường mầm non Thiên Hương	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên	Khu A: Tổng diện tích mặt bằng 2000 m <sup>2</sup> - Dãy nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 650m <sup>2</sup> , khối tích 3900m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Khu B: Tổng diện tích mặt bằng 2800m <sup>2</sup> . - Dãy nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 500m <sup>2</sup> , khối tích 3000m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 480 cháu, .	Dãy nhà 02 tầng 650m <sup>2</sup> năm 2005; Dãy nhà 02 tầng 500m <sup>2</sup> năm 2019				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
85	Trường mầm non Đông Sơn	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 6000m <sup>2</sup> . Dãy nhà học tập : số tầng 02, diện tích xây dựng 866m <sup>2</sup> , khối tích 5196m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 450 cháu, .	2018				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
86	Trường mầm non An Lư	UBND huyện Thủy Nguyên	xã An Lư, huyện Thủy Nguyên	Khu 1: Tổng diện tích mặt bằng 1104m <sup>2</sup> - Dãy nhà học tập: số tầng 02, diện tích xây dựng 840m <sup>2</sup> , khối tích 5040m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Khu 2: Tổng diện tích 2238m <sup>2</sup> . - Dãy nhà học tập: 02 tầng, diện tích xây dựng 310m <sup>2</sup> , khối tích 1860m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 818 cháu, .	đã cải tạo, sửa chữa năm 2015				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
87	Trường mầm non Dương Quan	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 9318m <sup>2</sup> Dãy nhà học tập số 1: 02 tầng, diện tích 700m <sup>2</sup> , khối tích 4200m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy học tập số 2: 01 tầng, diện tích xây dựng 270m <sup>2</sup> , khối tích 1620m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 420 cháu, .	Đã được cải tạo, sửa chữa năm 2018				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
88	Trường mầm non Tân Dương	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 12686m <sup>2</sup> Dãy nhà học tập 1: 02 tầng, diện tích xây dựng 500m <sup>2</sup> , khối tích 3000m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy học tập số 2: 02 tầng, diện tích xây dựng 240m <sup>2</sup> , khối tích 1440m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà Hiệu bộ: 02 tầng, diện tích xây dựng 380m <sup>2</sup> , khối tích 2280m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 476 cháu, .	2019				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
89	Trường mầm non Thủy Triều	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên	Khu 1: Tổng diện tích mặt bằng 1104m <sup>2</sup> . - Dãy nhà học tập : 02 tầng diện tích xây dựng 470m <sup>2</sup> , khối tích 2820m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Khu 2: Tổng diện tích mặt bằng 2238m <sup>2</sup> . Dãy nhà học tập: 02 tầng, diện tích xây dựng 640m <sup>2</sup> , khối tích 3840m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Khu 3: Tổng diện tích mặt bằng 1432m <sup>2</sup> . Dãy nhà học tập: 01 tầng, diện tích xây dựng 250m <sup>2</sup> , khối tích 1500m <sup>3</sup> ; số lối thoát nạn: 02 Tổng số học sinh là 750 cháu,	Dãy nhà học tập khu 1 sửa chữa cải tạo 2015; Dãy nhà học tập khu 2 năm 2015; Dãy nhà học tập khu 3 năm 2004				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
90	Trường THCS An Lư	UBND huyện Thủy Nguyên	xã An Lư, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 10000m <sup>2</sup> , các dãy nhà được nối với nhau hình chữ U, cụ thể: Dãy nhà A: 03 tầng, diện tích 450m <sup>2</sup> , khối tích 4050m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà B: 03 tầng diện tích 750m <sup>2</sup> , khối tích 6750m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà C: 03 tầng, diện tích 750m <sup>2</sup> , khối tích 6750m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	Dãy nhà A năm 2019; Dãy nhà B và C năm 2020				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

91	Trường THCS Trần Hưng Đạo (Khu 2)	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích 5480m <sup>2</sup> , các dãy nhà được nối theo hình chữ U Diện tích xây dựng 2100m <sup>2</sup> , gồm 03 dãy 02 tầng hình chữ U, khối tích 12600m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	Cải tạo, sửa chữa năm 2018			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
92	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở Giáo dục và Đào tạo	xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 17111m <sup>2</sup> . Dãy nhà C: 03 tầng, diện tích 600m <sup>2</sup> , khối tích 5400m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Nhà D, Nhà E: 03 tầng, diện tích 500m <sup>2</sup> , khối tích 9000m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	Dãy nhà C năm 2005; Dãy nhà D và E năm 2007			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
93	Trường THPT Thủy Sơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích 9696m <sup>2</sup> . Dãy nhà A: 03 tầng, diện tích 450,5m <sup>2</sup> , khối tích 4054.5m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà B: 03 tầng, diện tích 410m <sup>2</sup> , khối tích 3690m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà C: 03 tầng, diện tích 440m <sup>2</sup> , khối tích 3960m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 01	Dãy nhà A và B cải tạo, sửa chữa 2005; Dãy nhà C năm 2011			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
94	UBND huyện Thủy Nguyên	UBND Thành phố	xã Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	Quy mô: Tổng diện tích đất 10.000m <sup>2</sup> . - Khu nhà làm việc số 1, diện tích 910m <sup>2</sup> /1 tầng, khối tích 2.700m <sup>3</sup> /1 tầng, 03 tầng; 02 lối thoát nạn - Nhà làm việc số 2, diện tích 360m <sup>2</sup> /1 tầng, khối tích 1.080m <sup>3</sup> , 03 tầng; 01 lối thoát nạn. - Nhà 01 cửa, diện tích 127m <sup>2</sup> /1 tầng, khối tích 381m <sup>3</sup> /1 tầng, 03 tầng; 01 lối thoát nạn - Nhà làm việc Ban quản lý dự án, diện tích 130m <sup>2</sup> /1 tầng, khối tích 390m <sup>3</sup> /1 tầng, 3 tầng; 01 lối thoát nạn - Nhà làm việc văn phòng đăng ký sử dụng đất, diện tích 120m <sup>2</sup> /1 tầng, khối tích 360m <sup>3</sup> /1 tầng, 2 tầng, 01 lối thoát nạn. - Các nhà có 01 thang nối thông hành lang với nhau để thoát nạn.	Khu nhà làm việc số 1 1986/ cải tạo 2020; Khu nhà làm việc số 2 năm 1996/ cải tạo 2020; Nhà 01 cửa 2010/ cải tạo 2023; Nhà làm việc BQLDA 2014/ cải tạo 2021; Nhà làm việc VP ĐKSDD 2005/ cải tạo 2021			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
95	Trụ sở Huyện ủy huyện Thủy Nguyên	UBND Thành phố	xã Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	Quy mô: Tổng diện tích đất khoảng 4.000m <sup>2</sup> , gồm: + Khu nhà làm việc số 1, diện tích 650m <sup>2</sup> /1 tầng, khối tích 1.950m <sup>3</sup> /1 tầng, 3 tầng, 02 lối thoát nạn. nhà làm việc số 2, 400m <sup>2</sup> /1 tầng, 1.200m <sup>3</sup> /1 tầng, 2 tầng, 02 lối thoát nạn	Được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2005/ Khu nhà làm việc số 1, 2 năm 2020			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

96	Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên	Sở Y tế	xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên	<p>Quy mô: Tổng diện tích sử dụng 16.650m<sup>2</sup>, Khu nhà A, xây dựng 03 tầng, diện tích 530/1 tầng, Khối tích 1590m<sup>3</sup>/1 tầng, 01 lối thoát nạn</p> <p>Khu nhà E, xây dựng 3 tầng, 520m<sup>2</sup>/1 tầng, khối tích 1560m<sup>3</sup>/1 tầng, 01 lối thoát nạn.</p> <p>Khu nhà G, xây dựng 2 tầng, 520m<sup>2</sup>/1 tầng, khối tích 1560m<sup>3</sup>/1 tầng, 01 lối thoát nạn.</p> <p>Khu nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, xây dựng 1 tầng, diện tích 534m<sup>2</sup>, khối tích 1620m<sup>3</sup>, 01 lối thoát nạn.</p> <p>Khu nhà khoa dinh dưỡng, xây dựng 1 tầng, diện tích 462m<sup>2</sup>, khối tích 1386m<sup>3</sup>, 01 lối thoát nạn..</p>	<p>Khu nhà A năm 2005;</p> <p>Khu nhà E 2011;</p> <p>Khu nhà G 2005;</p> <p>Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn 2009;</p> <p>Khoa dinh dưỡng 2005;</p>				x		<p>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Các nhà đều thiếu tối thiểu 01 lối thoát nạn (hơn 20 người/tầng). Theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).</p> <p>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
----	-------------------------------------	---------	--------------------------------	--	---	--	--	--	---	--	---

**Huyện Vĩnh Bảo (33 cơ sở)**

97	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khu đô thị Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	<p>- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 12428m<sup>2</sup>. Số tầng cao nhất: 03 tầng.</p> <p>- Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà 2 tầng và 3 tầng nối liền nhau thành hình chữ U, tổng diện tích 1050m<sup>2</sup>, khối tích khoảng 6.700m<sup>3</sup>. Số lối ra thoát nạn tại tầng 2: 4 lối, tầng 3 có 02 lối thoát nạn.</p>	<p>Năm 2003, năm 2019 xây dựng bổ sung 01 dãy nhà 03 tầng, lối liền dãy nhà 02 tầng cũ.</p>				x		<p>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy trong nhà (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
98	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thôn 02, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	<p>- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 13000m<sup>2</sup>. Số tầng cao nhất: 03 tầng.</p> <p>- Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Khu nhà C diện tích khoảng 400m<sup>2</sup>, khối tích khoảng 4.000m<sup>3</sup>, Khu nhà E diện tích 400m<sup>2</sup>, khối tích khoảng 4.000m<sup>3</sup>.</p>	<p>Năm 2006 cải tạo, nâng cấp khu nhà C lên 03 tầng, xây mới khu nhà E 03 tầng năm 2006</p>				x		<p>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy, cấp nước chữa cháy trong nhà (theo TCVN 2622:1995, 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
99	Trường mầm non Lý Học	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 03, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	<p>- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 2000m<sup>2</sup>, số tầng cao nhất: 02 tầng.</p> <p>- Hạng mục chưa được thẩm duyệt: 2 dãy nhà 02 tầng, tổng diện tích xây dựng 650m<sup>2</sup>, khối tích khoảng 4.160m<sup>3</sup>.</p> <p>- Tổng số cháu 302.</p>	<p>Năm 2023 xây dựng thêm 01 dãy phòng học 02 tầng, nối giữa dãy nhà 02 tầng cũ và nhà hiệu bộ (được xây dựng năm 2014)</p>				x		<p>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
100	Trường mầm non Cao Minh	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 4, xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo	<p>- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 4000m<sup>2</sup>, số tầng cao nhất: 02 tầng.</p> <p>- Hạng mục chưa được thẩm duyệt: 02 dãy nhà 02 tầng, tổng diện tích xây dựng 540m<sup>2</sup>, khối tích khoảng 3780m<sup>3</sup>.</p> <p>- Tổng số cháu 400.</p>	<p>Năm 2012 xây dựng 01 dãy phòng học 02 tầng, diện tích 230m<sup>2</sup>. Năm 2018 xây mới nhà hiệu bộ</p>				x		<p>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
101	Trường mầm non Tam Cường	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 04, xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo	<p>- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 1300m<sup>2</sup>, số tầng cao nhất: 02 tầng.</p> <p>- Hạng mục chưa được thẩm duyệt: dãy nhà 02 tầng diện tích 550m<sup>2</sup>, khối tích 3850m<sup>3</sup>.</p> <p>- Tổng số cháu 353 cháu</p>	<p>Xây dựng mới năm 2019</p>				x		<p>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>

102	Trường mầm non Liên Am	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Ngọc Hậu, xã Liên Am, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 2800m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: 02 dãy nhà 02 tầng, tổng diện tích 450m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 3.150m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu 305.	2017			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
103	Trường mầm non Vĩnh Tiến	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 2, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 2000m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: dãy nhà 02 tầng diện tích 450m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 3.150m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu 300	Năm 2016 xây dựng nhà hiệu bộ và cải tạo, nâng cấp dãy phòng học 02 tầng			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
104	Trường mầm non Cổ Am	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 4, xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 4500m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: dãy nhà 02 tầng dạy học tổng diện tích 500m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 3.500m <sup>3</sup> - Tổng số cháu 229.	2016			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
105	Trường mầm non Hoà Bình	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 4, xã Hoà Bình, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 2000m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: 03 dãy nhà 02 tầng, tổng diện tích 720m <sup>2</sup> , tổng khối tích 5.040m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu trên 481 cháu.	Hoạt động năm 2016. Xây dựng 01 dãy phòng học 02 tầng, diện tích khoảng 180m <sup>2</sup> , đưa vào hoạt động năm 2023			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
106	Trường mầm non Trần Dương	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Bảo Ngải, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 1500m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: 02 dãy nhà 02 tầng, tổng diện tích 450m <sup>2</sup> , tổng khối tích khoảng 3.150m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu 310	Năm 2019 cải tạo 01 dãy nhà học 02 tầng; Năm 2020 cải tạo 01 dãy nhà học 02 tầng			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
107	Trường mầm non Trung Lập	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 4, xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 1000m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: 01 dãy nhà 01 tầng diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 700m <sup>3</sup> và 01 dãy nhà 02 tầng diện tích 700m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 2.240m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu 300	Xây dựng mới và đưa vào hoạt động năm 2015			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
108	Trường mầm non Hiệp Hòa	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Trúc Hiệp, xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 4600m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: 01 dãy nhà 03 tầng xây dựng năm 2023, diện tích 324m <sup>2</sup> , khối tích 2.907m <sup>3</sup> , Lối ra thoát nạn tại các tầng: 02 cầu thang. 01 dãy nhà 2 tầng xây dựng năm 2016, diện tích 320m <sup>2</sup> , khối tích 2.048m <sup>3</sup> , có 01 cầu thang bộ. - Tổng số cháu khoảng 250 cháu	Xây dựng thêm 01 dãy nhà 02 tầng năm 2015, 01 dãy nhà 3 tầng xây dựng năm 2023			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

109	Trường mầm non Vĩnh Long	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Hà Hương, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 5000m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: dãy nhà 02 tầng diện tích 300m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 960m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu 211.	Xây dựng mới dãy nhà dạy học 02 tầng năm 2017			x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
110	Trường mầm non An Hoà	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Tạ Ngoại, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 7100m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: dãy nhà dạy học 02 tầng, diện tích xây dựng 840m <sup>2</sup> , khối tích 2.688m <sup>3</sup> . Lối ra thoát nạn tại tầng 2 03 lối thoát nạn. - Tổng số cháu 330 cháu.	2022			x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
111	Trường Mầm non Việt Tiến	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 5, xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 2000m <sup>2</sup> . Số tầng cao nhất: 02 tầng, - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà dạy học diện tích 432m <sup>2</sup> , khối tích 2.764m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn. - Tổng số cháu 439.	2008			x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
112	Trường mầm non Vĩnh An	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn An Cầu, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 7030m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng, - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: dãy nhà dạy học 02 tầng diện tích 432m <sup>2</sup> , khối tích 2.764m <sup>3</sup> . 02 lối thoát nạn. - Tổng số cháu 421.	Xây dựng mới và đưa vào hoạt động năm 2017 dãy nhà dạy học 02 tầng.			x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
113	Trường mầm non Giang Biên	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 03, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 6013m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: dãy nhà 02 tầng xây năm 2018, diện tích 600m <sup>2</sup> , khối tích 4.200m <sup>3</sup> và dãy nhà 02 tầng xây dựng năm 2022, diện tích 150m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 1050m <sup>3</sup> . Mỗi dãy nhà 01 lối thoát nạn. - Tổng số cháu 350.	Năm 2018 xây dựng mới, năm 2022 xây dựng thêm 01 dãy nhà 02 tầng diện tích 150m <sup>2</sup> .			x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
114	Trường mầm non Tân Liên	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Vĩnh Quang, xã Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 3033m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: dãy nhà 02 tầng xây dựng năm 2011, diện tích 600m <sup>2</sup> , khối tích 4.200m <sup>3</sup> và dãy nhà 2 tầng xây dựng năm 2020, diện tích 160m <sup>2</sup> , khối tích 1.120m <sup>3</sup> . Mỗi dãy nhà 01 lối thoát nạn. - Tổng số cháu 320.	Năm 2011 xây dựng mới, năm 2020 xây dựng bổ sung 01 dãy nhà 02 tầng dạy học diện tích khoảng 160m <sup>2</sup> .			x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2020/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
115	Trường THPT Cộng Hiền	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thôn 4, An Quý, xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 16100m <sup>2</sup> . Số tầng cao nhất: 03 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Khu nhà C, 03 tầng, diện tích 400m <sup>2</sup> , khối tích 3.600m <sup>3</sup> ; Khu nhà D 03 tầng, diện tích 400m <sup>2</sup> , khối tích 3.600m <sup>3</sup> ; Số lối ra thoát nạn tại tầng 2, tầng 3 tại dãy nhà C, D nối thông nhau: mỗi dãy có 01 cầu thang bộ.	Xây dựng khu nhà C 03 tầng năm 2007, xây dựng khu nhà D 03 tầng năm 2016			x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

116	Trường mầm non Hưng Nhân	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn An Biên, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 1200m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. 01 dãy nhà 02 tầng diện tích 400m <sup>2</sup> . 02 lối thoát nạn. - Tổng số cháu trên 180 cháu.	Năm 2005, năm 2011 xây dựng bổ sung dãy nhà hiệu bộ nối liền dãy nhà dạy học				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
117	Trường mầm non Vinh Quang	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Hu Tri, xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 5700m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục thuộc diện thẩm duyệt: 02 dãy nhà 02 tầng, diện tích 450m <sup>2</sup> , khối tích 2.700m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn tại tầng 2: 02 cầu thang bộ (mỗi dãy nhà 01 cầu thang). - Tổng số cháu 500 cháu.	Năm 2015, năm 2018 xây dựng thêm 01 dãy nhà 02 tầng				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
118	Trường mầm non Cộng Hiền	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 4, An Quý, xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 3700m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà 02 tầng, diện tích 900m <sup>2</sup> , khối tích 5.400m <sup>3</sup> . Lối ra thoát nạn tại tầng 2: 02 cầu thang bộ. - Tổng số cháu 396 cháu	2015				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
119	Trường mầm non Thanh Lương	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Cúc Thủy, xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 4600m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 01 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà dạy học 01 tầng xây dựng cải tạo năm 2011, diện tích 400m <sup>2</sup> , khối tích 1.200m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn. Dãy nhà 01 tầng xây dựng, cải tạo năm 2015 diện tích 600m <sup>2</sup> , khối tích 1.800m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu 270 cháu.	dãy nhà 1 tầng xây dựng mới với tổng diện tích khoảng 400 m <sup>2</sup> ; đưa vào hoạt động năm 2011				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
120	Trường mầm non Vĩnh Phong	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Quán Khái, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo	- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 4500m <sup>2</sup> , số tầng cao nhất: 02 tầng. - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà 02 tầng, diện tích 400m <sup>2</sup> , khối tích 2.400m <sup>3</sup> . Lối ra thoát nạn tại tầng 2: 02 cầu thang bộ. - Tổng số cháu 170 cháu.	Xây dựng hoạt động từ 2019; dãy nhà 2 tầng xây dựng mới với tổng diện tích 400 m <sup>2</sup> ; đưa vào hoạt động năm 2019				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
121	Trường mầm non Nhân Hòa	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn nhân Mục, Xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo	Tổng diện tích: 7836m <sup>2</sup> ; số tầng cao nhất: 02; - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà dạy học 02 tầng xây dựng năm 2014, diện tích 220m <sup>2</sup> , khối tích 1.500m <sup>3</sup> ; Nhà chức năm xây dựng năm 2023 diện tích khoảng 150m <sup>2</sup> , khối tích 1050m <sup>3</sup> . - Tổng số cháu 380 cháu.	Xây dựng hoạt động từ 2005, năm 2014 xây dựng thêm dãy nhà dạy học 02 tầng diện tích 220m <sup>2</sup> , năm 2023 xây dựng thêm nhà chức năng 150m <sup>2</sup> .				x	- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

	Trường mầm non Tân Hưng	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn 3, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo	Tổng diện tích 3900m <sup>2</sup> . số tầng cao nhất 02; - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà 02 tầng xây dựng năm 2023, diện tích 250m <sup>2</sup> , khối tích 1500m <sup>3</sup> và dãy nhà dạy học 02 tầng xây dựng năm 2005, diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích 1.200m <sup>3</sup> . Lối ra thoát nạn tại tầng 2 các dãy nhà: 01 cầu thang bộ. - Tổng số cháu 354 cháu.	Xây dựng hoạt động từ năm 2005; dãy nhà 02 tầng xây dựng mới với diện tích khoảng 250 m <sup>2</sup> ; đưa vào hoạt động năm 2023			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
123	Trường mầm non Thị Trấn	UBND huyện Vĩnh Bảo	Đường 20/8, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	tổng diện tích mặt bằng khoảng 1154 m <sup>2</sup> ; Số tầng cao nhất 02; - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà dạy học 02 tầng xây dựng năm 2020, diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích 1.400m <sup>3</sup> . Lối ra thoát nạn tại tầng 2: 01 cầu thang bộ. Tính chất hoạt động: Giáo dục, tổng số cháu 385.	Năm 2020, cải tạo, xây dựng mới dãy nhà 02 tầng.			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
124	Trường mầm non Tam Đa	UBND huyện Vĩnh Bảo	Xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo	Tổng diện tích mặt bằng khoảng 4.400m <sup>2</sup> ; số tầng cao nhất 02; - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà 02 tầng xây dựng năm 2023, diện tích 140m <sup>2</sup> , khối tích 900m <sup>3</sup> ; - Tổng số cháu khoảng 250 cháu	Dãy nhà 02 tầng xây dựng mới với diện tích 300m <sup>2</sup> đưa vào hoạt động năm 2023			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
125	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Bảo	Sở Y tế Hải Phòng	Khu đô thị Tân Hòa, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	Tổng diện tích: 7000m <sup>2</sup> . Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Nhà khám bệnh đa khoa xây dựng năm 2018, 04 tầng, diện tích 950m <sup>2</sup> , khối tích 12.540m <sup>3</sup> . Lối ra thoát nạn tại tầng 2, tầng 3, tầng 4 mỗi tầng có 3 cầu thang bộ. Tính chất hoạt động: khám chữa bệnh	Nâng cấp, cải tạo dãy nhà khám bệnh đa khoa năm 2018			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
126	Nhà thi đấu thể thao huyện Vĩnh Bảo	UBND huyện Vĩnh Bảo	Khu Phố Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	Tổng diện tích: 18.000m <sup>2</sup> , diện tích xây dựng nhà thi đấu 1511m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 12.000m <sup>3</sup> . số tầng: 01. Lối thoát nạn: 05; tính chất hoạt động: TDTT	Cải tạo năm 2023			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
127	Trường mầm non Tiên Phong	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Linh Đông 1, xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo	Tổng diện tích 4.200 m <sup>2</sup> ; số tầng cao nhất 02; - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà 02 tầng xây dựng năm 2018, diện tích 250m <sup>2</sup> , khối tích 1.500m <sup>3</sup> . Lối thoát nạn tại tầng 2: 01 cầu thang bộ. - Tổng số cháu 325 cháu	Dãy nhà 02 tầng xây dựng mới với diện tích khoảng 250 m <sup>2</sup> ; đưa vào hoạt động năm 2018			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
128	Trường mầm non Đồng Minh	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thôn Từ Lâm, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo	Tổng diện tích 2.700 m <sup>2</sup> ; số tầng cao nhất 02; - Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Dãy nhà 02 tầng xây dựng năm 2017, diện tích 330m <sup>2</sup> , khối tích 1.800m <sup>3</sup> . Lối ra thoát nạn tại tầng 2: 02 cầu thang bộ. - Tổng số cháu 350 cháu	Dãy nhà 02 tầng xây dựng mới với diện tích 330 m <sup>2</sup> ; đưa vào hoạt động năm 2017			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

129	Trường THCS Cao Minh	UBND huyện Vĩnh Bảo	xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo	Tổng diện tích 6000m <sup>2</sup> Hạng mục chưa được thẩm duyệt: Nhà dạy học 03 tầng, diện tích xây dựng: 800m <sup>2</sup> 7.200m <sup>3</sup> , Lối ra thoát nạn: Tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng có 03 cầu thang bộ. Tinh chất hoạt động : Giáo dục	Xây dựng mới năm 2011				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
<b>Huyện An Lão (31 cơ sở)</b>											
130	Trường mầm non Tân Viên	UBND huyện An Lão	xã Tân Viên, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 4575m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 550m <sup>2</sup> , 02 tầng, 3300m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1500m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 3: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1500m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 6300m <sup>3</sup> - Số cháu: 436 cháu.	Dãy nhà 1: 2017 Dãy nhà 2: 2020 Dãy nhà 3: 2022				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
131	Trường mầm non Quốc Tuấn	UBND huyện An Lão	xã Quốc Tuấn, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 5196m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1500m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 400m <sup>2</sup> , 02 tầng, 2400m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 3: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1500m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 5400m <sup>3</sup> - Số cháu: 410 cháu.	2014				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
132	Cơ sở 01 thuộc Trường mầm non Quang Hưng	UBND huyện An Lão	xã Quang Hưng, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 4500m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 350m <sup>2</sup> , 02 tầng, 2100m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 700m <sup>2</sup> , 02 tầng, 4200m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 3: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1500m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 7800m <sup>3</sup> - Số cháu: 250 cháu.	2012				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
133	Trường mầm non Trường Sơn	UBND huyện An Lão	xã Trường Sơn, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 1359m <sup>2</sup> - 01 dãy nhà 800m <sup>2</sup> , 03 tầng, 8000m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Số cháu: 342 cháu.	2015				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

134	Cơ sở 01 thuộc Trường mầm non Sao Sáng	UBND huyện An Lão	Thị trấn An Lão, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 2710m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 280m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1680m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 240m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1440m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 3: 310m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1860m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 4980m <sup>3</sup> . - Số cháu: 320 cháu.	2005, cải tạo năm 2010				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
135	Dãy nhà phòng học thuộc Trường THPT Quốc Tuấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	xã Quốc Tuấn, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 19999m <sup>2</sup> - Dãy nhà A: 500m <sup>2</sup> , 03 tầng, 5000m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà B: 500m <sup>2</sup> , 03 tầng, 5000m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 01; Số người thường xuyên làm việc, học tập: trên 20 người mỗi tầng - Tổng khối tích: 10000m <sup>3</sup> .	Dãy nhà A: 2009 Dãy nhà B: 2016				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định số 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy trong nhà (theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023) - Dãy nhà B thiếu 01 cầu thang bộ lên xuống (căn cứ theo quy định tại QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
136	Dãy nhà hiệu bộ, phòng học thuộc Trường THPT An Lão	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thị trấn An Lão, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 16000m <sup>2</sup> - Dãy nhà A: 267m <sup>2</sup> , 03 tầng, 2670m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà B: 600m <sup>2</sup> , 03 tầng, 6000m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 8670m <sup>3</sup> .	2004, cải tạo năm 2010				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (theo TCVN 2622:1995, 3890:2009, TCVN 3890:2023)
137	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	Sở Y tế	Thị trấn An Lão, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 10066m <sup>2</sup> - Dãy nhà A: 720m <sup>2</sup> , 03 tầng, 7200m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà B: 780m <sup>2</sup> , 02 tầng, 4680m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà C: 210m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1260m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 13140m <sup>3</sup> .	Dãy nhà A, B: 2020 Dãy nhà C: 2022				x		- Cả 3 dãy nhà chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Dãy nhà A chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
138	Dãy hiệu bộ, phòng học thuộc Trường tiểu học Trường Sơn	UBND huyện An Lão	xã Trường Sơn, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 5157m <sup>2</sup> - Dãy nhà 01: 500m <sup>2</sup> , 03 tầng, 5000m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 03: 300m <sup>2</sup> , 03 tầng, 3000m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: tầng 02 có 02 lối thoát nạn, tầng 03 có 01 lối thoát nạn. - Số người thường xuyên làm việc, học tập mỗi tầng: trên 20 người - Tổng khối tích: 8000m <sup>3</sup>	Dãy nhà 01: 2010 Dãy nhà 03: 2022				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Dãy nhà 03 thiếu 01 cầu thang thoát nạn (hơn 20 người/tầng). (căn cứ QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (theo TCVN 2622:1995, 3890:2009, TCVN 3890:2023)

139	Trường mầm non Bát Trang (điểm trường số 01)	UBND huyện An Lão	xã Bát Trang, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 1835m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 180m<sup>2</sup>, 1620m<sup>3</sup>, 03 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà 2: 140m<sup>2</sup>, 840m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà 3: 100m<sup>2</sup>, 300m<sup>3</sup>, 01 tầng</li> <li>- Số lối thoát nạn của mỗi tầng: dãy nhà 1,2 : 01 lối ; dãy nhà 03: 02 lối</li> <li>- Số cháu: 301 cháu</li> </ul>	2016				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy của Nghị định 79/2014/NĐ-CP</li> <li>- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy theo quy định của TCVN 3890:2009.</li> <li>- Tại dãy nhà 1, 2 có 01 cầu thang bộ lên xuống (thiếu 01 lối thoát) (theo quy định tại QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)</li> </ul>
140	Trường tiểu học Bát Trang	UBND huyện An Lão	xã Bát Trang, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 10196m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 341,4m<sup>2</sup>, 3072,6m<sup>3</sup>, 03 tầng, 02 cầu thang bộ (Đưa vào hoạt động từ năm 2023, đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC nhưng chưa được nghiệm thu về PCCC)</li> <li>- Dãy nhà 2: 280m<sup>2</sup>, 1680m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ (hành lang tầng 2 được lối liền với dãy nhà số 1, 3, 4 là loại hành lang hở, cầu thang ngoài nhà).</li> <li>- Dãy nhà 3: 200m<sup>2</sup>, 1200m<sup>3</sup>, 03 tầng, 01 cầu thang bộ (hành lang tầng 2 được lối liền với dãy nhà số 1, 2, 4; hành lang tầng 3 được lối liền với dãy nhà số 1, là loại hành lang hở, cầu thang bộ ngoài trời)</li> <li>- Dãy nhà 4 (nhà hiệu bộ có bố trí các phòng học): 320m<sup>2</sup>, 2880m<sup>3</sup>, 03 tầng, 01 cầu thang bộ (hành lang tầng 2 được lối liền với dãy nhà 1, 2, 3 là loại hành lang hở, cầu thang bộ ngoài trời).</li> </ul>	2015				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1 đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC, đã thi công hệ thống PCCC, nhưng chưa tổ chức nghiệm thu về PCCC.</li> <li>- Dãy nhà 2, 3, 4 Chưa thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC (theo quy của Nghị định 79/2014/NĐ-CP, 136/2020/NĐ-CP); Chưa lắp đặt hệ cấp nước chữa cháy, báo cháy tự động (theo quy định tại TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).</li> </ul>
141	Trường mầm non Quang Trung (điểm trường số 01)	UBND huyện An Lão	xã Quang Trung, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 2791m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 120m<sup>2</sup>, 720m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà 2: 400m<sup>2</sup>, 2400m<sup>3</sup>, 02 tầng, 02 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà 3: 120m<sup>2</sup>, 720m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> <li>- Hành lang tầng 2 các dãy nhà 1, 2, 3 được lối liền với nhau, là loại hành lang hở, cầu thang bộ ngoài nhà.</li> <li>Tổng số cháu: 350 cháu</li> </ul>	2017				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
142	Trường mầm non Trường Thành	UBND huyện An Lão	xã Trường Thành, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 2156m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà số 01: 160m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>- Dãy nhà số 02: 360m<sup>2</sup>, 03 tầng</li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02</li> <li>- Tổng số cháu: 380 cháu</li> </ul>	2012				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); - Dãy nhà số 2 chưa lắp đặt hệ thống cấp nước vách tường (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).</li> </ul>
143	Trường mầm non Thái Sơn (điểm trường số 01)	UBND huyện An Lão	xã Thái Sơn, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 3596m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- dãy nhà hình chữ U: 780m<sup>2</sup>, 4680m<sup>3</sup>, 02 tầng, 03 cầu thang bộ,</li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: 03</li> <li>- Tổng số cháu: 430 cháu</li> </ul>	2014				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>

144	Trường mầm non Thái Sơn (điểm trường số 02)	UBND huyện An Lão	xã Thái Sơn, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 2200m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- dãy nhà số 01: 220m<sup>2</sup>, 1320m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> <li>- dãy nhà số 02: 160m<sup>2</sup>, 960m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> <li>- dãy nhà số 03: 100m<sup>2</sup>, 300m<sup>3</sup>, 01 tầng</li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: dãy nhà 1,2: 01 lối; dãy nhà 3: 02 lối.</li> <li>- Số người thường xuyên làm việc, học tập mỗi tầng: trên 20 người</li> <li>- Tổng số cháu: 130 cháu</li> </ul>	2018				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC (căn cứ phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy theo quy định của TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023.</li> <li>- Tại dãy nhà 1, 2 thiếu 01 lối thoát nạn (căn cứ tại QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).</li> </ul>
145	Trường mầm non Trường Thọ (Điểm trường Ngọc Chử 1)	UBND huyện An Lão	xã Trường Thọ, huyện An Lão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà số 1: 390m<sup>2</sup>, 2340m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà số 2: 130m<sup>2</sup>, 780m<sup>3</sup>, 01 tầng</li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: dãy nhà 1: 01 lối; dãy nhà 2: 02 lối.</li> <li>- Tổng số cháu: 300 cháu.</li> </ul>	2018				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC (căn cứ phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy theo quy định của TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023.</li> <li>- Tại dãy nhà số 1 thiếu 01 lối thoát nạn (căn cứ tại QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).</li> </ul>
146	Trường mầm non Trường Thọ (Điểm trường Đồng Xuân 2)	UBND huyện An Lão	xã Trường Thọ, huyện An Lão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- dãy nhà số 01: 350m<sup>2</sup>, 2100m<sup>3</sup>, 02 tầng,</li> <li>- dãy nhà số 02: 400m<sup>2</sup>, 2400m<sup>3</sup>, 02tầng.</li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02.</li> <li>Tổng số cháu: 175 cháu</li> </ul>	2015				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
147	Trường mầm non An Tiên (Điểm trường An Luận)	UBND huyện An Lão	xã An Tiên, huyện An Lão	<p>Tổng diện tích: 5000m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dãy nhà 1: 380m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>Dãy nhà 2: 260m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>Bếp ăn: 200m<sup>2</sup>, 01 tầng</li> <li>Số cháu: 190 cháu</li> <li>Khối tích: 4440 m<sup>3</sup></li> <li>Số lối thoát nạn mỗi tầng: 2</li> </ul>	2020				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
148	Trường Tiểu học An Tiên (Điểm trường thôn An Luận)	UBND huyện An Lão	xã An Tiên, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 6500m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 250m<sup>2</sup>, 03 tầng</li> <li>- Dãy nhà 2: 225m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>- Dãy nhà 3: 300m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>Các dãy nhà liền khối, khối tích: 5400 m<sup>3</sup></li> <li>Số lối thoát nạn mỗi tầng: 2</li> </ul>	Dãy nhà 1: 2005 Dãy nhà 2: 2004 Dãy nhà 3: 2009				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III, Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà liền khối đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
149	Trường Tiểu học Nguyễn Đốc Tín	UBND huyện An Lão	xã An Thái, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 10186m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 250m<sup>2</sup>, 03 tầng</li> <li>- Dãy nhà 2: 400m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>- Dãy nhà 3: 300m<sup>2</sup>, 03 tầng</li> <li>- Các dãy nhà liền khối, tổng khối tích: 7350 m<sup>3</sup></li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02</li> </ul>	Dãy nhà 2, 3: 2005 liền khối với Dãy nhà 1: 2011				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III, Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà liền khối đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>

150	Trường mầm non An Thái	UBND huyện An Lão	xã An Thái, huyện An Lão	Tổng diện tích: 3000m <sup>2</sup> Dãy nhà 1,2,3: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng Dãy nhà 4: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng Bếp ăn: 100m <sup>2</sup> , 01 tầng Tổng khối tích: 6600 m <sup>3</sup> Số cháu: 420 Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02	2018			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
151	Trường mầm non An Thọ	UBND huyện An Lão	xã An Thọ, huyện An Lão	Tổng diện tích: 5500m <sup>2</sup> Dãy nhà 1: 230m <sup>2</sup> , 02 tầng Dãy nhà 2: 260m <sup>2</sup> , 02 tầng Dãy nhà 3: 350m <sup>2</sup> , 02 tầng Bếp ăn: 100m <sup>2</sup> , 01 tầng Khối tích: 5340 m <sup>3</sup> Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02 Số cháu: 320	2018			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
152	Trường mầm non Chiến Thắng	UBND huyện An Lão	xã Chiến Thắng, huyện An Lão	Tổng diện tích: 4117m <sup>2</sup> Dãy nhà 1: 230m <sup>2</sup> , 02 tầng Dãy nhà 2: 180m <sup>2</sup> , 02 tầng Bếp ăn: 100m <sup>2</sup> , 01 tầng Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02 Số cháu: 340	2015			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
153	Trường mầm non An Thắng	UBND huyện An Lão	xã An Thắng, huyện An Lão	- Tổng diện tích đất: 3900m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 550m <sup>2</sup> , 02 tầng, 3300m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn của tầng: 02. - Dãy nhà 2: 350m <sup>2</sup> , 02 tầng, 2100m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn của tầng: 02. - Dãy nhà 3: 316m <sup>2</sup> , 03 tầng, 3160m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn của tầng: 02. - Tổng số: 320 cháu.	- Dãy 1,2: xây dựng năm 2001, cải tạo lại năm 2010 - Dãy 3: 2023			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); - Dãy nhà số 3 chưa lắp đặt hệ thống cấp nước vách tường (căn cứ theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
154	Trường mầm non Mỹ Đức	UBND huyện An Lão	Cơ sở 1: thôn Kim Châm, xã Mỹ Đức, huyện An Lão	- Tổng diện tích đất: 5835,3m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 588,8m <sup>2</sup> , 02 tầng, 3532,8m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn của tầng: 01. - Nhà hiệu bộ: 266,7m <sup>2</sup> , 01 tầng, 800m <sup>3</sup> . - Bếp ăn: 128m <sup>2</sup> , 01 tầng, 448m <sup>3</sup> . - Nhà hội trường: 72m <sup>2</sup> , 01 tầng, 216m <sup>3</sup> . - Tổng số: 331 cháu.	Xây dựng từ năm 2001, cải tạo lại năm 2011			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Tầng 2 dãy nhà 1 thiếu 01 lối thoát nạn (căn cứ theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
155	Trường mầm non Mỹ Đức	UBND huyện An Lão	Cơ sở 2: thôn Tân Nam, xã Mỹ Đức, huyện An Lão	- Tổng diện tích đất: 4643m <sup>2</sup> - Dãy nhà: 480m <sup>2</sup> , 02 tầng, 2880m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng số cháu: 219 cháu.	2021			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

156	Trường mầm non Tân Dân	UBND huyện An Lão	xã Tân Dân, huyện An Lão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: 4891m<sup>2</sup></li> <li>- Nhà hiệu bộ: 200m<sup>2</sup>, 02 tầng, 1200m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 01</li> <li>- Dãy nhà 2: 650m<sup>2</sup>, 02 tầng, 3900m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 01</li> <li>- Dãy nhà 3: 400m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2400m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> <li>- Dãy nhà 4: 170m<sup>2</sup>, 01 tầng, 510m<sup>3</sup></li> <li>- Tổng số: 257 cháu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà hiệu bộ, dãy nhà 2, 4: cải tạo năm 2015</li> <li>- Dãy nhà 3: 2017</li> </ul>				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Dãy nhà 2, Nhà hiệu bộ thiếu 01 lối thoát nạn từ tầng 2 (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
157	Trường THCS Tân Thắng (điểm trường Tân Dân)	UBND huyện An Lão	xã Tân Dân, huyện An Lão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: khoảng 8890m<sup>2</sup></li> <li>- Dãy nhà 1: 410m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2870m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> <li>- Dãy nhà 2: 370m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2590m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 01. Số người làm việc, học tập thường xuyên: trên 20 người</li> <li>- Dãy hiệu bộ: 230m<sup>2</sup>, 02 tầng, 1610m<sup>3</sup>, số lối thoát của tầng: 01. Số người làm việc, học tập thường xuyên: dưới 10 người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1, 2 và hiệu bộ: cải tạo năm 2015</li> </ul>				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Dãy nhà 2, Nhà hiệu bộ thiếu 01 lối thoát nạn từ tầng 2 (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
158	Trường Tiểu học An Thắng	UBND huyện An Lão	xã An Thắng, huyện An Lão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: 5682m<sup>2</sup></li> <li>- Nhà lớp học 1: 510m<sup>2</sup>, 02 tầng, 3570m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> <li>- Nhà lớp học 2: 370m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2590m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> <li>- Dãy hiệu bộ: 413m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2891m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 03</li> <li>- dãy nhà phòng học mới: 327m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2289m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>2014</li> <li>Dãy nhà phòng học mới: 2023</li> </ul>				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dãy nhà lớp học 1, nhà lớp học 2 và nhà hiệu bộ chưa thực hiện thẩm duyệt thiết kế về PCCC (theo quy định tại phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Không lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);</li> <li>- Dãy phòng học mới diện tích 327m<sup>2</sup> đã thẩm duyệt về PCCC theo quy định, chưa nghiệm thu về PCCC.</li> </ul>
159	Trường Tiểu học Tân Dân	UBND huyện An Lão	xã Tân Dân, huyện An Lão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: 6088m<sup>2</sup></li> <li>- Nhà hiệu bộ: 350m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2100m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 2</li> <li>- Dãy nhà 1: 350m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2100m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> <li>- Dãy nhà 2: 295m<sup>2</sup>, 02 tầng, 1770m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> <li>- Dãy nhà 3: 410m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2500m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng từ năm 2005, 2015, 2017.</li> <li>Năm 2019 xây dựng mới và cải tạo lại các dãy nhà cũ</li> </ul>				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
160	Trường THCS Mỹ Đức	UBND huyện An Lão	thôn Tân Nam, xã Mỹ Đức, huyện An Lão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: 5914m<sup>2</sup></li> <li>- Dãy nhà 1: 420m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2940m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> <li>- Dãy nhà 2: 425m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2975m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> <li>- Dãy hiệu bộ: 405m<sup>2</sup>, 02 tầng, 2835m<sup>3</sup>, số lối thoát nạn của tầng: 02</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng từ năm 2001, 2017. Năm 2021 cải tạo lại</li> </ul>				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>

Huyện An Dương (27 cơ sở)

161	Trường mầm mầm non An Hồng	UBND huyện An Dương	xã An Hồng, huyện An Dương	Khu vực dãy nhà A có diện tích mặt bằng khoảng 360m <sup>2</sup> , được xây dựng với kiến trúc 02 tầng. 01 cầu thang; Khu vực nhà B có diện tích mặt bằng khoảng 600m <sup>2</sup> , được xây dựng 02 tầng (3600m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang; Khu vực dãy nhà C có diện tích mặt bằng khoảng 180m <sup>2</sup> , được xây dựng 03 tầng (1620m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang.	Đưa vào hoạt động năm 1999  Đưa vào hoạt động năm 2017  Đưa vào hoạt động năm 2012				x		* Các nhà đều chưa tiến hành thẩm duyệt thiết kế về PCCC (căn cứ phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Các nhà đều thiếu 01 cầu thang thoát nạn (theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); * Dãy nhà C chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
162	Trường mầm mầm non An Hưng	UBND huyện An Dương	xã An Hưng, huyện An Dương	- Điểm Nam Hoà: - Khu vực dãy nhà lớp học có diện tích mặt bằng khoảng 435m <sup>2</sup> , được xây dựng 02 tầng. (1305m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang - Khu vực nhà hiệu bộ có diện tích mặt bằng khoảng 400m <sup>2</sup> , được xây dựng 02 tầng (2400m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang - số học sinh: 414 người	Đưa vào hoạt động năm 2003				x		* Các nhà đều chưa tiến hành thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);
163	Trường mầm mầm non Đại Bản	UBND huyện An Dương	xã Đại Bản, huyện An Dương	- Điểm trường Tân Thanh: Dãy nhà 03 tầng: được xây dựng với diện tích khoảng 376m <sup>2</sup> . (3384m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang (nổi thông tầng 2, tầng 2 đủ 2 thang). Dãy nhà 02 tầng: được xây dựng với diện tích 92m <sup>2</sup> . (552m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang/nhà (đủ 02 thang) số học sinh: 461 người	Dãy nhà 03 tầng xây dựng 2011, Dãy nhà 02 tầng xây dựng 2003				x		* Các nhà đều chưa tiến hành thẩm duyệt thiết kế về PCCC (căn cứ phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Tầng 3 nhà 3 tầng điểm Tân Thanh thiếu 01 cầu thang thoát nạn (Căn cứ QCVN 06:2010, QCVN 06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); * Tất cả khối nhà đều chưa lắp báo cháy tự động (căn cứ 3890:2009, TCVN 3890:2023); Điểm Tân Thanh các nhà liền khối chưa lắp đặt hệ thống cấp nước trong nhà (Căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
164	Trường mầm mầm non Đại Bản	UBND huyện An Dương	xã Đại Bản, huyện An Dương	- Điểm trường Xuyên Đông : Có tổng diện tích mặt bằng khoảng 1900m <sup>2</sup> bao gồm các khu vực sau : 01 dãy nhà 01 tầng có diện tích khoảng 128m <sup>2</sup> (384m <sup>3</sup> ) số học sinh: 174 người	Đưa vào hoạt động năm 2010						
165	Trường mầm mầm non Đại Bản	UBND huyện An Dương	xã Đại Bản, huyện An Dương	- Điểm trường Duyên Hải : 01 dãy nhà 02 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 350m <sup>2</sup> (2100m <sup>3</sup> ). 02 cầu thang số học sinh: 187 người	Đưa vào hoạt động năm 2021						
166	Chợ Hổ	UBND huyện An Dương	xã An Hưng, huyện An Dương	Nhà chợ chính: 1260m <sup>2</sup> (7560m <sup>3</sup> ); Khu bán thực phẩm: 357m <sup>2</sup> ; Khu bán hàng ăn: 115m <sup>2</sup> ; lán để xe: 200m <sup>2</sup> ; Khu vành đai: 180m <sup>2</sup>	Xây dựng năm 1999, đi vào hoạt động 2001. Năm 2006 cải tạo sửa chữa			đã đình chỉ 65 gian hàng trong nhà chợ chính	x		Chưa thẩm duyệt thiết kế về PCCC (theo quy định tại phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V nghị định 136/2020/NĐ-CP); Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (chợ kiên cố, bán kiên cố), cấp nước chữa cháy (khối tích hơn 5.000m <sup>3</sup> ). (căn cứ TCVN 2622:1995, 6161:1996, TCVN 3890:2023)
167	Trường mầm non Đồng Thái	UBND huyện An Dương	xã Đồng Thái, huyện An Dương	Tổng diện tích đất 9630 m <sup>2</sup> : - Dãy nhà 2 tầng có 6 phòng học được sửa chữa cải tạo vào tháng 3/2021, 02 cầu thang Tổng số cháu: 678 cháu	Đi vào hoạt động năm 1983, lần sửa chữa, cải tạo gần nhất là năm 2021				x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

168	Trường mầm non Hồng Thái.	UBND huyện An Dương	Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng	Tổng diện tích mặt bằng 8000 m <sup>2</sup> , gồm 02 dãy nhà 02 tầng - Nhà A 10 phòng học xây dựng năm 2017 - Nhà chức năng xây dựng năm 2020 - 02 cầu thang	Nhà A năm 2017; Nhà B năm 2020			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
169	Trường mầm non Nam Sơn	UBND huyện An Dương	Nam Sơn, An Dương	Tổng diện tích mặt bằng khoảng 3983m <sup>2</sup> : Dãy nhà lớp học C: Xây dựng 02 tầng, diện tích 230 m <sup>2</sup> (5 lớp học với 200 cháu). 01 cầu thang, hành lang các tầng được nối thông sang với dãy khác.	2015			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
170	Trường Mầm non Hồng Phong	UBND huyện An Dương	Hồng Phong, An Dương	Cơ sở 1 (thôn Hoàng Lâu) có tổng diện tích mặt bằng khoảng 13000m <sup>2</sup> - Dãy nhà dạy học 02 tầng (01 cầu thang) diện tích mặt bằng 529m <sup>2</sup> , nhà bếp 01 tầng diện tích mặt bằng 207m <sup>2</sup> , nhà xe và phụ trợ khác (220 cháu) - Dãy học 02 tầng có 01 cầu thang	2020			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo Phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - 02 dãy nhà 02 tầng thiếu 01 lối thoát nạn (căn cứ theo QCVN 06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). - Các nhà đều chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
171	Trường Mầm non Hồng Phong	UBND huyện An Dương	Hồng Phong, An Dương	Cơ sở 2 (thôn Hà Dỗ) có tổng diện tích mặt bằng khoảng 1350m <sup>2</sup> - Dãy nhà dạy học 02 tầng có diện tích mặt bằng 360m <sup>2</sup> - Dãy nhà 01 tầng có diện tích mặt bằng 145m <sup>2</sup> (280 cháu) - Dãy học 02 tầng có 01 cầu thang	- Dãy nhà dạy học 02 tầng sử dụng năm 2004 - Dãy nhà 01 tầng được chuyển giao (chuyển công năng) sử dụng từ nhà văn hóa năm 2018			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Dãy nhà 02 tầng thiếu 01 lối thoát nạn (căn cứ theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). - Nhà này 1 tầng cải tạo đổi công năng từ năm 2018, chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
172	Trường mầm non Quốc Tuấn	UBND huyện An Dương	xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	- 01 dãy nhà dạy học 02 tầng, diện tích mặt bằng 500m <sup>2</sup> (270 cháu). Có 01 cầu thang, hành lang các tầng được nối thông với dãy nhà khác	2003			x		- Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP)
173	Trường mầm non Đặng Cương	UBND huyện An Dương	xã Đặng Cương, huyện An Dương	- 01 dãy nhà dạy học 02 tầng, diện tích mặt bằng 350m <sup>2</sup> ; (183 cháu). 01 cầu thang - 01 dãy nhà dạy học 02 tầng, diện tích mặt bằng 360m <sup>2</sup> (186 cháu). 01 cầu thang. Hành lang các tầng của các dãy nhà được nối thông với nhau	Dãy nhà dạy học 02 tầng 350m <sup>2</sup> năm 2005; Dãy nhà dạy học 02 tầng 360m <sup>2</sup> năm 2016			x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động và hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
174	Trường tiểu học Bắc Sơn	UBND huyện An Dương	xã Bắc Sơn, huyện An Dương	dãy nhà dạy học 03 tầng, diện tích mặt bằng 800m <sup>2</sup> (7200m <sup>3</sup> ). 02 cầu thang.	2018			x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
175	Trường mầm non Lê Lợi	UBND huyện An Dương	xã Lê Lợi, huyện An Dương	Dãy nhà dạy học 02 tầng, diện tích mặt bằng 500m <sup>2</sup> (450 cháu). 01 cầu thang, Hành lang các tầng của các dãy nhà được nối thông với nhà khác	2017			x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

176	Trường mầm non Bắc Sơn	UBND huyện An Dương	xã Bắc Sơn, huyện An Dương	Dãy 2 nhà dạy học 02 tầng, diện tích mặt bằng 400m <sup>2</sup> (416 cháu). 01 cầu thang, Hành lang các tầng của các dãy nhà được nối thông với nhà khác	2013				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
177	Trường mầm non An Đồng 1	UBND huyện An Dương	Thôn Vĩnh Khê xã An Đồng, huyện An Dương	Điểm trường thôn Vĩnh Khê: Diện tích mặt bằng là 1243m <sup>2</sup> . - Dãy nhà dạy học 02 tầng có diện tích mặt bằng là 250m <sup>2</sup> . (290 cháu). 02 cầu thang	2003				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Nhà 02 tầng điểm thôn Cái Tắt thiếu 01 lối thoát nạn (căn cứ TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
178	Trường mầm non An Đồng 1	UBND huyện An Dương	Thôn Vĩnh Khê xã An Đồng, huyện An Dương	Điểm trường thôn Cái Tắt có diện tích mặt bằng 1017m <sup>2</sup> . Xây dựng 01 dãy nhà 02 tầng có diện tích mặt bằng 200m <sup>2</sup> . (260 cháu). 01 cầu thang	2004						
179	Trường mầm non An Đồng 2	UBND huyện An Dương	Thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương	Điểm trường thôn An Dương có Diện tích mặt bằng là 1400m <sup>2</sup> . Xây dựng dãy nhà dạy học 02 tầng có diện tích mặt bằng là 450m <sup>2</sup> . (260 cháu). 01 cầu thang	2012				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);
180	Trường mầm non An Hòa	UBND huyện An Dương	Thôn Ngô Dương, xã An Hòa, huyện An Dương	Điểm trường Thôn Ngô Dương: Xây dựng 02 dãy nhà dạy học 02 tầng mỗi dãy có diện tích là 200m <sup>2</sup> và 240m <sup>2</sup> . (267 cháu) 01 cầu thang	2012				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Điểm trường thôn Ngô Dương thiếu 01 lối thoát nạn (QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
181	Trường mầm non An Hòa	UBND huyện An Dương	Thôn Ngô Dương, xã An Hòa, huyện An Dương	Điểm trường thôn Tinh Thủy: Xây dựng 01 dãy nhà dạy học 01 tầng có diện tích mặt bằng là 150m <sup>2</sup> . (144 cháu).	2021						
182	Trung tâm y tế huyện An Dương	UBND huyện An Dương	Tổ 3, thị trấn An Dương, huyện An Dương	Khu khám bệnh trung tâm 03 tầng có diện tích mặt bằng 710m <sup>2</sup> , 7.000m <sup>3</sup> , (Trên 21 giường bệnh). 02 cầu thang	2017				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
183	Trường THPT An Dương	UBND huyện An Dương	Thị trấn An Dương, huyện An Dương	- Dãy nhà dạy học số 1 03 tầng, có diện tích mặt bằng 250m <sup>2</sup> (khối tích 2250m <sup>3</sup> ) - Dãy nhà dạy học số 2 03 tầng, có diện tích mặt bằng 250m <sup>2</sup> (khối tích 2250m <sup>3</sup> ) - Dãy nhà dạy học 03 tầng, có diện tích mặt bằng 500m <sup>2</sup> (khối tích 4500m <sup>3</sup> ) Hành lang các dãy được nối thông với nhau, có 04 cầu thang	Dãy nhà học số 1 năm 2002; Dãy nhà học số năm 2009; Dãy nhà học năm 2009				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * 03 nhà 3 tầng chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
184	Trường tiểu học An Hưng	UBND huyện An Dương	xã An Hưng, huyện An Dương	Khu nhà dạy học 03 tầng có diện tích mặt bằng 600m <sup>2</sup> (5400m <sup>3</sup> ); 02 cầu thang	2017				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Nhà 3 tầng chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

185	Trường tiểu học Nam Sơn	UBND huyện An Dương	thôn Cách Hạ, xã Nam Sơn, huyện An Dương	- Dãy nhà dạy học A có diện tích khoảng 400m <sup>2</sup> , 03 tầng (khối tích 3600m <sup>3</sup> ) - Dãy nhà dạy học B có diện tích khoảng 300m <sup>2</sup> , 03 tầng (khối tích 2700m <sup>3</sup> ) Hành lang các dãy được nối thông với nhau (tổng khối tích hơn 5.000m <sup>3</sup> ), có 02 cầu thang	Dãy A 2014 Dãy B 2018				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * 02 nhà 3 tầng chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
186	Trường tiểu học Quốc Tuấn	UBND huyện An Dương	xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	- 01 dãy nhà học 03 tầng, diện tích 390m <sup>2</sup> . (khối tích 3510m <sup>3</sup> ) - Dãy nhà dạy học 02 tầng có diện tích 300m <sup>2</sup> (khối tích 1800m <sup>3</sup> ) Hành lang các dãy được nối thông với nhau (tổng khối tích hơn 5.000m <sup>3</sup> ), có 02 cầu thang	2018				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * 02 nhà 3 tầng Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
187	Trường THCS Lê Thiện	UBND huyện An Dương	thôn Phí Xá, xã Lê Thiện, huyện An Dương	- Dãy nhà 03 tầng có diện tích 500m <sup>2</sup> , có 01 cầu thang bộ (khối tích 4500m <sup>3</sup> ). Trên 20 người/tầng - Dãy nhà dạy học 02 tầng có diện tích 400m <sup>2</sup> (khối tích 2400m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang - Hai tòa nhà nối thông hành lang tầng 1, 2	2017				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Tầng 3 có hơn 20 người, thiếu 01 cầu thang thoát nạn (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). * Hai nhà chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
<b>Quận Hải An (16 cơ sở)</b>										
188	Trường mầm non Nam Hải	UBND quận Hải An	Số 55 Nam Hòa, Phường Nam Hải, quận Hải An	- Tổng diện tích đất: 4000m <sup>2</sup> : + 01 dãy nhà 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2016, diện tích 770m <sup>2</sup> . Nhà có 01 cầu thang bộ. - Tổng số hơn 400 cháu	2016				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Thiếu 01 cầu thang thoát nạn (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). * Hai nhà chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
189	Trường mầm non Thành Tô	UBND quận Hải An	Phường Thành Tô, quận Hải An	- Tổng diện tích đất: 2.229m <sup>2</sup> . - 01 dãy nhà 03 tầng Khu A, được đi vào hoạt động năm 2015, được nối với khu nhà B, diện tích 602m <sup>2</sup> , Nhà có 01 cầu thang bộ. - 01 dãy nhà 03 tầng Khu B, được đi vào hoạt động năm 04/2022 (đã được thẩm duyệt nghiệm thu, ngày 9/8/2022 của phòng PC07), nhà có 02 cầu thang bộ, diện tích 348m <sup>2</sup> - Tổng số hơn 500 cháu	2015/2022				x	* Khu A chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Khu A chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
190	Trường mầm non Đông Hải 1	UBND quận Hải An	Số 02/274 Bùi Thị Từ Nhiên, phường Đông Hải 1, quận Hải An	- Tổng diện tích đất: 758m <sup>2</sup> : + Dãy nhà 03 tầng, đưa vào sử dụng năm 2009, diện tích mặt bằng 200m <sup>2</sup> , nhà có 01 cầu thang bộ. + Dãy nhà 03 tầng, đưa vào sử dụng năm 2012, diện tích mặt bằng 180m <sup>2</sup> , nhà có 01 cầu thang bộ. 2 dãy nhà liền khối có hành lang thông nhau. Quy mô nuôi dạy khoảng 400 cháu.	2007/2012				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2023/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

191	Trường mầm non Đẳng Lâm	UBND quận Hải An	Số 22 Lục Hành, phường Đẳng Lâm, quận Hải An	- Tổng diện tích đất: 1400m <sup>2</sup> + 01 dãy nhà lớp học xây dựng năm 2010, diện tích 900m <sup>2</sup> , 3 tầng, 8100m <sup>3</sup> . Nhà có 02 cầu thang bộ. - Tính chất hoạt động: Giáo dục mầm non, 450 cháu.	2011				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2023/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
192	Trường Mầm Non Trảng Cát	UBND quận Hải An	Số 77 Cát Linh, phường Trảng Cát, quận Hải An	- Tổng diện tích đất 1457m <sup>2</sup> . - 01 dãy nhà 02 tầng, đi vào hoạt động năm 2008, diện tích 280m <sup>2</sup> . Nhà có 01 cầu thang bộ. - 01 dãy nhà 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2013, diện tích 592m <sup>2</sup> , nhà có 01 cầu thang bộ. - Quy mô trên 400 cháu.	2008/2013				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Có 2 nhà thiếu 01 cầu thang thoát nạn (căn cứ TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). * Hai nhà chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
193	Trường Mầm non Đẳng Hải (khu A)	UBND quận Hải An	Số 95 Đoàn Kết, phường Đẳng Hải, quận Hải An	- Tổng diện tích đất: 1164m <sup>2</sup> : + Dãy nhà 03 tầng, đưa vào sử dụng năm 2012, diện tích mặt bằng 600m <sup>2</sup> , nhà có 02 cầu thang bộ. Quy mô nuôi dạy trên 100 cháu (260 cháu). - Tính chất hoạt động: Giáo dục	2012				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * 01 cầu thang thoát nạn 0,9m chưa đảm bảo kích thước (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
194	Trường mầm non Đông Hải 2	UBND quận Hải An	Số 28 Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An	- Tổng diện tích đất: 1898m <sup>2</sup> : + Dãy nhà 03 tầng, đưa vào sử dụng năm 2007, diện tích mặt bằng 550m <sup>2</sup> , nhà có 01 cầu thang bộ. + Dãy nhà 02 tầng, đưa vào sử dụng năm 2014, diện tích mặt bằng 640m <sup>2</sup> , nhà có 01 cầu thang bộ. 2 Dãy nhà liền khối có hành lang thông nhau. Quy mô nuôi dạy trên 100 cháu (350 cháu).	2007				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Tầng 3 thiếu 01 cầu thang thoát nạn (căn cứ TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). * Hai nhà chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
195	Trường Tiểu học Cát Bi	UBND quận Hải An	Số 425 Cát Bi, phường Cát Bi, quận Hải An	- Tổng diện tích khu A khoảng 3733m <sup>2</sup> . đi vào hoạt động năm 2009. xây dựng 03 dãy nhà liền kề theo hình chữ U và hành lang các dãy nhà thông nhau (gồm 02 dãy nhà 02 tầng và 01 dãy nhà 03 tầng) có diện tích khoảng 1800m <sup>2</sup> và phần diện tích còn lại là sân nội bộ của nhà trường, mỗi dãy nhà có 01 cầu thang bộ. Tại tầng 3 bố trí quy mô trên 20 học sinh học. - Tính chất hoạt động: Giáo dục	2009				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Tầng 3 thiếu 01 cầu thang thoát nạn (căn cứ TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023). * Hai nhà chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

196	Trường Tiểu học Nam Hải	UBND quận Hải An	Số 50 Nam Hòa, phường Nam Hải, quận Hải An	<p>- Tổng diện tích mặt bằng 5183m<sup>2</sup>:</p> <p>- 01 dãy nhà A 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2014, được nối với khu nhà B, có diện tích 300m<sup>2</sup>, Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>- 01 dãy nhà B 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2018, được nối với khu nhà A (đã lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy), có diện tích 300m<sup>2</sup>, Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>- 01 dãy nhà C 02 tầng, đi vào hoạt động năm 1994, được nối với khu nhà D, có diện tích 300m<sup>2</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>- 01 dãy nhà D 02 tầng, đi vào hoạt động năm 1996, được nối với khu nhà C, có diện tích 300m<sup>2</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p>	1994/2014/2018				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục III Nghị định 35/2003/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy trong nhà cho dãy nhà A,C,D; không lắp hệ thống báo cháy dãy nhà B, theo (quy định tại TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
197	Trường tiểu học Đông Hải 1	UBND quận Hải An	Số 301 đường Bùi Thị Từ Nhiên, phường Đông Hải 1, quận Hải An	<p>- Tổng diện tích đất: 3207m<sup>2</sup></p> <p>+ Dãy nhà A đưa vào sử dụng năm 2014, 03 tầng, 270m<sup>2</sup> có 01 cầu thang bộ. (đã lắp hệ thống báo cháy, chữa cháy).</p> <p>+ Dãy nhà B đưa vào sử dụng năm 2019, 03 tầng, 270m<sup>2</sup> có 01 cầu thang bộ.</p> <p>Các dãy nhà A, B, C (nhà C đã thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC) được liên thông với nhau bằng hành lang bê tông cốt thép tại các tầng khối tích hơn 5.000m<sup>3</sup>.</p>	2014/2023				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Dãy nhà B chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
198	Trường Tiểu học Đăng Lâm	UBND quận Hải An	Số 198 Trung Lực, phường Đăng Lâm, quận Hải An	<p>- Tổng diện tích đất: 9580m<sup>2</sup></p> <p>+ dãy nhà A1 xây dựng năm 2014, 3 tầng, 575m<sup>2</sup>, 5175m<sup>3</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>+ dãy nhà B xây dựng năm 2003, 3 tầng, 460m<sup>2</sup>, 4140m<sup>3</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>+ dãy nhà C xây dựng năm 1998, 2 tầng, 360m<sup>2</sup>, 2160m<sup>3</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>+ dãy nhà A2 xây dựng năm 2020, 3 tầng, 410m<sup>2</sup>, 3690m<sup>3</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>Các dãy nhà có hành lang thông nhau khối tích hơn 5.000m<sup>3</sup></p>	1999/ 2020				x		<p>* - Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023) (các dãy nhà cũ, mới xây liền khối)</p>
199	Trường Trung học cơ sở Đăng Lâm	UBND quận Hải An	Số 22 Trung Hành 5, phường Đăng Lâm, quận Hải An	<p>- Tổng diện tích đất: 4418m<sup>2</sup></p> <p>+ dãy nhà A xây dựng năm 2011, 3 tầng, 423m<sup>2</sup>, 3807m<sup>3</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>+ dãy nhà B xây dựng năm 2019, 3 tầng, 320m<sup>2</sup>, 2880m<sup>3</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>+ dãy nhà C xây dựng năm 2003, 3 tầng, 185m<sup>2</sup>, 1665m<sup>3</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>+ dãy nhà D xây dựng năm 2021, 3 tầng, 219m<sup>2</sup>, 1971m<sup>3</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>Các dãy nhà có hành lang thông nhau khối tích hơn 5.000m<sup>3</sup></p>	2004/ 2021				x		<p>* - Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023) (các dãy nhà cũ, mới xây liền khối)</p>

200	Trường THCS Nam Hải	UBND quận Hải An	đường Liên Phường, phường Nam Hải, quận Hải An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất 2300m<sup>2</sup>, xây dựng 02 dãy nhà 03 tầng. Trong đó:</li> <li>- 01 dãy nhà 03 tầng khu A, đi vào hoạt động năm 2016, được lối với khu nhà B, có diện tích 500m<sup>2</sup>; Nhà có 01 cầu thang bộ.</li> <li>- 01 dãy nhà 03 tầng khu B, đi vào hoạt động năm 2018, lối với khu nhà A (đã lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy); có diện tích 500m<sup>2</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ. Hai nhà tổng khối tích hơn 5.000m<sup>3</sup>.</li> </ul>	2016/2018				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>* - Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>* Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023) (trừ nhà B đã lắp cấp nước chữa cháy trong nhà)</li> </ul>
201	Trường THCS Lê Lợi	UBND quận Hải An	Số 423 Cát Bi, phường Cát Bi, quận Hải An	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng diện tích đất 4360m<sup>2</sup>, xây dựng 04 dãy nhà liền kề hình chữ U.</li> <li>+ Dãy nhà A được xây dựng năm 2010, nhà xây 03 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 352m<sup>2</sup>. Khối tích khoảng 3520m<sup>3</sup>. Nhà có 02 cầu thang bộ.</li> <li>+ Dãy nhà B được xây dựng năm 1997, nhà xây 02 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 344m<sup>2</sup>. Khối tích khoảng 2408m<sup>3</sup>. Nhà có 02 cầu thang bộ.</li> <li>+ Dãy nhà C được xây dựng năm 2004, nhà xây 03 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 483m<sup>2</sup>. Khối tích khoảng 4830m<sup>3</sup>. Nhà có 02 cầu thang bộ.</li> <li>+ Nhà đá nãng 02 tầng xây dựng năm 2016 có diện tích khoảng 300m<sup>2</sup>. Khối tích khoảng 2100m<sup>3</sup>. Nhà có 02 cầu thang bộ.</li> <li>- Tính chất hoạt động: Giáo dục</li> </ul>	1997/2016				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>* - Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>* Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023) (các dãy nhà cũ, mới xây liền khối)</li> </ul>
202	Trường THPT Hải An	Sở Giáo dục và đào tạo	Số 1177 Ngô Gia Tự, phường Nam Hải, quận Hải An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích 2,3ha, xây dựng 04 dãy nhà. Trong đó:</li> <li>- 01 dãy nhà A 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2008, được lối với khu nhà B, diện tích mặt bằng 500m<sup>2</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</li> <li>- 01 dãy nhà B 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2009, lối với khu nhà A diện tích 900m<sup>2</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</li> <li>- 01 dãy nhà C 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2017, được lối với khu nhà D diện tích 500m<sup>2</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</li> <li>- 01 dãy nhà D 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2022, được lối với khu nhà D (đã lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy), diện tích 500m<sup>2</sup>. Nhà có 01 cầu thang bộ.</li> </ul>	2008/2009/2017/2022				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>* - Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>* Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023) (các dãy nhà cũ, mới xây liền khối)</li> </ul>

203	Dãy nhà 5 tầng (Khu A) thuộc Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch Hải Phòng	UBND thành phố/Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch Hải Phòng	Số 36 Hào Khê, phường Cát Bi, quận Hải An	Xây 05 tầng với diện tích 756.2m <sup>2</sup> , hơn 10.000m <sup>3</sup>	2005				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình đã được thẩm duyệt thiết kế nhưng chưa được nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo quy định tại Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V nghị định 136/2020/NĐ-CP).</li> <li>- Chưa thi công hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy vách tường theo hồ sơ thẩm duyệt PCCC.</li> </ul>
<b>Quận Hồng Bàng (11 cơ sở)</b>										
204	Trung tâm y tế quận Hồng Bàng	Sở Y tế	Số 34 Kỳ Đồng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng	<ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng diện tích đất: 1400m<sup>2</sup></li> <li>Hạng mục chưa được TDNT: Nhà B Diện tích xây dựng: 500m<sup>2</sup>, Khối tích: 4500m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 02 cầu thang bộ trong nhà để hờ. Cơ sở có trên 25 giường bệnh.</li> </ol>	Nhà B xây năm 2010 Nhà C xây năm 2014				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục V nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>* Thiếu hệ thống: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
205	Trường mầm non Trại Chuối	UBND quận Hồng Bàng	Số 10C, 106 Đốc Tít, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng	<ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng diện tích đất: 3000m<sup>2</sup></li> <li>Hạng mục chưa được TDNT: Nhà A Diện tích xây dựng: 300m<sup>2</sup>, 2700m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn: 01 lối. Nhà B Diện tích xây dựng: 400m<sup>2</sup>, 3600m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn: 01 lối. Nhà C Diện tích xây dựng: 120m<sup>2</sup>, 1080m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn: 01 lối. Nhà D Diện tích xây dựng: 160m<sup>2</sup> 1440m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn: 01 lối. Nhà Đa năng Diện tích xây dựng: 430m<sup>2</sup> 2580m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn: 01 lối. Các dãy nhà lối thông với nhau</li> <li>Tổng số cháu: 356</li> </ol>	Nhà A, B, C xây dựng năm 1990, Nhà D xây năm 2013, Nhà đa năng xây dựng 01/2023				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục V nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>* Thiếu hệ thống: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>
206	Trường tiểu học Hùng Vương	UBND quận Hồng Bàng	Số 40B Trương Văn Lục, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng	<ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng diện tích đất: 6823m<sup>2</sup></li> <li>Hạng mục chưa được TDNT: Nhà A Diện tích xây dựng: 220m<sup>2</sup>, Khối tích: 1980m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Nhà B Diện tích xây dựng: 1300m<sup>2</sup>, Khối tích: 11700m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.</li> </ol>	Nhà A xây năm 2020 Nhà B xây năm 2015				x	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục V nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</li> <li>* Thiếu hệ thống: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</li> </ul>

207	Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Bắc Bộ	UBND thành phố/Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	Số 184 Đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 30000m<sup>2</sup></p> <p>2. Hạng mục chưa được TDNT:          Nhà Hiệu bộ Diện tích xây dựng: 860m<sup>2</sup>, 10320m<sup>3</sup>, 4 tầng, số lối thoát nạn: 02 lối.          Nhà ăn sinh viên Diện tích xây dựng: 370m<sup>2</sup>, 1110m<sup>3</sup>, 01 tầng, số lối thoát nạn: 04 lối.          Nhà ký túc sinh viên Diện tích xây dựng: 390m<sup>2</sup>, 5850m<sup>3</sup>, 5 tầng, số lối thoát nạn: 02 lối.          Nhà A Diện tích xây dựng: 690m<sup>2</sup>, 10350m<sup>3</sup>, 5 tầng, số lối thoát nạn: 02 lối.          Nhà B Diện tích xây dựng: 390m<sup>2</sup>, Khối tích: 3510m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối; lối thông với nhà A, C          Nhà C Diện tích xây dựng: 260m<sup>2</sup>, Khối tích: 1560m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.          Nhà xưởng học thực hành Diện tích xây dựng: 900m<sup>2</sup>, Khối tích: 2700m<sup>3</sup>, Số tầng: 1 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 04 lối.          Nhà xưởng học cơ khí Diện tích xây dựng: 900m<sup>2</sup>, Khối tích: 2700m<sup>3</sup>, Số tầng: 1 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 04 lối.          Nhà xưởng học hàn xây dựng Diện tích xây dựng: 900m<sup>2</sup>, Khối tích: 2700m<sup>3</sup>, Số tầng: 1 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 04 lối.</p>	Nhà hiệu bộ đi vào hoạt động năm 2008 Nhà A, nhà ký túc, nhà B, nhà C, nhà ăn, nhà xưởng học thực hành hoạt động năm 2011 Năm 2015 nhà trường xây dựng thêm 01 xưởng thực hành			x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động Ký túc xá, Nhà A, C (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
208	Trường mầm non Hùng Vương	UBND quận Hồng Bàng	Số 11 Trương Văn Lục, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 4600m<sup>2</sup></p> <p>2. Hạng mục chưa được TDNT:          Nhà A Diện tích xây dựng: 600m<sup>2</sup>, Khối tích: 3600m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.          Nhà B Diện tích xây dựng: 400m<sup>2</sup>, Khối tích: 2400m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.          Nhà C Diện tích xây dựng: 500m<sup>2</sup>, Khối tích: 3000m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.</p> <p>3. Tổng số cháu: 374</p> <p>4. Các nhà nối thông vào nhau.</p>	Nhà A đi vào hoạt động năm 2007 Nhà B đi vào hoạt động năm 2009 Nhà C đi vào hoạt động năm 2012			x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cả 3 nhà nối thông (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
209	Trường THCS Hồng Bàng (cơ sở 2)	UBND quận Hồng Bàng	Số 92 Phan Bội Châu, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 1650m<sup>2</sup></p> <p>2. Hạng mục chưa được TDNT:          Nhà A Diện tích xây dựng: 210m<sup>2</sup>, Khối tích: 1890m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.          Nhà B Diện tích xây dựng: 360m<sup>2</sup>, Khối tích: 3240m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.          Nhà A, B liên thông với nhau và nối với nhà C (nhà C đã lắp hệ thống PCCC)</p>	Nhà A đi vào hoạt động năm 2012 Nhà B đi vào hoạt động năm 1974 Nhà C đi vào hoạt động năm 2022			x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động Nhà A, B nối thông (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>

210	Trường THCS Hùng Vương	UBND quận Hồng Bàng	Số 24 Cam Lộ, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 1650m<sup>2</sup></p> <p>2. Hạng mục chưa được TDNT: Nhà Hiệu bộ Diện tích xây dựng: 180m<sup>2</sup>, Khối tích: 1080m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Nhà lớp học Diện tích xây dựng: 480m<sup>2</sup>, Khối tích: 4320m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Nhà lớp học Diện tích xây dựng: 250m<sup>2</sup>, Khối tích: 1500m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Các dãy nhà liên thông với nhau</p>	Nhà hiệu bộ đi vào hoạt động năm 2002 Nhà lớp học 3 tầng đi vào hoạt động năm 2015 Nhà lớp học 2 tầng đi vào hoạt động năm 2018				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cả 3 nhà nổi thông (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
211	Trường THCS Bạch Đằng	UBND quận Hồng Bàng	Số 99 An Trục, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 9000m<sup>2</sup></p> <p>2. Hạng mục chưa được TDNT: Nhà A Diện tích xây dựng: 700m<sup>2</sup>, Khối tích: 6300m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Nhà B Diện tích xây dựng: 1000m<sup>2</sup>, Khối tích: 9000m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Nhà Đa năng Diện tích xây dựng: 375m<sup>2</sup>, Khối tích: 1125m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Các dãy nhà liên thông với nhau</p>	Nhà A đi vào hoạt động năm 5/2014 Nhà B đi vào hoạt động năm 2018 Nhà đa năng đi vào hoạt động năm 5/2014				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động Nhà A, nhà đa năng (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
212	Trường tiểu học Quán Toan	UBND quận Hồng Bàng	Số 48 đường Quán Toan 1, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 7077m<sup>2</sup></p> <p>2. Hạng mục chưa được TDNT: Nhà A Diện tích xây dựng: 900m<sup>2</sup>, Khối tích: 8100m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 02 lối. Nhà B Diện tích xây dựng: 500m<sup>2</sup>, Khối tích: 6000m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Nhà C Diện tích xây dựng: 740m<sup>2</sup>, Khối tích: 6660m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 02 lối. Nhà D Diện tích xây dựng: 500m<sup>2</sup>, Khối tích: 5022m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Nhà Đa năng Diện tích xây dựng: 450m<sup>2</sup>, Khối tích: 1350m<sup>3</sup>, Số tầng: 1 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. Các dãy nhà liên thông với nhau</p>	Nhà A đi vào hoạt động năm 2016 Nhà B đi vào hoạt động năm 2001 Nhà C đi vào hoạt động năm 2005 Nhà D đi vào hoạt động năm 2013 Nhà đa năng đi vào hoạt động năm 2013				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động khối nhà lớp học, hiệu bộ (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
213	Trường mầm non Sơn Ca (cơ sở 2)	UBND quận Hồng Bàng	Số 59 tổ Do Nha, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 900m<sup>2</sup></p> <p>2. Hạng mục chưa được TDNT: Nhà Diện tích xây dựng: 210m<sup>2</sup>, Khối tích: 1260m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 02 lối.</p> <p>3. Tổng số cháu: 165</p>	2015				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>

214	Trường mầm non Sơn Ca	UBND quận Hồng Bàng	Số 43 đường Công Mỹ, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng	1. Tổng diện tích đất: 900m <sup>2</sup> 2. Hạng mục chưa được TDNT: Nhà A tầng Diện tích xây dựng: 280m <sup>2</sup> , Khối tích: 1680m <sup>3</sup> , Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 02 lối. Nhà B Diện tích xây dựng: 180m <sup>2</sup> , Khối tích: 1620m <sup>3</sup> , Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối. 3. Tổng số cháu: 130	2013				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III, Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Nhà B thiếu 01 lối thoát nạn (Căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) * Thiếu hệ thống: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
<b>Quận Lê Chân (6 cơ sở)</b>											
215	Hạng mục dãy nhà A, B, C Trường THCS Tô Hiệu	UBND quận Lê Chân	Số 347 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân	Quy mô: Tổng diện tích đất 4000m <sup>2</sup> + Dãy nhà A có diện tích khoảng 260m <sup>2</sup> , được xây dựng năm 2002 (3 tầng) đến năm 2021 xây dựng thêm tầng 4, khối tích: 3100 m <sup>3</sup> . + Dãy nhà B xây dựng năm 1997 và dãy nhà C được xây dựng năm 1989 nối liền nhau qua hành lang các tầng, có tổng diện tích khoảng 300 m <sup>2</sup> , được xây dựng 03 tầng: Khối tích 2700m <sup>3</sup> -Tinh chất hoạt động: Giáo dục; - Lối thoát nạn: Dãy nhà A có 01 cầu thang bộ thoát nạn, các hạng mục còn lại có 02 cầu thang bộ thoát nạn.	Dãy nhà A đi vào hoạt động năm 2005/cải tạo năm 2021; Dãy nhà B đi vào hoạt động năm 1998; Dãy nhà C đi vào hoạt động năm 1990				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III, Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Nhà A thiếu 01 lối thoát nạn (Căn cứ TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); * Chưa lắp đặt hệ cấp nước chữa cháy (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, 3890:2009, TCVN 3890:2023)
216	Hạng mục dãy nhà 3 tầng Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	UBND quận Lê Chân	Số 132 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, quận Lê Chân	Quy mô: Tổng diện tích đất: 3774m <sup>2</sup> + 01 dãy nhà 3 tầng xây dựng khoảng năm 2007 có diện tích mặt bằng 414 m <sup>2</sup> , khối tích 4900m <sup>3</sup> -Tinh chất hoạt động: Giáo dục - Lối thoát nạn: Dãy nhà 03 tầng có 01 cầu thang bộ thoát nạn.	Dãy nhà 3 tầng đi vào hoạt động năm 2008/ xây dựng năm 2007;				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III, Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Thiếu 01 lối thoát nạn (hơn 20 người/tầng) (Căn cứ TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);
217	Hạng mục dãy nhà B, E Trường THCS Trương Công Định	UBND quận Lê Chân	Số 61 Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân	Quy mô: Tổng diện tích đất 2900m <sup>2</sup> + Dãy nhà B có diện tích khoảng 270m <sup>2</sup> , xây dựng 03 tầng, xây dựng năm 2004, khối tích 2430m <sup>3</sup> ; Dãy nhà E diện tích khoảng 100m <sup>2</sup> , xây dựng 02 tầng, khối tích 600m <sup>3</sup> . - Tổng khối tích các khối nhà A, B, C, D, E lớn hơn 5000m <sup>3</sup> . -Tinh chất hoạt động: Giáo dục - Lối thoát nạn: Dãy nhà B (03 tầng) có 01 cầu thang bộ thoát nạn.	Dãy nhà B đi vào hoạt động năm 2005 xây dựng năm 2004; Dãy nhà E đi vào hoạt động năm 2017/ xây dựng năm 2016. Dãy nhà A, C, D đi vào hoạt động trước năm 2003.				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III, Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Thiếu 01 lối thoát nạn (hơn 20 người/tầng) (Căn cứ TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);
218	Hạng mục dãy nhà A Trường tiểu học Lê Văn Tám	UBND quận Lê Chân	Số 64 Chợ Con, phường Trại Cau, quận Lê Chân	Quy mô : Tổng diện tích đất 5898m <sup>2</sup> -Dãy nhà A xây dựng vào năm 2010 với 03 tầng bố trí khu vực hiệu bộ có diện tích khoảng 415m <sup>2</sup> , khối tích 3730 m <sup>3</sup> - Tinh chất hoạt động: Giáo dục - Lối thoát nạn: Dãy nhà A có 01 cầu thang bộ thoát nạn.	Dãy nhà A đi vào hoạt động năm 2011/xây dựng năm 2010				x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III, Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Thiếu 01 lối thoát nạn (hơn 20 người/tầng) (Căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);

219	Hạng mục dãy nhà A, B, E Trường THCS Lê Chân	UBND quận Lê Chân	Số 71 Vũ Chí Thắng, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân	<p>Quy mô: xây dựng trên tổng diện tích mặt bằng khoảng 6000m<sup>2</sup> gồm:</p> <p>+ Dãy nhà A 02 tầng được xây dựng năm 2000, diện tích mặt bằng 200m<sup>2</sup>, khối tích 1200m<sup>3</sup></p> <p>+ Dãy nhà B 02 tầng được xây dựng năm 2000, diện tích mặt bằng 200m<sup>2</sup>, khối tích 1200m<sup>3</sup></p> <p>+ Dãy nhà E 03 tầng được xây dựng năm 2008, diện tích mặt bằng 150m<sup>2</sup>, khối tích 1350m<sup>3</sup></p> <p>Tổng khối tích các công trình A, B, C, D, E lớn hơn 5000m<sup>3</sup></p> <p>- Tính chất hoạt động: Giáo dục</p> <p>- Lối thoát nạn: Dãy nhà A, B, E có 01 cầu thang bộ thoát nạn, các hạng mục còn lại có 02 cầu thang bộ thoát nạn.</p>	Dãy nhà A, B đi vào hoạt động năm 2001/ xây dựng năm 2000; Dãy nhà E đi vào hoạt động năm 2009/ xây dựng năm 2008				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III, Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Nhà A, B, E thiếu 01 lối thoát nạn (hơn 20 người/tầng) (Căn cứ QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);</p>
220	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp.	Sở Y tế	Số 01 đường Nhà Thương, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	Tổng diện tích 30.398m <sup>2</sup> , bao gồm các hạng mục chưa thẩm duyệt, nghiệm thu sau: Nhà C xây dựng 07 tầng, diện tích khoảng 870m <sup>2</sup> ; Nhà H 06 tầng 451m <sup>2</sup> ; Nhà I 03 tầng 793m <sup>2</sup> ; Nhà K 03 tầng 602m <sup>2</sup>	Cải tạo Nhà C năm 2016, cải tạo Nhà H năm 2020, Cải tạo Nhà I năm 2017, Cải tạo Nhà K năm 2016				x		<p>Chưa thực hiện thẩm duyệt thiết kế về PCCC (theo ND 79/2014/NĐ-CP, 136/2020/NĐ-CP) đối với hạng mục công trình đã cải tạo: Nhà C (cải tạo nâng tầng năm 2016), Nhà H (cải tạo năm 2020), Nhà I (cải tạo nâng tầng năm 2017), Nhà K (cải tạo năm 2016).</p> <p>- Thiếu hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy vách tường phải điều chỉnh, bổ sung sau khi ngăn chia, cải tạo lại các nhà trên (theo tiêu chuẩn TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
<b>Quận Dương Kinh (7 cơ sở)</b>											
221	Trường mầm non Hưng Đạo khu vực trung tâm	UBND quận Dương Kinh	Phường Lung 1, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	<p>- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng khoảng 1.000m<sup>2</sup>, trong đó diện tích xây dựng khoảng 480m<sup>2</sup>, có 01 dãy nhà 02 tầng và 01 dãy nhà 3 tầng, nổi thông hành lang các tầng.</p> <p>- Tính chất hoạt động: cơ sở giáo dục mầm non 300 học sinh.</p>	đi vào hoạt động năm 1976/năm 2019 cải tạo dãy nhà 02 tầng lên 03 tầng				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Thiếu hệ thống: Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
222	Trường mầm non Đa Phúc	UBND quận Dương Kinh	tổ dân phố Quảng Luận, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh	<p>- Quy mô: Tổng diện tích đất 4752m<sup>2</sup>, gồm 03 dãy nhà 2 tầng và 01 dãy nhà 3 tầng;</p> <p>- Tính chất hoạt động: cơ sở giáo dục mầm non, có 465 học sinh</p>	đi vào hoạt động năm 2009/ năm 2019 xây mới dãy nhà 03 tầng này				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>
223	Trường mầm non Hòa Nghĩa	UBND quận Dương Kinh	Số 220 đường Đại Thắng, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	<p>- Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng 2203m<sup>2</sup>, 01 dãy nhà 2 tầng và 01 dãy nhà 03 tầng liền khối, 02 cầu thang;</p> <p>- Tính chất hoạt động: Cơ sở giáo dục mầm non, có 450 học sinh</p>	đi vào hoạt động năm 1959/ năm 2009 xây dựng 01 dãy nhà 03 tầng				x		<p>* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);</p> <p>* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)</p>

224	Trường mầm non Anh Dũng	UBND quận Dương Kinh	Số 2 Hợp Hòa Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh	- Quy mô: Tổng diện tích 2933m <sup>2</sup> , có diện tích xây dựng khoảng 1.250m <sup>2</sup> được xây dựng gồm: 02 dãy nhà 2 tầng và 01 dãy nhà 01 tầng; - Tính chất hoạt động: Cơ sở giáo dục mầm non, có 233 học sinh	đi vào hoạt động năm 2000/ năm 2022 xây mới 01 dãy nhà 02 tầng				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
225	Trường mầm non Hải Thành	UBND quận Dương Kinh	Tổ 2, phường Hải Thành, quận Dương Kinh	- Quy mô: Tổng diện tích đất 2000m <sup>2</sup> , gồm 02 dãy nhà 2 tầng; - Khu vực dãy nhà A: Xây dựng 02 tầng, diện tích 250 m <sup>2</sup> (Xây dựng năm 2013) - Khu vực dãy nhà B: Xây dựng 02 tầng, diện tích 100 m <sup>2</sup> (9/2009, 2023) - Tính chất: cơ sở giáo dục mầm non 369 học sinh	đi vào hoạt động năm 1986/ năm 2013 xây dựng 01 dãy nhà 02 tầng/ năm 2009 xây dựng 01 dãy nhà 02 tầng				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
226	Trường mầm non Tân Thành	UBND quận Dương Kinh	Số 06 đường Thanh Niên, Tổ dân phố Tân Tiến, phường Tân Thành, quận Dương Kinh	- Quy mô: Tổng diện tích đất 3546m <sup>2</sup> , 02 tầng; - Tính chất hoạt động: cơ sở giáo dục mầm non có 320 học sinh	đi vào hoạt động năm 1986/ năm 2022 đã cải tạo xây dựng mới 01 dãy nhà 02 tầng				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
227	Chợ Trung tâm Hải Thành	UBND quận Dương Kinh	phường Hải Thành, quận Dương Kinh	- Quy mô: Tổng diện tích đất 3000m <sup>2</sup> , gồm: - Khu vực bán hàng khô và thực phẩm được xây dựng với diện tích khoảng 1240m <sup>2</sup> , xây dựng 01 tầng với tường gạch bao quanh khung thép mái tôn. - Khu vực Kiot bán hàng bố trí tại 02 mặt đường, có 22 kiot cho thuê bán hàng có diện tích từ 15-18m <sup>2</sup> /1 kiot. - Tổng diện tích xây dựng là 1.570m <sup>2</sup> , có khối tích 5.495m <sup>3</sup> ; - Tính chất hoạt động: Chợ.	2004					* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (chợ kiên cố, bán kiên cố), cấp nước chữa cháy (khối tích hơn 5.000m <sup>3</sup> ). (căn cứ TCVN 2622:1995, 6161:1996. TCVN 3890:2023).

**Quận Kiến An (5 cơ sở)**

228	Nhà lớp học Trường tiểu học Lê Hồng Phong	UBND quận Kiến An/ Trường tiểu học Lê Hồng Phong	Tổ dân phố Lý Thường Kiệt 1, phường Văn Đâu, quận Kiến An	Có diện tích 3159m <sup>2</sup> Nhà lớp học 4 tầng Diện tích: 400m <sup>2</sup> , khối tích 5.100m <sup>3</sup> , có 02 cầu thang bộ, sử dụng làm nhà lớp học	2022				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
229	Nhà làm việc 5 tầng UBND quận Kiến An	UBND thành phố Hải Phòng/ UBND quận Kiến An	Số 2 Cao Toàn, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An	Tổng diện tích đất: 11.200m <sup>2</sup> . Nhà làm việc 5 tầng Diện tích 275m <sup>2</sup> khối tích 4.125m <sup>3</sup> ; có 01 cầu thang bộ từ tầng 1 lên tầng 5; xây dựng năm 2009; Nhà làm việc của UBND quận	2009				x	* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Thiếu 01 lối thoát nạn (hơn 20 người/tầng). Căn cứ theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023; * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

230	Nhà lớp học Trường mầm non Nam Hà	UBND quận Kiến An/ Trường mầm non Nam Hà	đường Lê Tào, phường Nam Sơn, quận Kiến An	Có diện tích 1890m2 gồm: 02 dãy nhà lớp học 2 tầng có diện tích 300m2/1 tầng, có khối tích 1800m3. Có 02 cầu thang bộ từ tầng 1 lên tầng 2 Tổng số cháu: 120 cháu	Xây dựng từ năm 2006			x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP);
231	Nhà lớp học Trường mầm non Hoa Cúc	Ủy ban nhân dân quận Kiến An/ Trường mầm non Hoa Cúc	TDP Đồng Từ I, phường Phù Liễn, Quận Kiến An	Có diện tích mặt bằng khoảng 512m2: Nhà lớp học 2 tầng thứ nhất có diện tích khoảng 153m2 được xây dựng từ năm 2001 và nâng cấp lên 3 tầng từ năm 2009, khối tích 1530 m3; Nhà lớp học 2 tầng thứ hai có diện tích khoảng 108m2 được xây dựng từ năm 2002 nâng cấp lên 3 tầng từ năm 2009, khối tích 1080 m3. Mỗi nhà có 01 cầu thang bộ bằng bê tông cốt thép, tầng 1, 2, 3 có hành lang thông với nhau. Tổng số cháu: 290 cháu	2009			x		* Chưa thẩm duyệt thiết kế, chưa nghiệm thu về PCCC (căn cứ theo phụ lục III nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP); * Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
232	Trường Đại học Hải Phòng	UBND thành phố Hải Phòng	Số 171 Phan Đăng Lưu, quận Kiến An	Tổng diện tích mặt bằng 287.895m2: - Khu giáo dục quốc phòng: 02 nhà A, B làm nhà ký túc xá 05 tầng mỗi nhà 788m2, 01 nhà văn phòng, lớp học 04 tầng 1066m2; 01 nhà ăn 02 tầng 1113m2; 01 nhà hội trường 1 tầng 885m2; 02 nhà lớp học 1 tầng mỗi nhà 456m2 và một số hạng mục phụ trợ nhà để xe, nhà trực ban. - Khu nhà ký túc xá (nhà K): Nhà K1, K2 mỗi nhà 08 tầng 575m2; 01 nhà ăn 02 tầng 1025m2. - Hai công trình hiện đang không hoạt động.	2008, 2009		x (đình chỉ KTX K1, K2 và nhà ăn 2 tầng)			- Chưa mua bảo hiểm cháy nổ, bắt buộc. - Khu ký túc xá quốc phòng chưa được nghiệm thu về PCCC (đã lắp đặt hệ thống PCCC, hệ thống PCCC đã hỏng, chưa tổ chức nghiệm thu về PCCC, theo Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, phụ lục V nghị định 136/2020/NĐ-CP). - Khu vực ký túc xá K1, K2 và nhà ăn 2 tầng chưa được nghiệm thu về PCCC (đang thi công hoàn thiện để nghiệm thu về PCCC theo Nghị định 35/2003/NĐ-CP, phụ lục III nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục IV nghị định 79/2014/NĐ-CP, Nghị định 136/2020/NĐ-CP).

**Quận Ngô Quyền (6 cơ sở)**

233	Khu chung cư, tái định cư Đông Khê	UBND thành phố	Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền	* Đối với Khu chung cư, tái định cư Đông Khê (xây dựng năm 2007 và đưa vào hoạt động năm 2016): - Khu chung cư, tái định cư Đông Khê gồm 08 tòa chung cư cao 09 tầng, có tổng diện tích mặt bằng khoảng 7.000m2 bao gồm 02 khu nhà chung cư M3 và M4. Các khu chung cư được bố trí như sau: + Khu chung cư M3 bao gồm: Các tòa nhà chung cư M3A, M3B, M3C, M3D, mỗi tòa nhà có diện tích mặt bằng khoảng 440m2. Các dãy nhà đều có 02 cầu thang bộ lên xuống, chiều rộng về thang khoảng 1,2m thông từ tầng 01 lên tầng 09. Khối tích công trình khoảng 13.200m3 + Khu chung cư M4 bao gồm: Các tòa nhà chung cư M4A, M4B, M4C, M4D, mỗi tòa nhà có diện tích mặt bằng khoảng 950m2. Các dãy nhà đều có 02 cầu thang bộ lên xuống, chiều rộng về thang khoảng 1,2m thông từ tầng 01 lên tầng 09. Khối tích công trình khoảng 28.500m3	2016			x		08 tòa nhà đã được cấp gcn thẩm duyệt về PCCC số 109/TĐ-PCCC ngày 02/8/2011, đã thi công hệ thống PCCC, bao gồm cả sửa chữa, tuy nhiên chưa được nghiệm thu tổng thể (Sở Xây dựng đang thực hiện). Thang bộ xuống tầng 01 (phía ngoài nhà) tiếp giáp với của nhà xe khi nhà xe cháy sẽ làm mất tác dụng thoát nạn cầu thang bộ này do bị nhiễm khói khí độc khi cháy (Vi phạm quy định tại Quy chuẩn QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
-----	------------------------------------	----------------	---------------------------------	--	------	--	--	---	--	--

234	Công ty TNHH MTV xô số Hải Phòng	UBND thành phố/Công ty TNHH MTV xô số Hải Phòng	số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	- Tổng diện tích đất: 1.223 m <sup>2</sup> . - Hạng mục chưa nghiệm thu: Tòa nhà Văn phòng, có diện tích mặt bằng khoảng 476 m <sup>2</sup> , được xây dựng 07 tầng nổi và 01 tầng nửa hầm, có khối tích khoảng 14.200m <sup>3</sup> . Công trình có 02 cầu thang bộ đi từ tầng 1 lên tầng 7; tầng nửa hầm có 02 lối lên trực tiếp ra sân trụ sở Công ty.	2009, cải tạo năm 2023			x		- Công trình đã được thẩm duyệt về PCCC nhưng đang công hoàn thiện (thiếu hệ thống báo cháy, giải pháp ngăn cháy, giải pháp kỹ thuật theo thiết kế thẩm duyệt), chưa tổ chức được nghiệm thu về PCCC theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.
235	Trường THCS An Đà	UBND quận Ngô Quyền	Đường Đông Khê, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền	Tổng diện tích khoảng 1700m <sup>2</sup> - Dãy nhà A (04 tầng), diện tích khoảng 300m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 4200m <sup>3</sup> . Công trình có 02 lối thoát nạn tại các tầng. - Dãy nhà B, 04 tầng, diện tích khoảng 380m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 5320m <sup>3</sup> . Công trình có 02 lối thoát nạn tại các tầng. - Dãy nhà C (04 tầng), diện tích khoảng 300m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 4200m <sup>3</sup> . Công trình có 02 lối thoát nạn tại các tầng.	đi vào hoạt động năm 2023			x		Căn cứ công văn số 14/PC07-Đ2 ngày 15/01/2024 của Phòng PC07-CATP. Vị trí các đầu báo cháy lắp đặt tại các tầng 1, 2, 3 và khoảng cách giữa các đầu báo cháy, khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường của lớp học CT1 không đúng theo thiết kế đã được thẩm duyệt. Chủ đầu tư chưa khắc phục để tổ chức nghiệm thu về PCCC.
236	Dãy Nhà C thuộc Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	UBND Quận Ngô Quyền	ngõ số 04 Nguyễn Bình, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền	Tổng diện tích đất: 4.778m <sup>2</sup> - Dãy nhà C thuộc Trường Tiểu học Lê Hồng Phong: được xây dựng 04 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 300m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 3.600m <sup>3</sup> . Công trình có 02 lối thoát nạn tại mỗi tầng.	2023			x		- Công trình chưa được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định tại phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; - Không có đường cho xe tiếp cận (cách hơn 160m mới có đường cho xe tiếp cận); Khoảng cách đến tường rào ranh giới đất không đạt (theo quy định tại QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
237	Dãy nhà B thuộc Trường tiểu học Quang Trung	UBND Quận Ngô Quyền	Số 98/278 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền	Tổng diện tích đất: Khoảng 4200m <sup>2</sup> Dãy nhà B có tổng diện tích sàn của 04 tầng là khoảng 1580m <sup>2</sup> , chiều cao một tầng là 3,9m, khối tích của dãy nhà là 6162m <sup>3</sup> , kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực, mái đổ bê tông, tường xây gạch. Nhà có 01 cầu thang bộ giữa nhà, về thang rộng khoảng 1,2m. Tầng 1 bố trí 02 phòng học, 01 bếp ăn bán trú. Tầng 2 bố trí 02 phòng học, phòng đồ dùng thiết bị, phòng thư viện. Tầng 3 bố trí 01 hội trường và 03 phòng làm việc. Tầng 4 bố trí 04 phòng chức năng: Mỗi phòng học và phòng chức năng có 02 cửa ra vào rộng 1,2m mở ra ngoài. Mỗi phòng làm việc có 01 cửa ra vào rộng 1,2m mở ra ngoài hành lang	2023			x		* Công trình chưa được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP. Đã thi công, đã lắp đặt hệ thống PCCC.
<b>Quận Đồ Sơn (0 cơ sở)</b>										
<b>Huyện Bạch Long Vỹ (0 cơ sở)</b>										

---

**Tổng số 237 cơ sở gồm:**

- Ủy ban nhân dân thành phố: 09 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền: 03 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Kiến An: 03 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh: 07 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Lê Chân: 05 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng: 09 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Hải An: 14 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện An Dương: 27 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện An Lão: 28 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo: 29 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên: 32 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng: 26 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy: 18 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải: 09 cơ sở;
- Sở Y tế: 07 cơ sở;
- Sở Giáo dục và Đào tạo: 11 cơ sở.

**PHỤ LỤC II**  
**DANH SÁCH CÔNG TRÌNH THỤ HƯỞNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG KHÔNG THUỘC DIỆN THẨM DUYỆT PCCC CÒN TỒN TẠI, VI PHẠM VỀ PCCC**

(Kèm theo Văn bản số: 530/UBND-NCKTGS ngày 15/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên dự án, công trình	Tên chủ đầu tư/ Đơn vị vận hành, sử dụng	Địa điểm xây dựng công trình	Quy mô, tính chất hoạt động công trình thuộc diện thẩm duyệt	Năm công trình đi vào hoạt động/Năm cải tạo, xây mới của hạng mục thuộc diện thẩm duyệt	Tình trạng hoạt động				Nội dung không đảm bảo an toàn PCCC (lối thoát nạn, chống sét, giải pháp ngăn cháy, ngăn khói, trang bị phương tiện PCCC)
						Tạm đình chỉ	Đình chỉ hoạt động	Đang hoạt động	Dừng hoạt động	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>Phòng PC07 (0 cơ sở)</b>										
<b>Huyện Cát Hải (0 cơ sở)</b>										
<b>Huyện Kiến Thụy (0 cơ sở)</b>										
<b>Huyện Tiên Lãng (7 cơ sở)</b>										
1	Dãy nhà B thuộc trường THCS Tiên Thắng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường THCS Tiên Thắng	xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng	Quy mô: Tổng diện tích đất 7500m <sup>2</sup> . Dây nhà B diện tích 250m <sup>2</sup> , xây dựng 03 tầng, 02 lối thoát nạn. Khối tích 2625m <sup>3</sup> .	Đưa vào hoạt động năm 2014			x		Dãy nhà B: Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà theo quy định tại TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023.
2	Trường Tiểu học Minh Đức	UBND huyện Tiên Lãng/ Trường Tiểu học Minh Đức	Khu 1 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Quy mô: - Tổng diện tích đất: 2.573m <sup>2</sup> . - Khu nhà A có diện tích khoảng 250 m <sup>2</sup> , xây 02 tầng, 01 lối thoát nạn; Khối tích: 1750m <sup>3</sup> . Khu nhà B có diện tích khoảng 300 m <sup>2</sup> , xây 02 tầng; 01 lối thoát nạn; Khối tích: 2100m <sup>3</sup> .	Đưa vào hoạt động năm 2002			x		Bà B có hơn 20 người, thiếu 01 lối thoát nạn theo quy định. (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Lãng	Khu 5 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	- Dây nhà 200m <sup>2</sup> xây dựng 03 tầng. Khối tích: 2100m <sup>3</sup> . 01 lối thoát nạn. Tính chất hoạt động: Giáo dục	2003			x		Nhà 3 tầng chưa lắp đặt họng nước chữa cháy trong nhà; Cầu thang thoát nạn nhà 03 tầng không đủ số lượng theo quy định. (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023.)
4	Dãy nhà A thuộc Trường THPT Nhữ Văn Lan	UBND huyện Tiên Lãng	Khu 4 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Quy mô: - Tổng diện tích đất: 9.764m <sup>2</sup> . - Khu nhà A có diện tích khoảng 400m <sup>2</sup> , xây 02 tầng, 01 lối thoát nạn. Khối tích: 2800m <sup>3</sup> .	Dãy A: Đưa vào hoạt động năm 2000			x		Nhà thiếu 01 lối thoát nạn (20 người/tầng) (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)

5	Dãy nhà A,B thuộc Trường THPT Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Lãng / Trường THPT Tiên Lãng	Khu 7 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Quy mô: - Tổng diện tích đất: 8.186m <sup>2</sup> . - Dây nhà A có diện tích khoảng 400 m <sup>2</sup> , xây 03 tầng, 02 lối thoát nạn. Khối tích: 4200m <sup>3</sup> Dãy nhà B có diện tích khoảng 450 m <sup>2</sup> , xây 03 tầng. Khối tích: 4375m <sup>3</sup> Tính chất hoạt động: Giáo dục	Dãy nhà A hoạt động năm 2002. Dãy nhà B hoạt động năm 2000.						Dãy nhà A,B: Chưa lắp đặt họng nước chữa cháy trong nhà. (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
6	Nhà văn hóa huyện thuộc Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Lãng/ Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện Tiên Lãng	Khu 2 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Quy mô: - Tổng diện tích đất: 2.600m <sup>2</sup> - Nhà văn hóa: Hội trường xây dựng phía trước 02 tầng, 02 lối thoát nạn, phía sau 01 tầng có tổng diện tích khoảng 1.000m <sup>2</sup> . Khối tích: 8500m <sup>3</sup> . Tính chất hoạt động: sinh hoạt văn hóa	hoạt động trước 2001				x		Chưa lắp đặt họng nước chữa cháy trong nhà cho toàn bộ công trình. (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
7	Chợ huyện Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Lãng/ Ban quản lý Chợ huyện Tiên Lãng	Khu 2 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Quy mô: - Tổng diện tích đất: 5138m <sup>2</sup> : - Diện tích: khu vực kinh doanh 5138m <sup>2</sup> , xây dựng 01 tầng. - Khối tích: 16441m <sup>3</sup> . (một số khu vực không có mái che) Tính chất hoạt động: Buôn bán	Đưa vào hoạt động năm 2001				x		Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy cho toàn bộ công trình.(chợ kiên cố, bán kiên cố khối tích trên 5.000m <sup>3</sup> ) (Căn cứ theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).

**Huyện Thủy Nguyên (25 cơ sở)**

8	Trường THCS Phan Chu Trinh	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 5000m <sup>2</sup> , gồm: + Dây 2 03 tầng: có diện tích 200m <sup>2</sup> , 1800m <sup>3</sup>	- Các dãy nhà được xây dựng năm 2014				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
9	Trường THCS Phan Chu Trinh	UBND huyện Thủy Nguyên	xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 7200m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 03 tầng có diện tích 500m <sup>2</sup> , 4500m <sup>3</sup> ; + Dây nhà học tập (1) 03 tầng, có diện tích 360m <sup>2</sup> , 3400m <sup>3</sup> + Dây nhà học tập (2) 03 tầng: có diện tích 600m <sup>2</sup> , 4500m <sup>3</sup>	- Các dãy nhà được xây dựng năm 2014				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
10	Trường THCS Lại Xuân	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 6000m <sup>2</sup> , gồm: + Dây nhà học tập (1) 03 tầng, có diện tích 460m <sup>2</sup> , 3900m <sup>3</sup> + Dây nhà học tập (2) 03 tầng: có diện tích 600m <sup>2</sup> , 4500m <sup>3</sup>	- Các dãy nhà được xây dựng năm 2014, dây 1 sửa chữa cải tạo năm 2018				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
11	Trường THCS Hoa Động	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 6000m <sup>2</sup> , gồm: + 01 dãy nhà học tập 03 tầng có diện tích 460m <sup>2</sup> , 4600m <sup>3</sup>	- Dây 03 tầng xây dựng năm 2012				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
12	Trường THCS Chính Mỹ	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 9000m <sup>2</sup> , gồm: + 01 dãy nhà học tập 03 tầng có diện tích 660m <sup>2</sup> , 4800m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn.	- dãy nhà được xây dựng năm 2007				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
13	Trường THCS Liên Khê	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 5705m <sup>2</sup> , gồm Dây nhà học tập 3 có diện tích 400m <sup>2</sup> , 3600m <sup>3</sup> , 02 lối thoát nạn - Tính chất hoạt động: giáo dục	- Dây nhà được xây dựng năm 2012				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

14	Trường THCS Minh Tân	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 14000m <sup>2</sup> , gồm: Dãy nhà học tập 3 có diện tích 300m <sup>2</sup> , 2700m <sup>3</sup> ) - Tình chất hoạt động: giáo dục	- Dãy nhà được xây dựng năm 2012			x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
15	Trường THCS Cao Nhân	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 16903m <sup>2</sup> , gồm: 01 dãy nhà 03 tầng có diện tích xây dựng 450m <sup>2</sup> ; 4200m <sup>3</sup>	- Xây dựng dãy nhà 03 tầng năm 2019			x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
16	Trường tiểu học Minh Tân	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 12.807m <sup>2</sup> gồm: + Dãy nhà 03 tầng (A) có diện tích 460m <sup>2</sup> , 3800m <sup>3</sup> , 02 lối + Dãy nhà 03 tầng (B) có diện tích 460m <sup>2</sup> , 3800m <sup>3</sup>	Dãy A xây dựng năm 2005 Dãy B xây dựng năm 2018			x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với dãy A (Theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với dãy B (Theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
17	Trường THCS Mỹ Đồng	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 6000m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 03 tầng có diện tích 520m <sup>2</sup> ; 4600m <sup>3</sup> + Dãy 1 03 tầng có diện tích 400m <sup>2</sup> , 3600m <sup>3</sup> + Dãy 2 03 tầng: có diện tích 250m <sup>2</sup> , 2200m <sup>3</sup> + Nhà đa năng đang xây dựng, 01 tầng diện tích 500m <sup>2</sup> , 3500m <sup>3</sup>	- Các dãy nhà được xây dựng năm 2016 - Đang xây dựng 01 nhà đa năng			x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
18	Trường THCS Hoàng Động	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 5332m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 03 tầng có diện tích 370m <sup>2</sup> ; 3300m <sup>3</sup> + Dãy 1 nhà học tập 03 tầng có diện tích 460m <sup>2</sup> , 3600m <sup>3</sup> + Dãy nhà học tập 2 03 tầng có diện tích 400m <sup>2</sup> , 2500m <sup>3</sup> + Đang xây dựng 01 dãy nhà 03 tầng	- Dãy Hiệu bộ xây dựng năm 2011 - Dãy 1 xây dựng năm 2005; - Dãy 2 xây dựng năm 2011, - Dãy nhà học tập 03 tầng đang xây dựng năm 2023			x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với Dãy 1(Theo Khoản C, điều 10.12 của TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với Nhà Hiệu bộ, dãy 2 (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
19	Trường THCS Kiển Bái	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Kiển Bái, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 15000m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 03 tầng có diện tích 440m <sup>2</sup> ; 3800m <sup>3</sup> + Dãy học tập 1 03 tầng có diện tích 440m <sup>2</sup> , 3800m <sup>3</sup> + Dãy học tập 2: có diện tích 425m <sup>2</sup> , 3700m <sup>3</sup>	- Nhà Hiệu bộ năm 2014; Dãy nhà 1 năm 2016; dãy nhà 2 năm 2016, đang xây dựng 01 dãy nhà 03 tầng năm 2023			x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
20	Trường THPT Quang Trung	Sở Giáo dục và Đào tạo	xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 17700m <sup>2</sup> , gồm Dãy 3 03 tầng: có diện tích 7500m <sup>2</sup> , 7000m <sup>3</sup>	Dãy 3 năm 2001			x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
21	Trường THPT Bạch Đằng	Sở Giáo dục và Đào tạo	xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 19000m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 03 tầng có diện tích 340m <sup>2</sup> ; 3200m <sup>3</sup> + Dãy 1 03 tầng có diện tích 500m <sup>2</sup> , 4500m <sup>3</sup> + Dãy 2 03 tầng: có diện tích 450m <sup>2</sup> , 4300m <sup>3</sup>	- Nhà Hiệu bộ năm 2001; Dãy nhà 1 năm 2003; dãy nhà 2 năm 2010;			x		- Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với dãy Hiệu bộ, dãy nhà 1 (Theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); - Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với dãy nhà 2 (Theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

22	Trường THPT Lê Ích Mịch	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên	- Quy mô: Tổng diện tích đất 13278m <sup>2</sup> , gồm: + Nhà hiệu bộ 03 tầng có diện tích 500m <sup>2</sup> ; 4500m <sup>3</sup> + Dãy 1 03 tầng có diện tích 300m <sup>2</sup> , 2800m <sup>3</sup> + Dãy 2 03 tầng: có diện tích 350m <sup>2</sup> , 3000m <sup>3</sup> + Dãy 3 03 tầng: có diện tích 350m <sup>2</sup> , 3000m <sup>3</sup>	- Nhà Hiệu bộ năm 2001; Dãy nhà 1 năm 2007; dãy nhà 2 năm 2010; Dãy 3 năm 2015;				x		- Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với dãy Hiệu bộ, dãy nhà 1 (Theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023) - Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với dãy nhà 2, 3 (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
23	Trường tiểu học Lập Lễ	UBND huyện Thủy Nguyên / UBND xã Lập Lễ	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 12800m <sup>2</sup> Dãy nhà số 1: 02 tầng, diện tích xây dựng 600m <sup>2</sup> , khối tích 3600m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 01 Dãy nhà số 2: 02 tầng, diện tích xây dựng 500m <sup>2</sup> , khối tích 3000m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà số 3: 02 tầng, diện tích xây dựng 500m <sup>2</sup> , khối tích 3000m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà số 4: 03 tầng, diện tích xây dựng 500m <sup>2</sup> , khối tích 4500m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	Dãy nhà số 1, 2, 3 năm 2015; Dãy nhà số 4 năm 2020				x		Không lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Dãy nhà số 1: Thiếu 01 lối thoát nạn do số người trên mỗi tầng trên 20 người (theo QCVN 06:2010, QCVN 06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
24	Trường tiểu học Ngũ Lão	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên	Khu A: Tổng diện tích mặt bằng 10400m <sup>2</sup> . - Dãy nhà C: 03 tầng, diện tích 350m <sup>2</sup> , khối tích 3150m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 01	2018				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Thiếu 01 lối thoát nạn, số người trên mỗi tầng trên 20 người (theo QCVN 06:2010, QCVN 06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
25	Trường tiểu học Tân Dương	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích 5500m <sup>2</sup> Dãy nhà A: 02 tầng, diện tích xây dựng 250m <sup>2</sup> , khối tích 1500m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà B: 02 tầng, diện tích xây dựng 350m <sup>2</sup> , khối tích 2100m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà C: 02 tầng, diện tích xây dựng 350m <sup>2</sup> , khối tích 2100m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà D: 02 tầng, diện tích xây dựng 400m <sup>2</sup> , khối tích 2400m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	2021				x		Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy cho toàn bộ công trình (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
26	Trường THCS Hòa Bình	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 7215m <sup>2</sup> Dãy nhà học tập 1: 03 tầng, diện tích xây dựng 600m <sup>2</sup> , khối tích 3600m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà học tập 2: 03 tầng, diện tích xây dựng 600m <sup>2</sup> , khối tích 3600m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	Cải tạo sửa chữa năm 2021				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
27	Trường THCS Phả Lễ	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 4419m <sup>2</sup> . Dãy nhà học tập 1: 03 tầng, diện tích 500m <sup>2</sup> , khối tích 4500m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà học tập 2: 02 tầng, diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích 1200m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	Dãy nhà học tập số 1 năm 2009; Dãy nhà học tập số 2 năm 2020				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);

28	Trường THCS Ngũ Lão	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 7000m <sup>2</sup> . Dãy nhà học tập 1: 03 tầng, diện tích 500m <sup>2</sup> , khối tích 4500m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà học tập 2: 03 tầng, diện tích 250m <sup>2</sup> , khối tích 2250m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	Dãy nhà học tập số 1 năm 2020; Dãy nhà học tập số 2 năm 2005				x		Dãy nhà học tập 1: Không lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Dãy nhà học tập 2: Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (Theo TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
29	Trường THCS Dương Quan	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 6447,7m <sup>2</sup> . Dãy nhà học tập: 03 tầng, diện tích 305m <sup>2</sup> , khối tích 2745m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	2020				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
30	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ (Khu 2)	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 5500m <sup>2</sup> . Dãy nhà học tập: 02 tầng, diện tích xây dựng 475m <sup>2</sup> , khối tích 2850m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Dãy nhà học tập 03 tầng, diện tích 440m <sup>2</sup> , khối tích 2640m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	Dãy nhà học tập 02 tầng năm 2009; Dãy nhà học tập 03 tầng năm 2019				x		Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy cho toàn bộ công trình (Theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023), họng nước chữa cháy trong nhà cho dãy nhà 03 tầng (Theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
31	Trường THCS Tân Dương	UBND huyện Thủy Nguyên	xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 5000m <sup>2</sup> Dãy nhà học tập số 1: 03 tầng, diện tích 220m <sup>2</sup> , khối tích 1980m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 01 Dãy nhà học tập số 2: 02 tầng, diện tích 240m <sup>2</sup> , khối tích 1440m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 01	Dãy nhà học tập số 1 năm 2009; Dãy nhà học tập số 2 năm 2018				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà với nhà học số 1 (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Nhà học tập số 1 thiếu 01 lối thoát nạn, số người trên mỗi tầng trên 20 người (theo QCVN 06:2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
32	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng	xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên	Tổng diện tích mặt bằng 14000m <sup>2</sup> . 02 dãy nhà học tập: 03 tầng, diện tích 300m <sup>2</sup> /dãy, khối tích 5400m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02 Nhà chức năng: 03 tầng, diện tích 220m <sup>2</sup> , khối tích 1980m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn: 02	2000				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
<b>Huyện Vĩnh Bảo (08 cơ sở)</b>											
33	Trường tiểu học thị trấn Vĩnh Bảo	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	- Tổng diện tích 9.603m <sup>2</sup> , - Dãy nhà dạy học 03 tầng xây dựng năm 2017, diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích 1.800m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 1 cầu thang bộ. - tính chất hoạt động : Giáo dục	Cải tạo xây dựng thêm nhà 03 tầng năm 2017				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
34	Trường THCS Vinh Quang - Thanh Lương	UBND huyện Vĩnh Bảo	xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo	- Tổng diện tích 4.200m <sup>2</sup> , - Dãy nhà dạy học 03 tầng xây dựng năm 2010, diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích 1.800m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 1 cầu thang bộ. - tính chất hoạt động : Giáo dục	Xây dựng mới nhà 03 tầng năm 2010				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
35	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Bảo	UBND huyện Vĩnh Bảo	Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	- Tổng diện tích 6.000m <sup>2</sup> , - Dãy nhà dạy học 03 tầng xây dựng năm 2012, diện tích 220m <sup>2</sup> , khối tích 2.100m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 1 cầu thang bộ. - tính chất hoạt động : Giáo dục	Xây dựng nhà 03 tầng năm 2012				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);

36	Trường tiểu học Nhân Hoà	UBND huyện Vĩnh Bảo	xã Nhân Hoà, huyện Vĩnh Bảo	- Tổng diện tích 5.670m <sup>2</sup> , - Dãy nhà dạy học 03 tầng xây dựng năm 2012, diện tích 230m <sup>2</sup> , khối tích 2.200m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 1 cầu thang bộ. - tính chất hoạt động : Giáo dục	Xây dựng, cải tạo nhà 03 tầng năm 2015				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
37	Trường tiểu học Thanh Lương	UBND huyện Vĩnh Bảo	xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo	- Tổng diện tích 9.200m <sup>2</sup> , - Dãy nhà dạy học 03 tầng xây dựng năm 2011, diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích 1.800m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 1 cầu thang bộ. - tính chất hoạt động : Giáo dục	Xây dựng nhà 03 tầng năm 2011				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
38	Trường THCS Cộng Hiền	UBND huyện Vĩnh Bảo	xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo	- Tổng diện tích 9.234m <sup>2</sup> , - Dãy nhà dạy học 03 tầng xây dựng năm 2023, diện tích 260m <sup>2</sup> , khối tích 2.496m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 1 cầu thang bộ. - Dãy nhà dạy học 03 tầng cải tạo nâng cấp năm 2022 từ nhà 02 tầng cũ, diện tích 400m <sup>2</sup> , khối tích 3.600m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 1 cầu thang bộ. - tính chất hoạt động : Giáo dục	- Năm 2022 cải tạo nâng cấp từ nhà 2 tầng cũ lên nhà 03 tầng. - Năm 2023 xây dựng mới dãy nhà dạy học 03 tầng.				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
39	Trường tiểu học Hiệp Hoà	UBND huyện Vĩnh Bảo	xã Hiệp Hoà, huyện Vĩnh Bảo	- Tổng diện tích 6.370m <sup>2</sup> , - Dãy nhà dạy học 03 tầng xây dựng năm 2023, diện tích 320m <sup>2</sup> , khối tích 3.072m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 2 cầu thang bộ. - tính chất hoạt động : Giáo dục	Xây dựng mới nhà 03 tầng năm 2023				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
40	Trường tiểu học Tân Hưng	UBND huyện Vĩnh Bảo	xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo	- Tổng diện tích 4.700m <sup>2</sup> , - Dãy nhà dạy học 03 tầng xây dựng năm 2012, diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích 1.800m <sup>3</sup> . Số lối ra thoát nạn: tại tầng 2, tầng 3 mỗi tầng 1 cầu thang bộ. - tính chất hoạt động : Giáo dục	Xây dựng dãy nhà 03 tầng năm 2012				x		Không lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);

**Huyện An Lão (17 cơ sở)**

41	Trường THCS Trương Sơn	UBND huyện An Lão	xã Trương Sơn, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 7459m <sup>2</sup> - Dãy nhà 01: 450m <sup>2</sup> , 03 tầng, 4500m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02. - Dãy nhà 02: 200m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1200m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 03: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1800m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 7500m <sup>3</sup>	Dãy nhà 01 năm 2012 Dãy nhà 02, 03 năm 2005				x		- Dãy nhà 01: Không lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
42	Cơ sở 02 thuộc Trường mầm non Sao Sáng	UBND huyện An Lão	thị trấn An Lão, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 2819m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 220m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1320m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 220m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1320m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 3: 150m <sup>2</sup> , 02 tầng, 900m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 3540m <sup>3</sup> - Số cháu: 150 cháu.	2013				x		- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).

43	Cơ sở 02 thuộc Trường mầm non Quang Hưng	UBND huyện An Lão	xã Quang Hưng, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 2000m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1800m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1500m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 3540m <sup>3</sup> - Số cháu: 120 cháu.	2013				x		- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
44	Trường tiểu học Quốc Tuấn	UBND huyện An Lão	xã Quốc Tuấn, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 10391m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 600m <sup>2</sup> , 02 tầng, 3600m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1800m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 3: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1800m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 4: 200m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1200m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 8400m <sup>3</sup> .	Dãy nhà 01 năm 2015; Dãy nhà 02 năm 2005; Dãy nhà 3, 4 năm 2021				x		- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
45	Trường THCS Quốc Tuấn	UBND huyện An Lão	xã Quốc Tuấn, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 9720m <sup>2</sup> - Dãy nhà 01: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1800m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 02: 500m <sup>2</sup> , 02 tầng, 3000m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 03: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1500m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 6300m <sup>3</sup> .	Dãy nhà 01 năm 2017; Dãy nhà 02, 03 năm 2007				x		- Dãy nhà 1 không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
46	Trường tiểu học thị trấn An Lão	UBND huyện An Lão	thị trấn An Lão, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 6000m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 200m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1200m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 500m <sup>2</sup> , 02 tầng, 3000m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 3: 200m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1200m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Nhà đa năng: 200m <sup>2</sup> , 01 tầng, 2000m <sup>3</sup> - Tổng khối tích: 7400m <sup>3</sup> .	Dãy nhà 01 năm 2012; Dãy nhà 02, 03 năm 2003; Nhà đa năng năm 2012				x		- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
47	Trường THCS Lương Khánh Thiện	UBND huyện An Lão	thị trấn An Lão, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 6301m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 400m <sup>2</sup> , 02 tầng, 2400m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1800m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 3: 270m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1620m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 4: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1800m <sup>3</sup> , Số lối thoát nạn của tầng: 02 - Tổng khối tích: 7620m <sup>3</sup> .	Dãy nhà 01, 02, 03 năm 2012; Dãy nhà 04 năm 2021				x		- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).

48	Trường THCS Trường Thọ	UBND huyện An Lão	xã Trường Thọ, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 10529m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 600m<sup>2</sup>, 1200m<sup>3</sup>, 02 tầng, 02 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà 2: 150 m<sup>2</sup>, 900m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ, Số người có mặt làm việc, học tập thường xuyên mỗi tầng dãy nhà 2.</li> <li>- Dãy nhà hiệu bộ: 250 m<sup>2</sup>, 1500m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ, số người làm việc thường xuyên mỗi tầng dưới 20 người.</li> <li>- Nhà đa năng: 600 m<sup>2</sup>, 01 tầng</li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: dãy nhà 2, dãy nhà hiệu bộ: 01 lối; dãy nhà 1, nhà đa năng: 02 lối</li> </ul>	<p>Dãy nhà 1,2 năm 2013</p> <p>Nhà hiệu bộ năm 2009</p> <p>Nhà đa năng năm 2020</p>				x			- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động theo quy định của pháp luật theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023;
49	Trường tiểu học Quang Trung	UBND huyện An Lão	xã Quang Trung, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 6850m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 1484m<sup>2</sup>, 8904m<sup>3</sup>, 02 tầng, 04 cầu thang bộ ngoài nhà.</li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02</li> <li>- Nhà đa năng: 300 m<sup>2</sup>, 01 tầng.</li> </ul>	<p>Dãy nhà 01 năm 2013</p> <p>Nhà đa năng 2017</p>				x			- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (theo quy định TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
50	Trường THCS Quang Trung	UBND huyện An Lão	xã Quang Trung, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 3808m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 224m<sup>2</sup>, 1344m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà 2: 250m<sup>2</sup>, 1500m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ.</li> </ul> <p>Dãy nhà 1, 2 có hành lang tầng 2 được lối liền với nhau, là loại hành lang hở, cầu thang ngoài nhà.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 3: 320m<sup>2</sup>, 1920m<sup>3</sup>, 02 tầng, 01 cầu thang bộ, hành lang tầng 2 là loại hành lang hở, cầu thang bộ ngoài trời.</li> <li>- Số người có mặt làm việc, học tập thường xuyên mỗi tầng: trên 20 người</li> </ul>	2013				x			- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động theo quy định của pháp luật theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023; - Tại dãy nhà 3, hơn 20 người/tầng: Thiếu 01 lối thoát nạn (theo QCVN 06:2010, QCVN 06:2020, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
51	Trường THCS An Tiến	UBND huyện An Lão	xã An Tiến, huyện An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 10000m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1: 300m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>- Dãy nhà 2: 400m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>- Dãy nhà hiệu bộ: 150m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>- Khối tích: 5100 m<sup>3</sup></li> <li>- Số lối thoát nạn dãy nhà 1, 2: 02 ; số lối thoát nạn dãy nhà nhà hiệu bộ: 01.</li> <li>- Số người thường xuyên làm việc mỗi tầng: trên 20 người, dãy nhà hiệu bộ số người làm việc mỗi tầng dưới 10 người.</li> </ul>	<p>Dãy nhà 1,2 năm 2006; Dãy nhà 3 năm 2015</p>				x			- Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động theo quy định của pháp luật theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023;
52	Trường THPT Trần Hưng Đạo	UBND huyện An Lão	xã An Thái, An Lão	<p>Quy mô: Tổng diện tích: 50000m<sup>2</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy nhà 1,2,3: 200m<sup>2</sup>, 02 tầng</li> <li>- Dãy nhà 4: 250m<sup>2</sup>, 03 tầng</li> <li>- Dãy nhà 5: 300m<sup>2</sup>, 03 tầng</li> <li>- Tổng khối tích: 8550 m<sup>3</sup></li> <li>- Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02, các nhà liền khối, thông hành lang</li> </ul>	<p>Dãy nhà 1,2,3 năm 2003; Dãy nhà 4 năm 2013; Dãy nhà 5 năm 2014</p>				x			- Nhà 4, 5 Chưa trang bị hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).

53	Trường THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	UBND huyện An Lão	xã An Thái, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 8260m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 2: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 3: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 4: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng - Khối tích: 6900 m <sup>3</sup> - Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02, các nhà liền khối thông hành lang.	Dãy nhà 1,2 năm 2004; Dãy nhà 3 năm 2006; Dãy nhà 4 năm 2011				x		- Chưa trang bị hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
54	Trường Tiểu học và THCS Lê Khắc Căn (điểm trường THCS)	UBND huyện An Lão	xã An Thọ huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 8000m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 670m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 2: 400m <sup>2</sup> , 02 tầng - Khối tích: 6420 m <sup>3</sup> - Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02, các nhà liền khối, thông hành lang.	Dãy nhà 1 năm 2002; Dãy nhà 2 năm 2013				x		- Chưa trang bị hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
55	Trường Tiểu học và THCS Chiến Thắng (điểm trường Tiểu học)	UBND huyện An Lão	xã Chiến Thắng, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 5954m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 250m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 2: 300m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 3: 396m <sup>2</sup> , 02 tầng - Khối tích: 7476 m <sup>3</sup> - Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02, các nhà liền khối, thông hành lang.	Dãy nhà 1,2 năm 2004 Dãy nhà 3 năm 2023				x		- Chưa trang bị hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
56	Trường Tiểu học và THCS Chiến Thắng (điểm trường THCS)	UBND huyện An Lão	xã Chiến Thắng, huyện An Lão	Quy mô: Tổng diện tích: 8450m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 307m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 2: 467m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 3: 322m <sup>2</sup> , 02 tầng - Dãy nhà 4: 220m <sup>2</sup> , 02 tầng - Nhà đa năng: 700m <sup>2</sup> , 01 tầng - Khối tích: 12.000 m <sup>3</sup> - Số lối thoát nạn mỗi tầng: 02, các nhà liền khối, thông hành lang.	Dãy nhà 1,2 năm 2004; Dãy nhà 3 năm 2009; Dãy nhà 4 năm 2013; Nhà đa năng năm 2023				x		- Chưa trang bị hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
57	Trường Tiểu học Mỹ Đức II	UBND huyện An Lão	Kim Châm, Mỹ Đức, An Lão	- Tổng diện tích đất: 7500m <sup>2</sup> - Dãy nhà 1: 400m <sup>2</sup> , 02 tầng, 2400m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy nhà 2: 310m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1860m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn của tầng: 02 - Dãy hiệu bộ: 170m <sup>2</sup> , 02 tầng, 1042m <sup>3</sup> , số lối thoát nạn của tầng: 02 - Nhà đa năng: 420m <sup>2</sup> , 1974m <sup>3</sup> , 01 tầng, số cửa thoát nạn: 03.	2013				x		- Chưa trang bị hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
<b>Huyện An Dương (16 cơ sở)</b>											
58	Trường tiểu học Đại Bản 1	UBND huyện An Dương	Đại Bản, An Dương, Hải Phòng	* Dãy nhà dạy học số 01: 03 tầng, diện tích mặt bằng 460m <sup>2</sup> (3680m <sup>3</sup> ) * Dãy dạy học số 02: 03 tầng, diện tích mặt bằng 598 m <sup>2</sup> (4784m <sup>3</sup> )	Dãy số 01 năm 2017; Dãy số 02 năm 2021				x		- Chưa trang bị hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).

59	Trường THPT Nguyễn Trãi	UBND huyện An Dương	An Hưng, An Dương, Hải Phòng	* Dãy nhà dạy học A: 03 tầng, diện tích mặt bằng 360m <sup>2</sup> (3240m <sup>3</sup> ); 02 cầu thang * Dãy nhà dạy học B: 03 tầng, diện tích mặt bằng 450m <sup>2</sup> (4050m <sup>3</sup> ); 02 cầu thang * Dãy nhà C: 03 tầng, 270m <sup>2</sup> (2430m <sup>3</sup> ); 01 cầu thang Dãy nhà D: 03 tầng, 240m <sup>2</sup> (2160m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang	Nhà A năm 2001; Nhà B năm 1996; Nhà C năm 2000; Nhà D năm 2003.			x		- Chưa trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
60	Trường tiểu học An Hồng	UBND huyện An Dương	An Hồng, An Dương, Hải Phòng	* Dãy nhà số 01: 02 tầng, 220m <sup>2</sup> (1320m <sup>3</sup> ); * Dãy nhà số 02: 03 tầng, 250m <sup>2</sup> (2250m <sup>3</sup> ); * Nhà hiệu bộ: 02 tầng, 500m <sup>2</sup> (3000m <sup>3</sup> ); * Nhà đa năng: 01 tầng, 320m <sup>2</sup> (1280m <sup>3</sup> ). * Mỗi nhà có 01 cầu thang, hành lang các tầng của từng dãy được nối thông với nhau	Nhà số 01 năm 2016; Nhà số 02 năm 2011; Nhà hiệu Bộ năm 2014; Nhà đa năng năm 2019.			x		- Chưa trang bị hệ thống báo cháy tự động (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Nhà số 2 chưa lắp đặt hệ thống chữa cháy trong nhà (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
61	Trường THCS An Hồng	UBND huyện An Dương	An Hồng, An Dương, Hải Phòng	Dãy nhà A: 02 tầng, 342m <sup>2</sup> (2052m <sup>3</sup> ); 01 cầu thang Dãy nhà B: 03 tầng, 579m <sup>2</sup> (4632m <sup>3</sup> ); 02 cầu thang Nhà hiệu bộ: 02 tầng, 175m <sup>2</sup> (1050m <sup>3</sup> ); 01 cầu thang (dưới 20 người/tầng)	Dãy nhà A năm 2015; Dãy nhà B: 2005; Nhà hiệu bộ năm 1992.			x		- Đối với dãy nhà A hơn 20 người/tầng: thiếu 01 lối thoát nạn (theo QCVN 06:2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); - Đối với dãy nhà B 03 tầng chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy vách tường theo quy định (TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
62	Trường THCS Nam Sơn	UBND huyện An Dương	Cách Hạ, Nam Sơn, An Dương	Dãy nhà sử dụng làm khu chức năng và dạy học có diện tích khoảng 500m <sup>2</sup> , 03 tầng (khối tích 4500m <sup>3</sup> ). Hành lang các tầng được nối thông với dãy nhà khác, mỗi nhà 01 cầu thang	2019			x		- Chưa trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (theo TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
63	Trường THCS Hồng Phong	UBND huyện An Dương	Đình Ngõ, Hồng Phong, An Dương	Dãy nhà dạy học 03 tầng diện tích khoảng 350m <sup>2</sup> (khối tích 3150m <sup>3</sup> ) Hành lang các tầng được nối thông với dãy nhà khác, 01 cầu thang	2013			x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
64	Trường tiểu học Đặng Cương	UBND huyện An Dương	Đặng Cương, AD, HP	* 01 dãy nhà 02 tầng, diện tích 400m <sup>2</sup> (khối tích 2400m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang	2014			x		Nhà hơn 20 người/tầng thiếu 01 lối thoát nạn (theo QCVN 06:2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
65	Trường THCS Đặng Cương	UBND huyện An Dương	Đặng Cương, AD, HP	* 01 dãy nhà 03 tầng, diện tích 330m <sup>2</sup> (khối tích 2970m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang	2008			x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
66	Trường THCS Quốc Tuấn	UBND huyện An Dương	Quốc Tuấn, AD, HP	* 01 dãy nhà 03 tầng, diện tích 500m <sup>2</sup> . (khối tích 4500m <sup>3</sup> ). 02 cầu thang	2020			x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
67	Trường THCS Bắc Sơn	UBND huyện An Dương	Xã Bắc Sơn, huyện An Dương, HP	Dãy nhà 03 tầng, 400m <sup>2</sup> (khối tích 3600m <sup>3</sup> ) Hành lang tầng 1, 2 được nối thông với hành lang của dãy nhà 2 tầng, tầng 3 chỉ có 1 cầu thang bộ	2019			x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Tầng 3 hơn 20 người thiếu 01 lối thoát nạn (QCVN 06:2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
68	Trường tiểu học Bắc Sơn	UBND huyện An Dương	Bắc Sơn, An Dương, HP	* Dãy hiệu bộ 02 tầng diện tích 400m <sup>2</sup> (khối tích 3600m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang * Dãy nhà học 02 tầng diện tích 400m <sup>2</sup> (khối tích 3600m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang	Dãy hiệu bộ năm 2014; Dãy nhà học năm 2011			x		Cả 2 nhà đều hơn 20 người/tầng thiếu 01 lối thoát nạn (QCVN 06: 2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)

69	Trường Mầm non Lê Thiện	UBND huyện An Dương	Phi Xá, Lê Thiện, An Dương, HP	Cơ sở Phi Xá: dãy nhà dạy học 02 tầng diện tích 220m <sup>2</sup> , có 01 cầu thang bộ (78 cháu).	2018			x		Thiếu 01 lối thoát nạn (QCVN 06: 2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
70	Trường THCS An Đồng	UBND huyện An Dương	Cái Tắt, An Đồng, An Dương, HP	Dãy nhà C xây dựng 03 tầng trên diện tích 468m <sup>2</sup> (khối tích 4212m <sup>3</sup> ). 02 cầu thang	2004			x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, 3890:2023)
71	Trường THCS An hòa	UBND huyện An Dương	Ngo Dương, An Hòa, An Dương, HP	Dãy nhà 03 tầng có diện tích 468m <sup>2</sup> (khối tích 4212m <sup>3</sup> ). 02 cầu thang	2021			x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, 3890:2023)
72	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện An Dương	UBND huyện An Dương	Thị trấn An Dương, An Dương, HP	* Cơ sở 1: Dãy nhà 03 tầng, 300m <sup>2</sup> (khối tích 2600m <sup>3</sup> ). 01 cầu thang, hành lang tầng 1, 2 được nối thông với dãy nhà 2 tầng khác. * Cơ sở 2: Dãy nhà 03 tầng, 250m <sup>2</sup> (khối tích 2250m <sup>3</sup> ). 02 cầu thang	Dãy nhà 03 tầng cơ sở 1 năm 2002; Dãy nhà 03 tầng cơ sở 2 năm 2012			x		- Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
73	Trường tiểu học Tân Tiến	UBND huyện An Dương	Tân Tiến, An Dương, HP	* Dãy nhà 03 tầng, 250m <sup>2</sup> (khối tích 2250m <sup>3</sup> ). 02 cầu thang	2002			x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, 3890:2023)
<b>Quận Hải an (7 cơ sở)</b>										
74	Trường THCS Đằng Hải	UBND quận Hải An	Số 21 Đằng Hải, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng	- Tổng diện tích đất: 4200m <sup>2</sup> . + 01 dãy nhà 03 tầng (nhà A), diện tích 440m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 4800m <sup>3</sup> , 02 cầu thang bộ. đi vào hoạt động năm 2021 + 01 dãy nhà 02 tầng (nhà B), diện tích 323m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 1938m <sup>3</sup> , 01 cầu thang bộ. đi vào hoạt động năm 2003 + 01 dãy nhà 03 tầng (nhà C), diện tích 580m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 7540m <sup>3</sup> , 02 cầu thang bộ. đi vào hoạt động năm 2003 + Nhà B và nhà C liền khối, hành lang thông nhau	2003/2021			x		* Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
75	Trường THCS Tràng Cát	UBND quận Hải An	Số 247 đường Thành Tô, Tràng Cát, Hải An, Hải Phòng	- Tổng diện tích: 4410m <sup>2</sup> . - 01 dãy nhà C 03 tầng, đi vào hoạt động năm 2017 diện tích 430m <sup>2</sup> . Nhà có 01 cầu thang bộ. Bố trí công năng trên 20 người tại tầng 3. - Tình chất hoạt động: Giáo dục	2017			x		* Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); * Thiếu 01 lối thoát nạn (20 người/tầng) (theo QCVN 06:2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).

76	Trường tiểu học và THCS Đông Hải 2	UBND quận Hải An	đường Đông Hải, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: 5.200m<sup>2</sup>:</li> <li>+ 01 dãy 2 tầng, diện tích khoảng 350m<sup>2</sup>, khối tích khoảng 2450m<sup>3</sup>, 01 cầu thang bộ; xây dựng năm 1997.</li> <li>+ 01 dãy 2 tầng diện tích khoảng 320m<sup>2</sup>, 01 cầu thang bộ, nhà ăn, bếp diện tích khoảng 100m<sup>2</sup>, tổng khối tích khoảng 2670m<sup>3</sup>, xây dựng năm 2000.</li> </ul>	1999/2020						x			- Hai dãy nhà 2 tầng thiếu 01 lối thoát nạn (theo quy định quy định tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
77	Trường THPT Herman Gmeiner Hải Phòng	Sở lao động thương binh và xã hội	Số 543 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: 18000m<sup>2</sup>, xây dựng các hạng mục:</li> <li>+ Dãy phòng học đưa vào sử dụng năm 2000 03 tầng, 320m<sup>2</sup>. Có 02 cầu thang bộ.</li> <li>+ Dãy phòng học đưa vào sử dụng năm 2000 03 tầng, 320m<sup>2</sup>. Có 02 cầu thang bộ.</li> <li>+ Dãy nhà bán trú đưa vào sử dụng năm 2000 03 tầng, 300m<sup>2</sup>. Có 02 cầu thang bộ.</li> <li>- Tình chất hoạt động: Giáo dục</li> </ul>	2000/không						x			* Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);
78	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sở Giáo dục và đào tạo Hải Phòng	Số 150 Cát Bi, Cát Bi, Hải An, HP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất: 13800m<sup>2</sup>,</li> <li>- Xây dựng 06 dãy nhà.</li> <li>- Trong đó 03 dãy nhà 02 tầng, 03 dãy nhà 03 tầng,</li> <li>- Dãy nhà A1 có diện tích khoảng 289 m<sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. Khối tích khoảng 1700m<sup>3</sup>, có 2 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà A2 có diện tích khoảng 125 m<sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. Khối tích khoảng 750m<sup>3</sup>, có 2 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà A3 có diện tích khoảng 231 m<sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. Khối tích khoảng 1300m<sup>3</sup>, có 1 cầu thang bộ, quy mô trên 20 học sinh/tầng.</li> <li>- Dãy nhà B1 có diện tích khoảng 673 m<sup>2</sup> xây dựng 03 tầng. Khối tích khoảng 6057m<sup>3</sup>, có 2 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà B2 có diện tích khoảng 209 m<sup>2</sup> xây dựng 03 tầng. Khối tích khoảng 1880m<sup>3</sup>, có 2 cầu thang bộ.</li> <li>- Dãy nhà B3 có diện tích khoảng 212 m<sup>2</sup> xây dựng 03 tầng. Khối tích khoảng 1908m<sup>3</sup>, có 1 cầu thang bộ, quy mô trên 20 học sinh/tầng.</li> <li>- Dãy nhà B4 có diện tích khoảng 381 m<sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. Khối tích khoảng 2286m<sup>3</sup>, có 1 cầu thang bộ, quy mô trên 20 học sinh/tầng.</li> <li>- Các dãy xây dựng bổ sung nhiều thời kỳ, thời điểm bắt đầu xây dựng các dãy nhà kéo dài từ năm 1983-1998;</li> <li>- Dãy nhà cuối cùng xây dựng là dãy B4 xây năm 2002</li> <li>- Tình chất hoạt động: Giáo dục</li> </ul>	1983/2002						x			- Không trang bị, lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy dãy nhà B1, B2, B3 (theo quy định tại TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023) (Dãy nhà B1, B2, B3). - Các khu A3, B3, B4, cầu thang thoát nạn không đủ số lượng (theo quy định tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).

79	Trường kiêm thỉnh Hải Phòng	Sở Giáo dục và đào tạo Hải Phòng	Số 32 Nguyễn Thị Thuận, Cát Bi, Hải An, HP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích mặt bằng 5300m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng khoảng 2800m<sup>2</sup></li> <li>- Các dãy nhà hiện tại xây dựng hoàn thiện năm 2002, xây dựng bổ sung nhiều thời kỳ,</li> <li>- thời điểm xây dựng gần nhất xây nhà E năm 2010;</li> </ul> <p>Khu A có diện tích mặt bằng khoảng 242 m<sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. Bố trí quy mô trên 20 học sinh/tầng. nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>Khu B có diện tích khoảng 307m<sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. Khối tích khoảng 2149m<sup>3</sup>. Bố trí quy mô trên 20 học sinh/tầng. nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>Khu C có diện tích khoảng 224m<sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. Khối tích khoảng 1568m<sup>3</sup>. Bố trí quy mô trên 20 học sinh/tầng. nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <p>Khu D có diện tích khoảng 476m<sup>2</sup> xây dựng 02 tầng. Khối tích khoảng 3332m<sup>3</sup></p> <p>Khu E có diện tích khoảng 130m<sup>2</sup> xây dựng 03 tầng. Khối tích khoảng 1300m<sup>3</sup>. Bố trí quy mô trên 20 học sinh/tầng. nhà có 01 cầu thang bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình chất hoạt động: Trường dạy nghề kiêm tỉnh.</li> </ul>	1976/2010			x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không trang bị, lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy đối với dãy nhà E (theo quy định tại TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023);</li> <li>- Các khu A,B,C,E cầu thang thoát nạn không đủ số lượng theo quy định (theo quy định tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)</li> </ul>
80	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên quận Hải An	UBND quận Hải An	Số 70 Trung Hành 5, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích đất 3330m<sup>2</sup>.</li> <li>- Dãy nhà D (nhà phòng học): xây dựng năm 2005, 3 tầng, 350m<sup>2</sup>, 3150m<sup>3</sup>, nhà có 01 cầu thang bộ.</li> <li>Không quá 20ng/tầng.</li> <li>- Tình chất hoạt động: Giáo dục</li> </ul>	2005			x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không trang bị, lắp đặt hệ thống hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà đối với dãy nhà D (theo quy định TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).</li> </ul>
<b>Quận Hồng Bàng (10 cơ sở)</b>										
81	Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	UBND quận Hồng Bàng	Số 03 Nguyễn Tri Phương, Minh Khai, Hồng Bàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Tổng diện tích đất: 2700m<sup>2</sup></li> <li>Nhà Diện tích xây dựng: 700m<sup>2</sup>, Khối tích: 4200m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.</li> <li>Nhà B Diện tích xây dựng: 300m<sup>2</sup>, Khối tích: 2700m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn Nhà A,B liên thông nhau</li> </ul>	Nhà A năm 1991 Nhà B năm 2000 Nhà hội trường năm 2000			x		<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Thiếu hệ thống: Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy tại khu vực nhà B (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)</li> <li>2. Chưa đủ lối thoát nạn (Tầng 3 hơn 20 người, xuống tầng 2 nhà B chỉ có 01 lối thoát nạn) (Căn cứ theo tiêu chuẩn TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).</li> </ul>
82	Trường THCS Hồng Bàng	UBND quận Hồng Bàng	Số 04 Đinh Tiên Hoàng, Minh Khai, Hồng Bàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Tổng diện tích đất: 4500m<sup>2</sup></li> <li>Nhà C Diện tích xây dựng: 350m<sup>2</sup>, Khối tích: 3150m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01 lối.</li> </ul>	Nhà C năm 1995			x		<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).</li> <li>3. Nhà C chưa đủ lối thoát nạn (hơn 20 người), (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)</li> </ul>

83	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	UBND quận Hồng Bàng	Số 38 Đinh Tiên Hoàng, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, TP Hải Phòng	1. Tổng diện tích đất: 3700m2 Nhà A 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 560m2 Nhà B 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 450m2 Nhà C1 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 360m2 Nhà C2 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 320m2 Nhà D 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 230m2	Nhà A từ thời pháp Nhà B từ thời pháp Nhà C1 năm 2001 Nhà C2 năm 1997 Nhà D năm 1997 Nhà A, B cải tạo năm 2001				x		* Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
84	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng - Cơ sở 2	UBND quận Hồng Bàng	Số 14 Phan Bội Châu, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng	1. Tổng diện tích đất: 1000m2 Nhà A 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 170m2 Nhà B 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 320m2	Nhà A năm 1969, cải tạo năm 2000 Nhà B năm 1996				x		* Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
85	Trường mầm non Hoàng Văn Thụ - Cơ sở 2	UBND quận Hồng Bàng	Số 42 Trần Quang Khải, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng	1. Tổng diện tích đất: 600m2 Nhà A 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 130m2 Nhà B 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 240m2	Đi vào hoạt động 1976, cải tạo năm 2001				x		* Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
86	Trường THPT Lê Hồng Phong	Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng	Số 04 Phạm Phú Thứ, Hạ Lý, Hồng Bàng	1. Tổng diện tích đất: 5000m2 Nhà A 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 300m2 Nhà B 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 300m2 Nhà C 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 300m2 Nhà D 1 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 100m2 Nhà E 1 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 150m2	Nhà A xây năm 1996, cải tạo năm 2000 Nhà B xây năm 1998 Nhà C xây năm 2000 Nhà D xây năm 1982 cải tạo năm 2000 Nhà E xây năm 1982, cải tạo năm 2000				x		* Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy Nhà A, B, C (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).

87	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên quận Hồng Bàng	UBND quận Hồng Bàng	Đường Quán Toan 1, Quán Toan, Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 6000m<sup>2</sup>. Nhà A Diện tích xây dựng: 360m<sup>2</sup>, Khối tích: 4240m<sup>3</sup>, Số tầng: 3 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01. Nhà B Diện tích xây dựng: 420m<sup>2</sup>, Khối tích: 2520m<sup>3</sup>, Số tầng: 2 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 01. Nhà xưởng thực hành Diện tích xây dựng: 300m<sup>2</sup>, Khối tích: 900m<sup>3</sup>, Số tầng: 1 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 04. Nhà xưởng hàn Diện tích xây dựng: 200m<sup>2</sup>, Khối tích: 3000m<sup>3</sup>, Số tầng: 1 tầng, số lối thoát nạn của tầng: 04.</p>	Nhà A năm 1999 Nhà B năm 2012 Nhà thực hành năm 1999 Xưởng hàn năm 1999				x		Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy nhà A (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023).
88	Trường Mầm non Thượng Lý (cơ sở 2)	UBND quận Hồng Bàng	Số 34 đường Thanh Niên, Thượng Lý, Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 140m<sup>2</sup> Nhà 03 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 140m<sup>2</sup> 2. Tổng số 89 cháu.</p>	1991				x		<p>1. Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy, Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1978, TCVN 3890:2023; 2. Thiếu lối thoát nạn số lượng lối thoát nạn theo quy định, Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1978, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023.</p>
89	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	UBND quận Hồng Bàng	Số 01 Núi Voi, Trại Chuối, Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 6000m<sup>2</sup> Nhà A 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 290m<sup>2</sup> Nhà B 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 260m<sup>2</sup> Nhà C 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 300m<sup>2</sup> Nhà đa năng 01 tầng diện tích mặt bằng hoảng 200m<sup>2</sup> Nhà B, C liên thông nhau</p>	Nhà C hoạt động năm 2001				x		1. Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy cho nhà C (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
90	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Hồng Bàng	Số 29 Trại Sơn, Trại Chuối, Hồng Bàng	<p>1. Tổng diện tích đất: 4800m<sup>2</sup> Nhà A 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 500m<sup>2</sup> Nhà B 3 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 400m<sup>2</sup></p>	1991				x		1. Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy cho nhà B (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 2622:1978, TCVN 3890:2023)
<b>Quận Lê Chân (5 cơ sở)</b>											
91	Hạng mục dãy nhà A, B, C Trường THCS Tô Hiệu	UBND quận Lê Chân	Số 347 Tô Hiệu, Hồ Nam, Lê Chân, Hải Phòng	<p>Quy mô: Tổng diện tích đất 4000m<sup>2</sup> + Dãy nhà A có diện tích khoảng 260m<sup>2</sup>, được xây dựng năm 2002 (3 tầng) đến năm 2021 xây dựng thêm tầng 4, khối tích: 3100 m<sup>3</sup>. + Dãy nhà B xây dựng năm 1997 và dãy nhà C được xây dựng năm 1989 nối liền nhau qua hành lang các tầng, có tổng diện tích khoảng 300 m<sup>2</sup>, được xây dựng 03 tầng: Khối tích 2700m<sup>3</sup> -Tinh chất hoạt động: Giáo dục; - Lối thoát nạn: Dãy nhà A có 01 cầu thang bộ thoát nạn, các hạng mục còn lại có 02 cầu thang bộ thoát nạn. - Các tầng trên dãy nhà A bố trí trên 20 người/01 tầng</p>	Dãy nhà A đi vào hoạt động năm 2005/ xây dựng năm 2004; Dãy nhà B đi vào hoạt động năm 1998 /xây dựng năm 1997; Dãy nhà C đi vào hoạt động năm 1990/ xây dựng năm 1989				x		<p>- Lối thoát nạn dãy nhà A (hơn 20 người/tầng) không đủ số lượng theo quy định (tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023); - Không có hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường cho các dãy nhà A, B, C (theo TCVN 2622:1995; TCVN 3890:2023).</p>

92	Hạng mục dây nhà 3 tầng Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	UBND quận Lê Chân	Số 132 Tôn Đức Thắng, An Dương, Lê Chân	Quy mô: Tổng diện tích đất: 3774m <sup>2</sup> + 01 dãy nhà 3 tầng xây dựng khoảng năm 2007 có diện tích mặt bằng 414 m <sup>2</sup> , khối tích 4900m <sup>3</sup> -Tinh chất hoạt động: Giáo dục - Lối thoát nạn: Dây nhà 03 tầng có 01 cầu thang bộ thoát nạn, các hạng mục còn lại có 02 cầu thang bộ thoát nạn. - Các tầng trên dây nhà 03 tầng bố trí trên 20 người/01 tầng	Dãy nhà 3 tầng đi vào hoạt động năm 2008/ xây dựng năm 2007;				x		- Lối thoát nạn nhà 3 tầng (hơn 20 người/tầng) không đủ số lượng theo quy định (tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);
93	Hạng mục dây nhà B, E Trường THCS Trương Công Định	UBND quận Lê Chân	Số 61 Nguyễn Công Trứ, Hàng Kênh, Lê Chân	Quy mô: Tổng diện tích đất 2900m <sup>2</sup> + Dây nhà B có diện tích khoảng 270m <sup>2</sup> , xây dựng 03 tầng, xây dựng năm 2004, khối tích 2430m <sup>3</sup> ; Dãy nhà E diện tích khoảng 100m <sup>2</sup> , xây dựng 02 tầng, khối tích 600m <sup>3</sup> -Tinh chất hoạt động: Giáo dục - Lối thoát nạn: Dây nhà B (03 tầng) có 01 cầu thang bộ thoát nạn, các hạng mục còn lại có 02 cầu thang bộ thoát nạn. - Các tầng trên dây nhà B (3 tầng) bố trí trên 20 người/01 tầng	dãy nhà B đi vào hoạt động năm 2005 xây dựng năm 2004; Dây nhà E đi vào hoạt động năm 2017/ xây dựng năm 2016				x		- Lối thoát nạn tầng 3 nhà B (hơn 20 người/tầng) không đủ số lượng theo quy định (tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);
94	Hạng mục dây nhà A Trường tiểu học Lê Văn Tám	UBND quận Lê Chân	Số 64 Chợ Con, Trại Cau, Lê Chân	Quy mô : Tổng diện tích đất 5898m <sup>2</sup> -Dãy nhà A xây dựng vào năm 2010 với 03 tầng bố trí khu vực hiệu bộ có diện tích khoảng 415m <sup>2</sup> , khối tích 3730 m <sup>3</sup> - Tinh chất hoạt động: Giáo dục - Lối thoát nạn: Dây nhà A có 01 cầu thang bộ thoát nạn, các hạng mục còn lại có 02 cầu thang bộ thoát nạn. - Các tầng trên dây nhà A (03 tầng) bố trí trên 20 người/01 tầng	Dãy nhà A đi vào hoạt động năm 2011/xây dựng năm 2010				x		- Lối thoát nạn tầng 3 nhà A (hơn 20 người/tầng) không đủ số lượng theo quy định (tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);
95	Hạng mục dây nhà A, B, E Trường THCS Lê Chân	UBND quận Lê Chân	Số 71 Vũ Chí Thắng, Nghĩa Xá, Lê Chân	Quy mô: xây dựng trên tổng diện tích mặt bằng khoảng 6000m <sup>2</sup> gồm: + Dây nhà A 02 tầng được xây dựng năm 2000, diện tích mặt bằng 200m <sup>2</sup> , khối tích 1200m <sup>3</sup> + Dây nhà B 02 tầng được xây dựng năm 2000, diện tích mặt bằng 200m <sup>2</sup> , khối tích 1200m <sup>3</sup> + Dây nhà E 03 tầng được xây dựng năm 2008, diện tích mặt bằng 150m <sup>2</sup> , khối tích 1350m <sup>3</sup> - Tinh chất hoạt động: Giáo dục - Lối thoát nạn: Dây nhà A, B, E có 01 cầu thang bộ thoát nạn, các hạng mục còn lại có 02 cầu thang bộ thoát nạn. - Các tầng trên dây nhà A,B,E bố trí trên 20 người/01 tầng	Dãy nhà A,B đi vào hoạt động năm 2001/ xây dựng năm 2000; Dây nhà E đi vào hoạt động năm 2009/ xây dựng năm 2008				x		- Lối thoát nạn tầng 3 nhà A, B, E (hơn 20 người/tầng) không đủ số lượng theo quy định (tại TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023);
<b>Quận Dương Kinh (05 cơ sở)</b>											
96	Trường Tiểu học Đa Phúc	UBND quận Dương Kinh	TDP Quảng Luận, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh	- Quy mô: Tổng diện tích đất 7868m <sup>2</sup> , 3 tầng - Tinh chất hoạt động: cơ sở giáo dục	đi vào hoạt động 1993/ năm 2013 xây dựng mới 02 dãy nhà 03 tầng				x		* Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)

97	Trường Tiểu học Hải Thành	UBND quận Dương Kinh	Tổ 3, phường Hải Thành, quận Dương Kinh	- Quy mô: Tổng diện tích đất 6.672m <sup>2</sup> , gồm: - Khu vực dãy nhà B xây dựng năm 2019: Có diện tích xây dựng khoảng 450m <sup>2</sup> được xây dựng 03 tầng. - tính chất: cơ sở giáo dục	đi vào hoạt động 1996/ năm 2019 xây dựng mới 01 dãy nhà 03 tầng			x		* Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
98	Trường THCS Hải Thành	UBND quận Dương Kinh	Tổ 3, phường Hải Thành, quận Dương Kinh	- Quy mô: Tổng diện tích đất 7343m <sup>2</sup> , gồm: - Dãy nhà hiệu bộ có diện tích xây dựng khoảng 300m <sup>2</sup> , được xây dựng 03 tầng. - Tồn tại vi phạm: - tính chất: cơ sở giáo dục	đi vào hoạt động năm 1996/ năm 2015 xây dựng 01 dãy nhà 03 tầng			x		* Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
99	Trường tiểu học và THCS Tân Thành	UBND quận Dương Kinh	Số 80-82 đường Phố Tân Thành, TDP Tân Tiến, phường Tân Thành, quận Dương Kinh	Khu vực tiểu học: + Dãy nhà hiệu bộ xây dựng năm 2010 có diện tích xây dựng khoảng 323m <sup>2</sup> , được xây dựng 03 tầng.	đi vào hoạt động năm 1996/ năm 2010 xây dựng mới 01 dãy nhà hiệu bộ 03 tầng			x		* Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (Căn cứ theo tiêu chuẩn: TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
100	Chợ Hương	UBND quận Dương Kinh	Phố Chợ Hương, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	- Quy mô: Có diện tích mặt bằng khoảng 1.400m <sup>2</sup> xây dựng 01 tầng - Tính chất hoạt động: Chợ	Cải tạo năm 2013			x		- Không lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, Hạng nước chữa cháy vách tường theo quy định (căn cứ tại TCVN 3890:2009, TCVN 6161:1996). Chợ kiến cổ hoặc bán kiến cổ, có khối tích trên 5.000m <sup>3</sup>

**Quận Kiến An (17 cơ sở)**

101	Chợ Bến phà Kiến An	UBND quận Kiến An/ Ban quản lý Chợ Bến phà	TDP Hoàng Thiết Tâm, đường Hoàng Thiết Tâm, phường Bắc Sơn, Kiến An, HP	Chợ tổng diện tích mặt bằng khoảng 4.790,6m <sup>2</sup> , công trình Nhà 3 tầng có diện tích mặt bằng 450m <sup>2</sup> được xây dựng 03 tầng, tòa nhà có 01 cầu thang bộ tầng 2 không sử dụng, tầng 3 văn phòng làm việc dưới 10 người; các dãy kiot 1 tầng, khung thép mái tôn có tổng diện tích 700m <sup>2</sup> . Tổng khối tích 6.950m <sup>3</sup>	Xây dựng từ năm 2000, đi vào hoạt động từ năm 2002			x		- Không lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, Hạng nước chữa cháy vách tường theo quy định (căn cứ tại TCVN 3890:2009, TCVN 6161:1996). Chợ kiến cổ hoặc bán kiến cổ, có khối tích trên 5.000m <sup>3</sup>
102	Nhà lớp học Trường mầm non Trần Thành Ngọ	UBND quận Kiến An	Số 232 Trần Thành Ngọ, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có tổng diện tích đất 1236m <sup>2</sup> , Gồm 03 dãy nhà 03 tầng, có khối tích 5400m <sup>3</sup> Có tổng số học sinh 370 cháu Có 03 cầu thang trong đó có 01 cầu thang bằng bê tông cốt thép, 02 cầu thang bằng sắt	xây dựng lần lượt từ năm 1999, 2000, 2002			x		Chưa lắp đặt hệ thống hạng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà (Căn cứ tiêu chuẩn 2622:1995, TCVN 3890:2023);
103	Nhà lớp học Trường tiểu học Trần Thành Ngọ	UBND quận Kiến An	Số 153 Tây Sơn, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có tổng diện tích đất là 3021m <sup>2</sup> nhà lớp học 3 tầng với diện tích 168m <sup>2</sup> , khối tích 1512m <sup>3</sup> có 01 cầu thang bộ bằng bê tông cốt thép.	xây dựng năm 2015			x		Chưa lắp đặt hệ thống hạng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà (Căn cứ tiêu chuẩn 2622:1995, TCVN 3890:2023); Thiếu 01 lối thoát nạn (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)

104	Nhà lớp học Trường tiểu học Quang Trung	UBND quận Kiến An	Số 24 Cự Viên, Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng	Có diện tích đất 994,77m <sup>2</sup> 01 dãy nhà lớp học 3 tầng có diện tích 330m <sup>2</sup> , khối tích là 2970m <sup>3</sup> được xây dựng năm 2017, Có 01 cầu thang bằng bê tông cốt thép.	Xây dựng năm 2017				x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà (Căn cứ tiêu chuẩn 2622:1995, TCVN 3890:2023); Thiếu 01 lối thoát nạn (căn cứ QCVN 06:2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
105	Nhà lớp học Trường THCS Đồng Hoà	UBND quận Kiến An	Số 147 đường Đồng Hoà, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có diện tích đất là 3948 m <sup>2</sup> . 01 dãy nhà 03 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 250m <sup>2</sup> , khối tích 2250m <sup>3</sup> , Có 01 cầu thang bằng bê tông cốt thép.	đưa vào sử dụng 2014				x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà (căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023); Thiếu 01 cầu thang thoát nạn (QCVN 06:2010, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)!
106	Nhà lớp học Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên quận Kiến An	UBND quận Kiến An	Số 87 Nguyễn Lương Bằng, Văn Đẩu, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có diện tích đất là 1.772m <sup>2</sup> . Gồm gồm 02 nhà 3 tầng diện tích là 230m <sup>2</sup> , khối tích 2070m <sup>3</sup> và 130m <sup>2</sup> , khối tích 1170m <sup>3</sup> . Mỗi nhà có 01 cầu thang bộ bằng bê tông cốt thép, hành lang của 2 nhà nối với nhau.	xây dựng lần lượt từ năm 2006 và 2012.				x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
107	Nhà lớp học Trường tiểu học Nguyễn Du	UBND quận Kiến An	TDP Số 19 phường Lãm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có tổng diện tích đất 4119m <sup>2</sup> 01 dãy nhà 03 tầng lớp học có diện tích là 110m <sup>2</sup> , khối tích 1000m <sup>3</sup> năm 2017 có xây dựng thêm 01 nhà 03 tầng lớp học (đã lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống cấp nước) Mỗi nhà 3 tầng có 01 cầu thang bộ, hành lang tầng 1, 2, 3 thông với nhau	Xây dựng năm 2015				x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà (TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).
108	Nhà lớp học và hiệu bộ Trường THCS Bắc Hà	UBND quận Kiến An	Đường Lưu Úc, phường Phù Liễn, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có diện tích đất là 4826m <sup>2</sup> Nhà lớp học + hiệu bộ 3 tầng có tổng diện tích là 500m <sup>2</sup> , có khối tích 4500m <sup>3</sup> Có 01 cầu thang bộ, hành lang tầng 1,2,3 thông với nhà 2 tầng và 3 tầng xây mới.	Năm đưa vào sử dụng 2012				x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà (Căn cứ TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023).

109	Nhà lớp học và hiệu bộ Trường tiểu học Ngọc Sơn	UBND quận Kiến An	Khu 2 Khúc Trì, phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có tổng diện tích đất 7862m <sup>2</sup> được chia thành các khu vực sau: Khu vực nhà 3 tầng xây dựng năm 2013 diện tích 220m <sup>2</sup> có khối tích 1980m <sup>3</sup> Khu vực nhà lớp học 2 tầng (nhà A) xây dựng năm 1990 có diện tích 250m <sup>2</sup> , khối tích 1750 m <sup>3</sup> Khu vực nhà hiệu bộ, bếp ăn xây dựng 2 tầng từ năm 2016 diện tích 320m <sup>2</sup> , Khối tích 2240 m <sup>3</sup> Khu vực nhà lớp học 2 tầng (nhà C) xây dựng năm 2010 diện tích 300m <sup>2</sup> , khối tích 2100 m <sup>3</sup> Mỗi công trình có 01 cầu thang bộ, hành lang thông với nhau	Xây dựng các năm 2013; 1990; 2010; 2016				x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà; Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (áp dụng TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
110	Các dãy nhà lớp học và hiệu bộ Trường THCS Lương Khánh Thiện	UBND quận Kiến An	Số 173 Phan Đăng Lưu, Ngọc Sơn, Kiến An, Hải Phòng	Có diện tích mặt bằng khoảng 6007m <sup>2</sup> . 02 dãy nhà lớp học 3 tầng xây dựng năm: 2001 đến năm 2015 nâng lên 3 tầng có diện tích 550m <sup>2</sup> /1 tầng có khối tích 4950m <sup>3</sup> Mỗi công trình có 02 cầu thang bộ	2001				x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà (Căn cứ TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
111	Nhà lớp học Trường mầm non Đồng Hoà	UBND quận Kiến An	422 đường Đồng Hoà, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có tổng diện tích 1368m <sup>2</sup> gồm 02 nhà 2 tầng, mỗi nhà có diện tích 500 m <sup>2</sup> , khối tích 3500 m <sup>3</sup> mỗi dãy nhà có 01 cầu thang bộ từ tầng 1 lên tầng 2 Có tổng số cháu là 150 cháu,	xây dựng năm 2002				x		Nhà thiếu 01 lối thoát nạn (áp dụng TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)
112	Nhà lớp học và hiệu bộ Trường tiểu học Quán Trữ	UBND quận Kiến An	Số 35 TDP Lê Duẩn I, phường Quán Trữ, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có diện tích 2040m <sup>2</sup> Nhà lớp học + hiệu bộ xây dựng 3 tầng có diện tích 350m <sup>2</sup> , khối tích 3150m <sup>3</sup> Năm 2017 xây dựng 01 nhà 03 tầng có diện tích mặt bằng 140m <sup>2</sup> Mỗi tầng có 01 cầu thang bộ, hành lang các tầng thông với nhau	Xây dựng năm 2006, cải tạo 2017				x		Không lắp đặt hệ thống cấp nước (áp dụng TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023 và TCVN 3890-2009, TCVN 3890:2023)
113	Dãy nhà lớp học Trường tiểu học Lý Tự Trọng	UBND quận Kiến An	TDP Đồng Từ I, phường Phù Liễn, Quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có diện tích 3422m <sup>2</sup> 01 dãy nhà lớp học 3 tầng có diện tích mặt bằng 262,69m <sup>2</sup> , khối tích 2364m <sup>3</sup> được xây dựng năm 2003 01 dãy nhà lớp học 3 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 281,03m <sup>2</sup> , khối tích 2529,7m <sup>3</sup> được xây dựng từ năm 2004 Năm 2019 xây dựng 01 nhà 03 tầng có diện tích 200m <sup>2</sup> , khối tích 1800m <sup>3</sup> Mỗi nhà có 01 cầu thang bộ, hành lang các tầng thông với nhau.	2003; 2004				x		Không lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà (áp dụng TCVN 2622:1995, QCVN 06:2010, QCVN 06:2021, QCVN 06:2022, Sửa đổi 1:2023)

114	Nhà lớp học và hiệu bộ Trường THPT Đồng Hoà	Sở giáo dục và đào tạo Hải Phòng	Số 140 Đồng Hoà, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, TP Hải Phòng	Có diện tích mặt bằng 2,5ha 01 nhà lớp học 3 tầng có diện tích khoảng 250m <sup>2</sup> , khối tích 2500 m <sup>3</sup> được xây dựng năm 2003 01 nhà hiệu bộ 2 tầng có diện tích khoảng 150m <sup>2</sup> được xây dựng năm 2003 và đến năm 2008 cải tạo lên tầng 3 01 nhà lớp học 3 tầng + hiệu bộ xây năm 2016 có diện tích 250m <sup>2</sup> , khối tích 2500 m <sup>3</sup> Mỗi nhà có 02 cầu thang bộ	2003; 2008; 2016				x		Chưa lắp đặt hệ thống cấp họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà. (căn cứ theo TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, 3890:2023)
115	Nhà lớp học và hiệu bộ Trường THPT Kiến An	Sở giáo dục và đào tạo Hải Phòng	Số 175 đường Phan Đăng Lưu, Ngọc Sơn, Kiến An, Hải Phòng	Có diện tích đất 8000m <sup>2</sup> 03 Khu nhà 3 tầng (nhà A1, A2, A3), mỗi khu nhà có diện tích mặt bằng khoảng 400m <sup>2</sup> /1 tầng, khối tích 3600m <sup>3</sup> mỗi nhà. Mỗi nhà có 01 cầu thang bộ, hành lang các tầng thông với nhau.	2006; 2012				x		Chưa Lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà (Căn cứ TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2009, TCVN 3890:2023)
116	Nhà điều trị 3 tầng Bệnh viện Phổi Hải Phòng	Sở y tế Hải Phòng	Số 568 Trần Tất Văn, phường Tráng Minh, Kiến An, HP	Tổng diện tích đất sử dụng rộng khoảng 31.000m <sup>2</sup> , Nhà điều trị 3 tầng diện tích 780m <sup>2</sup> , khối tích 7.800m <sup>3</sup> , có 2 cầu thang bộ từ tầng 1 lên tầng 3	Xây dựng năm 1984				x		Chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà (Căn cứ TCVN 2622:1978, TCVN 3890:2023). Bệnh viện trên 5.000m <sup>3</sup> .
117	Chợ Gò Công	UBND quận Kiến An/UBND phường Phù Liên	Số 38 Nguyễn Lương Bằng, Kiến An, Hải Phòng	tổng diện tích đất sử dụng rộng khoảng 3343m <sup>2</sup> , Năm 1991 xây dựng 3 dãy lán proxí măng mỗi dãy có diện tích 300m <sup>2</sup> . Năm 1999 cải tạo xây thêm 25 kiot mỗi kiot 15m <sup>2</sup> . Tổng khối tích 5.100m <sup>3</sup>	Xây dựng 1991, xây dựng thêm 1999				x		- Không lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, Họng nước chữa cháy vách tường theo quy định (căn cứ tại TCVN 2622:1995, TCVN 6161:1996). Chợ kiến cổ hoặc bán kiên cố, có khối tích trên 5.000m <sup>3</sup>
<b>Quận Ngô Quyền (5 cơ sở)</b>											
118	Trường mầm non Sao Sáng 8	UBND quận Ngô Quyền	Ngõ 275 đường Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Tổng diện tích khoảng 1200m <sup>2</sup> : - Dãy nhà 03 tầng hình chữ U, có diện tích khoảng 600m <sup>2</sup> , khối tích khoảng 6000m <sup>3</sup> , có 02 cầu thang thoát nạn bằng bê tông. Số học sinh: 300 cháu	Đi vào hoạt động năm 2003				x		Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (theo quy định tại TCVN 2622 1995, TCVN 3890:2023)
119	Trường mầm non 20/10	UBND quận Ngô Quyền	Ngõ 18 đường Nguyễn Bình, phường Đông Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Tổng diện tích khoảng 3100m <sup>2</sup> : - Dãy nhà 03 tầng 01 có diện tích mặt bằng khoảng 213m <sup>2</sup> , dãy nhà 03 tầng 02 có diện tích mặt bằng khoảng 360m <sup>2</sup> , có hành lang thoát nạn thông nhau, mỗi nhà có 01 cầu thang bộ bằng bê tông thông từ tầng 01 lên tầng 3 Số học sinh: 340	Dãy nhà 03 tầng 01, 02 xây dựng năm 2000				x		Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (theo quy định tại TCVN 2622 1995, TCVN 3890:2023)

120	Trường THCS Đà Nẵng	UBND quận Ngô Quyền	Số 244 đường Đà Nẵng, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Tổng diện tích khoảng 6300m <sup>2</sup> + Dãy nhà hiệu bộ có diện tích khoảng 600m <sup>2</sup> , 03 tầng, khối tích khoảng 6000m <sup>3</sup> , nhà có 01 cầu thang bộ trong nhà bằng bê tông	Dãy hiệu bộ xây dựng năm 2010, đi vào hoạt động khoảng 2012				x		Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động theo quy định (TCVN 3890 2009, TCVN 3890:2023)
121	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	UBND quận Ngô Quyền	Số 18 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	Tổng diện tích mặt bằng khoảng 2047m <sup>2</sup> gồm: - Dãy nhà C có diện tích khoảng 351m <sup>2</sup> xây dựng 03 tầng, khối tích 3685m <sup>3</sup>	Dãy nhà C xây dựng khoảng năm 2000				x		Chưa lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy (theo quy định tại TCVN 2622 1995, TCVN 3890:2023)
122	Chợ Ga Hải Phòng	UBND quận Ngô Quyền	Số 152 đường Lương Khánh Thiện, Phường Cầu Đất, Quận Ngô Quyền	Tổng diện tích khoảng 8.111m <sup>2</sup> Khu nhà 03 tầng xây dựng từ năm 1996: có diện tích mặt bằng khoảng 500m <sup>2</sup> . Nhà có 02 cầu thang bộ trong nhà bằng bê tông cốt thép. Khu vực nhà cấp 4, một tầng, được xây dựng từ những năm 1983: Có diện tích khoảng 6000m <sup>2</sup>	Khu vực nhà cấp 4, 1 tầng xây dựng 1983; Khu nhà 03 tầng xây dựng từ năm 1996 (Đã cải tạo năm 2023: thay thế vật liệu dễ cháy làm vách, trần tại một số quầy hàng bằng tôn, không thay đổi công năng chính)				x		- Căn cứ điểm 3.2 của văn bản số 1091/C07-P3,P4,P7 ngày 11/4/2023 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH - BCA: Khi không làm tăng quy mô, không làm tăng tính nguy hiểm cháy... thì không thuộc diện thẩm duyệt. - Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động (chợ kiên cố, bán kiên cố), cấp nước chữa cháy trong nhà (khối tích hơn 5.000m <sup>3</sup> ) hệ thống chữa cháy tự động (diện tích trên 3.500m <sup>2</sup> ). (căn cứ TCVN 2622:1995, 6161:1996. TCVN 3890:2023).
<b>Quận Đồ Sơn (0 cơ sở)</b>											
<b>Huyện Bạch Long Vỹ (0 cơ sở)</b>											

**Tổng số 122 cơ sở gồm:**

- Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng: 07 cơ sở
- Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên: 21 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo: 08 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện An Lão: 17 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân huyện An Dương: 16 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Hải An: 04 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng: 09 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Lê Chân: 05 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh: 05 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Kiến An: 14 cơ sở;
- Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền: 05 cơ sở;
- Sở Y tế: 01 cơ sở
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội: 01 cơ sở;
- Sở Giáo dục và Đào tạo: 09 cơ sở

